

2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

☎ 0296 3953 938

✉ cokhiangiang@agm.vn

🌐 www.cokhiangiang.com

Signature Not Verified

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG
Ký ngày: 13/4/2026 16:17:49

MỤC LỤC

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh
và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội
của Công ty

03

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách,
quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm
toán

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt
động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan
đến trách nhiệm môi trường và xã hội
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của
Ban Giám đốc
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban Kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích
của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban
Kiểm soát

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2025

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính được kiểm toán

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT



» Tên Công ty **CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ KHÍ AN GIANG**

» Logo Công ty



» Thông tin liên lạc



www.cokhiangiang.com



Số 839 Trần Hưng Đạo, Tổ 13, Khóm Bình
Thới 1, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang



0296 3953 938



0296 3831 129

» Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

» Tên tiếng Anh : AN GIANG MECHANICAL JOINT STOCK COMPANY

» Mã chứng khoán : CKA

» Tên viết tắt : ANGIMECO (AMC)

» Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : 1600111049 (số cũ 5203000080) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 07/12/2007, Sở Tài chính Tỉnh An Giang cấp thay đổi lần 11 ngày 17/11/2025

Vốn điều lệ : **32.864.040.000** đồng

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2007

Ngày 29/5/2007 UBND tỉnh An Giang có quyết định số 1418/QĐ.UBND về việc chuyển giao Công ty Cơ Khí An Giang về làm thành viên Tổng công ty Máy Động Lực Và Máy Nông Nghiệp. Ngày 07/12/2007, Công ty Cơ khí An Giang được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5203000080 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 19.427.170.000 đồng.

2008

Công ty hoàn toàn chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần.

2009

Ngày 24/03/2009, Công ty Cơ khí An Giang phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tăng vốn điều lệ lên 28.577.430.000 đồng.

2013

Ngày 26/04/2013, Công ty phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, tăng vốn điều lệ lên 32.864.040.000 đồng.

2018

Ngày 12/06/2018, Công ty đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và được cấp mã chứng khoán là CKA. Ngày 10/10/2018, Công ty được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu UPCoM với giá trị giao dịch là 32.864.040.000 đồng. Ngày 17/10/2018, ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên của Công ty với giá tham chiếu là 20.000 đồng/cổ phiếu.

2025

Cơ khí An Giang kiên định với mục tiêu tăng trưởng doanh thu từ lĩnh vực thi công xây dựng cầu các loại. Với kết quả kinh doanh hợp nhất tích cực, lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng trưởng vượt bậc so với cùng kỳ năm 2025 và kế hoạch của cả năm.

1999

Ngày 20/04/1999, theo Quyết định số 764/QĐ.UB của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh An Giang, Xí Nghiệp Cơ khí An Giang được đổi tên thành Công ty Cơ khí An Giang và tiếp tục hoạt động đến nay.

1992

Ngày 21/11/1992, theo Nghị định số 388/HĐ.BT của Hội đồng Bộ trưởng, Xí Nghiệp cơ khí Huyện và Thị Xã được sáp nhập để hình thành nên Xí Nghiệp Cơ khí An Giang.

1976

Ngày 04/09/1976, theo quyết định số 117/QĐ.UB của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang, Xí Nghiệp Cơ khí tỉnh được thành lập với cơ sở vật chất và trang thiết bị được thành lập với cơ sở vật chất và trang thiết bị ban đầu gồm toàn bộ tài sản của Trường Kỹ thuật tỉnh An Giang do chế độ Sài Gòn cũ xây dựng và trang bị từ năm 1966 để lại.

2016

Ngày 04/09/2016, Công ty tổ chức lễ kỷ niệm 40 năm thành lập.

2023

Trong năm 2024, Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty đã vượt qua những khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, không ngừng nỗ lực để phát triển mảng kinh doanh chính. Điều này đã giúp Công ty cải thiện tình hình kinh doanh và lợi nhuận ổn định, đồng thời bảo đảm thu nhập cho người lao động.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

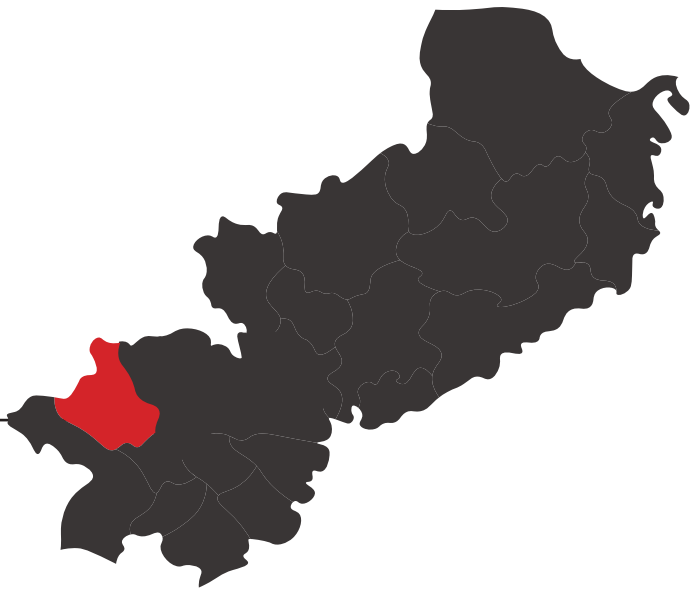
Trong năm qua, hoạt động trọng tâm của Công ty là sản xuất và cung ứng dịch vụ liên quan đến các loại cầu, máy gặt lúa, cùng hệ thống bán lẻ linh kiện đi kèm. Song song với lĩnh vực cốt lõi, Công ty còn mở rộng năng lực sản xuất trong mảng công nghiệp nặng và thiết bị điện, bao gồm: đúc sắt thép; sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện và các thiết bị phân phối, điều khiển điện. Các hoạt động kinh doanh được thực hiện xuyên suốt và tuân thủ theo đúng hồ sơ đăng ký kinh doanh của Công ty.

Địa bàn kinh doanh

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang có trụ sở chính đặt tại Số 839 Trần Hưng Đạo, Khóm Bình Thới 1, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang. Với lợi thế vị trí chiến lược, Công ty tập trung hoạt động chủ yếu tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, phục vụ nhu cầu cơ giới hóa nông nghiệp tại các tỉnh trọng điểm miền Tây Nam Bộ.

Số 839 Trần Hưng Đạo, Tổ 13, Khóm Bình Thới 1, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang

Trụ sở chính



STT	Ngành, nghề kinh doanh	Mã Ngành
1	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất các loại sản phẩm từ kim loại	2599
2	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị điện	2710
3	Đúc sắt, thép Chi tiết: Đúc kim loại, á kim	2431
4	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác đá và khai thác mỏ đá	810
5	Khai khoáng khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Khai thác nước khoáng	899
6	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Mua bán nhớt, mỡ bò	4661
7	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Mua bán sắt thép, ống thép, kim loại màu (mua bán kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại, tôn và thép lá, dây kim loại, khung nhôm, khung đồng)	4662
8	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu	4669
9	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
10	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy móc thiết bị	2829
11	Đóng tàu và cấu kiện nổi Chi tiết: Đóng mới và sửa chữa sà lan	3011
12	Sản xuất mô tô, xe máy Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp và kinh doanh xe mô tô điện, xe đạp điện các loại	3091
13	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơmoóc Chi tiết: Sản xuất phương tiện vận tải khác Chi tiết: Thay đổi kết cấu máy và hệ thống truyền lực của xe có động cơ	3099
14	Tái chế phế liệu Chi tiết: Tái chế phế liệu, phế thải kim loại	3830
15	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng	4329

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

STT	Ngành, nghề kinh doanh	Mã Ngành
16	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật Chi tiết: Xây dựng kết cấu công trình	4390
17	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán xe ô tô các loại	4513
18	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ	4520
19	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán phụ tùng các loại xe máy, mô tô và ô tô	4530
20	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
21	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Mua bán thiết bị văn phòng (máy tính, phần mềm máy tính, thiết bị ngoại vi như: máy in, photocopy, kết sắt, vật tư ngành in)	4651
22	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
23	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
24	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
25	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết:Thiết kế công trình kết cấu thép Chi tiết:Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình Chi tiết: Các dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ Chi tiết: Dịch vụ thiết kế phương tiện vận tải thủy	7410
26	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà	4322
27	Bán mô tô, xe máy	4541
28	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
29	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
30	Bán buôn thực phẩm	4632
31	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
32	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
33	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
34	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

STT	Ngành, nghề kinh doanh	Mã Ngành
35	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
36	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn và đầu tư các giải pháp về điện năng lượng mặt trời	7490
37	Cho thuê xe có động cơ	7710
38	Bán buôn tổng hợp	4690
39	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
40	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
41	Dịch vụ liên quan đến in	1812
42	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất tấm bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép Chi tiết: Dầm cầu liên hợp bê tông cốt thép Chi tiết: Sản xuất gạch không nung	2395
43	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
44	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
45	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
46	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
47	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
48	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
49	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
50	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
51	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
52	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
53	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
54	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
55	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
56	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
57	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

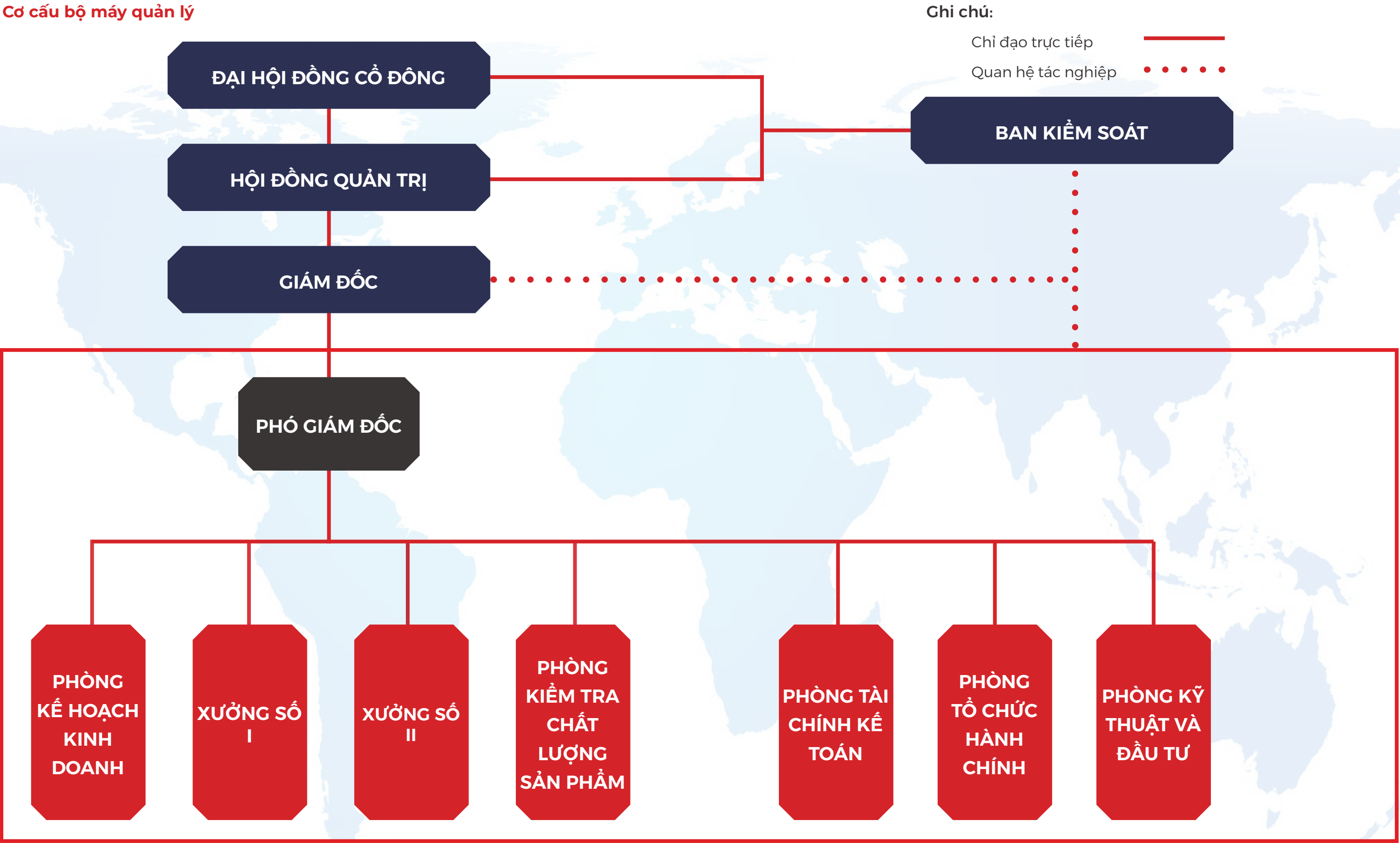
STT	Ngành, nghề kinh doanh	Mã Ngành
58	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
59	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
60	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
61	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
62	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
63	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
64	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
65	Bốc xếp hàng hóa	5224
66	Dịch vụ ăn uống khác	5629
67	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
68	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
69	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
70	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
71	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
72	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
73	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
74	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
75	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	4659
76	Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời	
76	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3511
76	Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời	
77	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	4211
78	Xây dựng công trình đường bộ	4212
78	Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông: cầu, đường, cống	
79	Xây dựng công trình thủy	4291
80	Lắp đặt hệ thống điện	4321
81	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

STT	Ngành, nghề kinh doanh	Mã Ngành
82	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
83	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
84	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ,
TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu bộ máy quản lý



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Hiện nay, mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang được tổ chức theo quy định tại Điểm a Điều 32 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc và các phòng ban liên quan:



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, giữ vai trò quyết định đối với những vấn đề trọng yếu mang tính chiến lược và ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bền vững của Công ty. Mọi quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông đều được thực hiện dựa trên phạm vi quyền hạn theo quy định hiện hành và Điều lệ Công ty. Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư, cổ đông phổ thông được tạo điều kiện tối đa để tham dự và thực hiện quyền biểu quyết - trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền - đối với các quyết định quan trọng của doanh nghiệp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty được Đại hội đồng cổ đông bầu ra, đại diện cho Công ty trong việc quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến quyền và nghĩa vụ của tổ chức, ngoại trừ các thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Trong công tác điều hành, Hội đồng quản trị đóng vai trò định hướng chiến lược, đồng thời thực hiện chức năng giám sát và chỉ đạo Ban Giám đốc cùng các cán bộ quản lý trong hoạt động kinh doanh hàng ngày. Mọi quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị được thực thi nghiêm túc dựa trên nền tảng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ và Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra với nhiệm kỳ là không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, hoạt động theo nguyên tắc độc lập, khách quan và không chịu sự chi phối của Hội đồng quản trị cũng như Ban Giám đốc. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát được quy định trong Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Trong đó, trọng tâm hoạt động của Ban Kiểm soát là giám sát tính tuân thủ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

GIÁM ĐỐC



Giám đốc của Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty, giữ vai trò then chốt trong việc trực tiếp điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Trách nhiệm trọng tâm của Giám đốc là tổ chức triển khai hiệu quả các Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua, đảm bảo sự nhất quán trong định hướng phát triển của doanh nghiệp. Bên cạnh việc thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm, Giám đốc còn chủ trì công tác xây dựng các bản dự toán tài chính và kế hoạch vận hành theo định kỳ tháng, năm cũng như tầm nhìn dài hạn, nhằm tối ưu hóa nguồn lực và bám sát mục tiêu chiến lược mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã đề ra.

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty Cổ phần Cơ Khí An Giang có 2 Công ty con là Công ty TNHH MTV Cơ Khí Long Xuyên và Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang (tên cũ là Công ty TNHH MTV Cầu Đường Cơ Khí An Giang); 1 Công ty liên doanh là Công ty TNHH Liên Doanh Antraco

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ LONG XUYỀN

- **Địa chỉ:** Số 1785, Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang
- **Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:** Sản xuất các cấu kiện kim loại
- **Điện thoại:** (0296) 383 3792 - (0296) 221 1314 - (0296) 834 365
- **Fax:** (0296) 383 5770
- **Vốn điều lệ thực góp:** 4.584.859.059 đồng
- **Tỷ lệ sở hữu của Công ty:** 100%

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG CẦU ĐƯỜNG AN GIANG

- **Địa chỉ:** Số 839, Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang
- **Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:** Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- **Điện thoại:** (0296) 398 9753
- **Fax:** (0296) 398 9755
- **Vốn điều lệ thực góp:** 10.000.000.000 đồng
- **Tỷ lệ sở hữu của Công ty:** 100%

CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ANTRACO

- **Địa chỉ:** Ấp Rò Leng, Xã Tri Tôn Tỉnh An Giang
- **Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính:** Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- **Điện thoại:** (0296) 387 4616
- **Fax:** (0296) 377 2249
- **Vốn điều lệ thực góp:** 7.956.213.357 đồng
- **Tỷ lệ sở hữu của Công ty:** 49%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Tọa lạc tại trung tâm sản xuất nông nghiệp trọng điểm của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và của cả nước, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang mang trong mình sứ mệnh tiên phong trong công cuộc cơ giới hóa, tự động hóa thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển hạ tầng giao thông nông thôn. Với tâm thế đó, Công ty không ngừng nỗ lực duy trì vị thế dẫn đầu trong lĩnh vực hoạt động, đồng thời cam kết đáp ứng tối ưu mọi nhu cầu của khách hàng thông qua các mục tiêu chiến lược sau:

- **Đối với khách hàng**
Cung ứng những giải pháp và sản phẩm cơ khí tối ưu, góp phần nâng cao hiệu suất sản xuất nông nghiệp và kết nối giao thông tại địa phương.
- **Đối với cổ đông**
Tập trung tối đa hóa giá trị doanh nghiệp và lợi nhuận trên vốn cổ phần, đảm bảo lợi ích thiết thực cho các cổ đông và thúc đẩy sự phát triển lớn mạnh của Công ty.
- **Đối với thị trường**
Chủ động mở rộng mạng lưới kinh doanh nhằm củng cố và nâng cao vị thế cạnh tranh của thương hiệu trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.
- **Đối với đội ngũ nhân sự**
Đảm bảo thu nhập ổn định cùng chế độ đãi ngộ công bằng, tạo động lực mạnh mẽ để cán bộ công nhân viên gắn bó và cống hiến cho sự phát triển bền vững.
- **Đối với cộng đồng**
Gia tăng trách nhiệm xã hội, góp phần vào sự phát triển chung của địa phương và nâng cao uy tín doanh nghiệp trong cộng đồng.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Chiến lược phát triển trung hạn

Trong giai đoạn trung hạn, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang tập trung đẩy mạnh mở rộng thị phần và đa dạng hóa danh mục sản phẩm. Đối với lĩnh vực xây dựng cầu, Công ty chủ động tham gia đấu thầu và triển khai các công trình trọng điểm có quy mô lớn. Song song đó, công tác nghiên cứu và phát triển được ưu tiên hàng đầu nhằm cải tiến kỹ thuật cho dòng máy gặt lúa, tối ưu hóa công nghệ để nâng cao năng suất và tiết kiệm nhiên liệu.

Bên cạnh khía cạnh sản xuất, Công ty chú trọng đầu tư vào hệ thống quản trị và phát triển nguồn nhân lực. Thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu và bồi dưỡng nghiệp vụ, doanh nghiệp không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ kỹ sư và công nhân lành nghề, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe của ngành cơ khí xây lắp. Việc ứng dụng công nghệ số vào quy trình vận hành và quản lý dự án cũng được đẩy mạnh, tạo nền tảng vững chắc cho sự tăng trưởng bền vững.

Chiến lược phát triển dài hạn

Trong tầm nhìn dài hạn, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang định hướng khẳng định vị thế trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, tự động hóa và trí tuệ nhân tạo vào quy trình chế tạo nhằm tối ưu hóa năng suất, đồng thời xây dựng mô hình sản xuất xanh giảm thiểu phát thải để hướng tới sự phát triển bền vững. Song song với việc đầu tư máy móc hiện đại và nâng cao năng lực tổng thể cho các dự án quy mô lớn, Công ty không ngừng hệ thống hóa quy trình quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế như ISO, ASME và 5S nhằm củng cố niềm tin với khách hàng và đối tác. Đặc biệt, yếu tố con người và văn hóa doanh nghiệp luôn được đặt làm trọng tâm thông qua các chương trình quy hoạch, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý kế thừa và xây dựng môi trường làm việc tích cực, trách nhiệm, góp phần cải thiện toàn diện đời sống vật chất lẫn tinh thần cho người lao động.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG) VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang luôn kiên định với triết lý gắn kết chặt chẽ hoạt động kinh doanh với trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. Công ty nhận thấy rằng việc tuân thủ các chuẩn mực đạo đức kinh doanh và trách nhiệm đối với cộng đồng không chỉ là yếu tố then chốt trong hệ thống phát triển bền vững của quốc gia, mà còn là nền tảng vững chắc cho sự thịnh vượng lâu dài của chính doanh nghiệp. Ý thức được vai trò của mình, Công ty không chỉ nỗ lực đảm bảo an sinh xã hội mà còn tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về khí thải và quản lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, Công ty nhận thức sâu sắc rằng việc duy trì hệ sinh thái song hành cùng phát triển kinh tế là nhiệm vụ không thể tách rời. Do đó, doanh nghiệp đã chủ động đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sản xuất xanh, tăng cường tái chế phế liệu kim loại và tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng nhằm giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực. Hệ thống xử lý nước thải và khí thải luôn được vận hành đạt chuẩn, đảm bảo kiểm soát tốt rác thải công nghiệp trước khi thải ra môi trường. Đặc biệt, Công ty luôn chú trọng nâng cao nhận thức và thúc đẩy tinh thần đồng lòng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong việc giữ gìn môi trường sống xanh - sạch - đẹp.



Đối với cộng đồng và xã hội, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang luôn thể hiện vai trò của một đơn vị đáng tin cậy thông qua việc xây dựng môi trường làm việc an toàn và đảm bảo chế độ đãi ngộ công bằng cho người lao động. Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao tay nghề và bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cán bộ công nhân viên, xem đây là nhân tố quyết định sự phát triển bền vững. Song song đó, các hoạt động thiện nguyện và an sinh xã hội tại địa phương luôn được duy trì nhằm hỗ trợ những hộ gia đình gặp khó khăn và góp phần xây dựng hạ tầng nông thôn. Những nỗ lực này không chỉ giúp hiện thực hóa sứ mệnh đồng hành cùng nông dân trong công cuộc cơ giới hóa nông nghiệp, mà còn góp phần tạo dựng một môi trường kinh doanh lành mạnh, đóng góp tích cực vào sự thịnh vượng chung của toàn xã hội.

CÁC RỦI RO



RỦI RO KINH KẾ

Năm 2025, nền kinh tế thế giới phải đối mặt với những biến động sâu sắc phát sinh từ các chính sách thuế quan diện rộng và sự leo thang không ngừng của xung đột thương mại giữa các cường quốc. Những yếu tố này không chỉ thúc đẩy quá trình tái cấu trúc chuỗi cung ứng trên quy mô toàn cầu mà còn gây áp lực trực tiếp lên mặt bằng giá cả nguyên liệu đầu vào của ngành cơ khí, đặc biệt là thị trường sắt thép. Với dự báo tăng trưởng GDP thế giới duy trì ở mức khiêm tốn từ 3,1% đến 3,2%, nhu cầu tiêu dùng nông sản toàn cầu đã xuất hiện những tín hiệu chậm lại, từ đó tác động gián tiếp đến tâm lý đầu tư và khả năng tái trang bị máy móc thiết bị của người nông dân. Tuy nhiên, trong bức tranh chung đó, khu vực Đông Nam Á và đặc biệt là Việt Nam vẫn khẳng định được vị thế là điểm đến chiến lược cho dòng vốn dịch chuyển, tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển của hạ tầng công nghiệp và giao thông - những lĩnh vực trọng tâm mà Công ty đang hướng tới.

Mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề từ thiên tai, nền kinh tế Việt Nam trong năm 2025 vẫn ghi nhận sự phục hồi mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng GDP ấn tượng đạt 8,02%. Đáng chú ý, Chính phủ đã xác định hạ tầng giao thông là một trong hai “điểm nghẽn” chiến lược lớn nhất của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, song hành cùng những thách thức về nguồn nhân lực chất lượng cao. Để tháo gỡ triệt để nút thắt này, tổng vốn đầu tư cho hạ tầng giao

thông khu vực trong nhiệm kỳ hiện tại ước đạt gần 600.000 tỷ đồng - mức kinh phí cao nhất từ trước đến nay dành cho vùng. Việc tập trung nguồn lực khổng lồ vào các công trình trọng điểm không chỉ mở ra cơ hội bứt phá cho phân khúc xây lắp cầu và sản xuất kết cấu thép của Công ty, mà còn tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho việc vận chuyển máy móc và nông sản xuyên suốt toàn vùng.

Trong bối cảnh lạm phát được kiểm soát hiệu quả, mặt bằng lãi suất ổn định đã hỗ trợ đắc lực cho Công ty trong việc tối ưu hóa chi phí vốn để đầu tư vào hệ thống máy móc và công nghệ sản xuất hiện đại. Sự ổn định của tỷ giá cũng đóng vai trò quan trọng giúp giảm thiểu rủi ro tài chính khi nhập khẩu các loại phôi thép và linh kiện kỹ thuật cao phục vụ sản xuất.

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình kinh tế vĩ mô, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang xác định việc theo dõi sát sao các chỉ số kinh tế và biến động giá cả nguyên vật liệu là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. Sự nhạy bén trong công tác kiểm soát rủi ro tài chính, kết hợp với việc không ngừng tối ưu hóa quy trình sản xuất, chính là chìa khóa vàng để Công ty duy trì hoạt động ổn định, bảo đảm mang lại giá trị gia tăng bền vững cho các cổ đông và đối tác, đồng thời giữ vững vị thế tiên phong trong sứ mệnh hiện đại hóa nông nghiệp nước nhà.

RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và thực hiện giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang luôn đặt việc tuân thủ pháp luật làm nền tảng cốt yếu trong quản trị doanh nghiệp. Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh trực tiếp từ hệ thống văn bản pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế và Luật Lao động. Đặc biệt, với đặc thù kinh doanh trong lĩnh vực thi công xây dựng cầu và cơ khí hạng nặng, Công ty còn chịu tác động sâu rộng từ các quy định chuyên ngành về Luật Đầu tư, Luật Quy hoạch, Luật Đất đai và Luật Xây dựng. Trong bối cảnh môi trường pháp lý tại Việt Nam đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ, bất kỳ sự thay đổi nào trong hệ thống chính sách cũng được Công ty nhận diện là yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả vận hành và chiến lược phát triển dài hạn.

Bên cạnh các quy định pháp lý chung, Công ty luôn chú trọng đến công tác quản trị các thỏa thuận dân sự và hợp đồng kinh tế. Nhận thức được rằng áp lực từ phía khách hàng cũng như tiến độ thi công khắt khe có thể dẫn đến những sơ suất trong đàm phán, dễ phát sinh tranh chấp hoặc kiện tụng, Công ty đã thiết lập một hệ thống quản trị rủi ro chặt chẽ. Cụ thể, Công ty đã xây dựng và áp dụng bộ văn bản hợp đồng mẫu tiêu chuẩn, đồng thời duy trì quy trình kiểm soát, đánh giá định kỳ các điều khoản rủi ro. Việc thường xuyên cập nhật và phổ biến thông tin pháp lý đến các bộ phận nghiệp vụ liên quan không chỉ giúp giải quyết công việc kịp thời mà còn nâng cao uy tín của doanh nghiệp trên thị trường chứng khoán và đối với các đối tác chiến lược.



CÁC RỦI RO

RỦI RO CẠNH TRANH



Tại Việt Nam, ngành nông nghiệp không chỉ đóng vai trò then chốt trong việc đảm bảo an ninh lương thực quốc gia mà còn là nền tảng cốt lõi thúc đẩy nền kinh tế hội nhập sâu rộng với thị trường thế giới. Trong giai đoạn hiện nay, sự phát triển của ngành đang chuyển mình mạnh mẽ theo hướng hiện đại hóa thông qua việc tăng cường đầu tư và áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật mới. Việc đẩy mạnh cơ giới hóa, đưa máy móc và công nghệ tiên tiến vào quy trình sản xuất đã thay thế hiệu quả lao động thủ công, từ đó giúp gia tăng năng suất, giảm thiểu tổn thất sau thu hoạch và nâng cao năng lực cạnh tranh cho nông sản Việt Nam trên trường quốc tế.

Thị trường cơ khí phục vụ nông nghiệp tại Việt Nam hiện đang mở ra những tiềm năng tăng trưởng vô cùng lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp giàu kinh nghiệm như Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang bứt phá. Tuy nhiên, sự hấp dẫn của thị trường cũng kéo theo cuộc cạnh tranh gay gắt từ các tập đoàn đa quốc gia. Các nhà sản xuất thiết bị điện và máy gặt lúa đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc với ưu thế về công nghệ vượt trội, danh mục sản phẩm đa dạng cùng chiến lược giá cạnh tranh đang tạo ra áp lực không nhỏ. Bên cạnh đó, trong lĩnh vực thi công hạ tầng, Công ty còn phải đối mặt với các doanh nghiệp xây dựng lớn có tiềm lực tài chính hùng hậu và công nghệ thi công hiện đại, vốn có nhiều lợi thế trong việc đấu thầu các dự án xây dựng cầu quy mô lớn.

Trước những thách thức đó, Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang đã chủ động triển khai những nhóm giải pháp mang tính chiến lược với mục tiêu trọng tâm là đẩy mạnh đầu tư hệ thống trang thiết bị hiện đại và chuyển giao công nghệ sản xuất tiên tiến nhằm tối ưu hóa hiệu suất khai thác tài sản. Việc không ngừng cải tiến quy trình không chỉ giúp giảm thiểu chi phí thiệt hại và hao hụt trong sản xuất mà còn góp phần gia tăng đáng kể hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó khẳng định vị thế cạnh tranh mạnh mẽ của Cơ khí An Giang thị trường cơ khí xây lắp.



RỦI RO GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn và tiềm ẩn những biến động khó lường, việc quản lý nguồn nguyên vật liệu đầu vào cùng nhiệm vụ thiết lập mạng lưới nhà cung cấp phù hợp đã trở thành một trong những thách thức chiến lược đối với sự phát triển của doanh nghiệp. Nhận thức rõ tầm quan trọng của vấn đề này, Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang đã chủ động triển khai hệ thống các biện pháp quản trị rủi ro toàn diện nhằm bảo vệ biên lợi nhuận và duy trì nhịp độ sản xuất ổn định. Để ứng phó hiệu quả với sự bấp bênh của thị trường, Công ty thực hiện ký kết các hợp đồng cung ứng dài hạn với các đối tác uy tín, kết hợp với việc theo dõi sát sao diễn biến thị trường để đưa ra các dự báo chính xác về biến động giá, từ đó điều chỉnh kế hoạch mua hàng một cách linh hoạt và tối ưu.

Song song với việc ổn định nguồn cung, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang còn chú trọng thực hiện đa dạng hóa danh mục nhà cung cấp để tránh tình trạng phụ thuộc vào một nguồn duy nhất, đồng thời duy trì mức dự trữ nguyên vật liệu hợp lý nhằm ngăn ngừa nguy cơ gián đoạn sản xuất do đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu. Công ty liên tục cải tiến và tinh gọn quy trình sản xuất nhằm giảm thiểu lãng phí, tiết giảm định mức tiêu hao và chủ động tìm kiếm các nguồn cung thay thế có mức chi phí tối ưu hơn nhưng vẫn đảm bảo tuyệt đối các tiêu chuẩn chất lượng. Ngoài ra, việc theo dõi chặt chẽ các thay đổi trong chính sách thương mại quốc tế cũng giúp doanh nghiệp kịp thời tiếp cận các chương trình ưu đãi thuế suất, qua đó giảm nhẹ áp lực chi phí đầu vào.

CÁC RỦI RO



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Đối với Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang, quản trị rủi ro môi trường là nhiệm vụ quan trọng song hành với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận kinh tế. Công ty hiện đối mặt với hai thách thức lớn: tác động từ biến đổi khí hậu gây gián đoạn tiến độ thi công cầu và ảnh hưởng đến mùa vụ nông nghiệp; cùng rủi ro ô nhiễm từ khí thải, chất thải trong quá trình đúc thép và sản xuất thiết bị điện.

Để ứng phó, Công ty chủ động đầu tư vào công nghệ tiết kiệm năng lượng, ưu tiên vật liệu bền vững và xây dựng kế hoạch dự phòng thiên tai chi tiết. Đồng thời, doanh nghiệp tập trung nâng cấp hệ thống xử lý chất thải và áp dụng tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 nhằm kiểm soát chặt chẽ các chỉ số phát thải. Những nỗ lực này không chỉ giúp Công ty tuân thủ nghiêm ngặt quy định pháp luật mà còn khẳng định trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái và cộng đồng.

RỦI RO KHÁC

Bên cạnh các rủi ro đặc thù ngành, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang luôn chú trọng nhận diện các yếu tố bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh và biến đổi khí hậu. Dù tần suất xảy ra thấp, những sự kiện này có khả năng gây tổn thất nghiêm trọng về người và tài sản. Đặc biệt, trong lĩnh vực thi công xây dựng, các hiện tượng thời tiết cực đoan như mưa bão kéo dài hay nắng nóng gay gắt ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và chất lượng công trình.

Để giảm thiểu tác động từ những rủi ro ngoài tầm kiểm soát, Công ty thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phòng cháy chữa cháy, cứu hộ và cứu nạn. Hệ thống thiết bị khẩn cấp được kiểm tra định kỳ, song hành với việc đào tạo kỹ năng an toàn và phòng ngừa cho đội ngũ nhân viên. Đặc biệt, nhằm tối ưu hóa khả năng ứng phó tài chính, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang đã triển khai mua bảo hiểm cho toàn bộ người lao động và tài sản đơn vị. Giải pháp này không chỉ đảm bảo nguồn lực xử lý sự cố kịp thời mà còn giúp doanh nghiệp duy trì hoạt động ổn định và bền vững trước những tình huống bất khả kháng.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

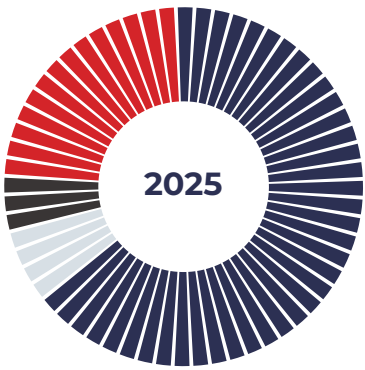
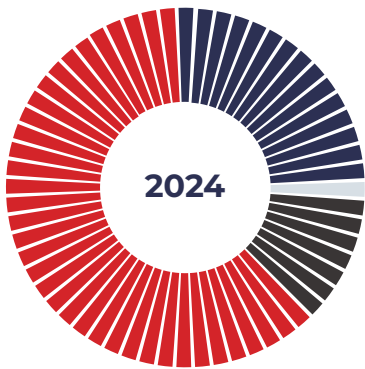
Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Doanh thu bán thành phẩm	44.713	24,44%	103.150	63,51%	58.437	130,69%
Doanh thu xây dựng các loại cầu	125.406	68,55%	43.194	26,59%	(82.212)	(65,56%)
Doanh thu bán hàng hoá	10.136	5,54%	10.326	6,36%	190	1,87%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.699	1,47%	5.752	3,54%	3.054	113,16%
Tổng cộng	182.953	100%	162.422	100%	(20.532)	(11,22%)

Nhận xét

Năm 2025, tổng doanh thu của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang đạt 162.422 triệu đồng, giảm 11,2% (tương đương 20.532 triệu đồng) so với năm 2024. Mặc dù tổng doanh thu sụt giảm, cơ cấu các mảng hoạt động ghi nhận sự thay đổi đáng kể theo hướng chuyển dịch trọng tâm sang lĩnh vực kinh doanh máy móc.

Doanh thu từ hoạt động bán thành phẩm đạt 103.150 triệu đồng, tăng 130,69% so với cùng kỳ. Sự gia tăng này đưa tỷ trọng mảng kinh doanh từ 24,44% (năm 2024) lên mức chi phối 63,51% trong tổng doanh thu năm 2025. Kết quả này cho thấy sự tập trung nguồn lực của Công ty vào công tác kinh doanh các máy cơ giới nông nghiệp. Trái lại, mảng xây dựng các loại cầu ghi nhận mức sụt giảm mạnh, chỉ đạt 43.194 triệu đồng, giảm 65,56% so với năm 2024. Tỷ trọng của mảng này trong tổng doanh thu theo đó giảm từ 68,55% xuống còn 26,59%. Đối với các hoạt động khác, doanh thu bán hàng hóa duy trì ổn định ở mức 10.326 triệu đồng (tăng 1,87%), trong khi doanh thu cung cấp dịch vụ đạt 5.752 triệu đồng, tăng trưởng 113,16% so với năm trước.

Tổng kết lại, kết quả kinh doanh năm 2025 phản ánh sự hoán đổi vai trò giữa hai mảng hoạt động lớn nhất của Công ty. Việc mảng kinh doanh thiết bị cơ giới nông nghiệp vươn lên chiếm tỷ trọng hơn 63% khẳng định định hướng chuyển đổi mô hình kinh doanh của Công ty trong năm qua. Dù quy mô doanh thu tổng thể giảm do sự thu hẹp của mảng xây dựng, sự tăng trưởng của mảng kinh doanh máy móc đã xác lập một cơ cấu doanh thu mới, phù hợp với điều kiện thị trường thực tế tại địa phương.



- Doanh thu xây dựng các loại cầu
- Doanh thu bán thành phẩm
- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Doanh thu bán hàng hoá

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2024	TH 2025	KH 2025	TH2025/TH2024	TH2025/KH2025
Tổng doanh thu	182.953	162.422	197.000	88,78%	82,45%
Lợi nhuận trước thuế	24.081	67.036	22.400	278,37%	299,27%
Lợi nhuận sau thuế	23.784	65.204	21.560	274,16%	302,43%

Nhận xét

Kết thúc năm tài chính 2025, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang ghi nhận sự biến động trái chiều giữa chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận. Về doanh thu, Công ty đạt 162.422 triệu đồng, thực hiện được 82,45% so với kế hoạch đề ra và giảm 11,22% so với cùng kỳ năm 2024. Việc chưa hoàn thành kế hoạch doanh thu chủ yếu do sự sụt giảm quy mô ở mảng xây dựng như đã phân tích trước đó.

Tuy nhiên, các chỉ tiêu lợi nhuận lại ghi nhận sự tăng trưởng đột phá, vượt xa kỳ vọng và kế hoạch định hướng. Cụ thể, lợi nhuận trước thuế đạt 67.036 triệu đồng, vượt 199,27% so với kế hoạch (22.400 triệu đồng) và tăng trưởng 178,37% so với năm 2024. Tương ứng, lợi nhuận sau thuế đạt 65.204 triệu đồng, hoàn thành 302,43% kế hoạch năm.

Sự chênh lệch tích cực giữa mức giảm doanh thu và mức tăng mạnh của lợi nhuận đến từ sự bứt phá của doanh thu tài chính của Công ty - cụ thể đến từ hoạt động hiệu quả của Công ty TNHH Liên kết Antraco. Tổng kết lại, dù chưa đạt mục tiêu về doanh thu tổng thể, năm 2025 vẫn là một năm kinh doanh đặc biệt thành công của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang khi các chỉ tiêu lợi nhuận thực hiện đều gấp khoảng 3 lần so với kế hoạch và cùng kỳ năm trước, tạo nền tảng tài chính vững chắc cho các giai đoạn phát triển tiếp theo.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban Điều hành

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu/ đại diện	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Thanh Vân	Thành viên HĐQT	103.143	3,14%
		Giám đốc	440.701 (*)	13,41%
2	Huỳnh Văn An	Thành viên HĐQT	53.198	1,62%
		Phó Giám đốc		
3	Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Kế toán trưởng	0	0%

(*) Số cổ phần đại diện sở hữu của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Lý lịch Ban Điều hành

ÔNG LÊ THANH VÂN

Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Quốc tịch:

Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Cơ khí

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Liên Doanh Antraco

Quá trình công tác:

06/1997 – 10/1998	Phó Phòng kỹ thuật, Xí nghiệp Cơ khí Tỉnh An Giang
10/1998 – 11/1998	Phó Quản đốc Phân xưởng Gò Hàn
11/1998 – 09/2011	Quản đốc Phân xưởng Gò hàn
09/2022 – 12/2021	Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
06/2014 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
12/2021 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc tại Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
03/2022 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Liên doanh Antraco

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- » Sở hữu: 103.143 cổ phần, chiếm 3,14% vốn điều lệ
- » Đại diện: 440.701 cổ phần, chiếm 13,41% vốn điều lệ

Lý lịch Ban Điều hành

ÔNG HUỲNH VĂN AN

Phó Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Quốc tịch:

Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Cơ khí

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Thành viên HĐQT Công ty TNHH Liên Doanh Antraco

Quá trình công tác:

08/1996 - 05/2003	Nhân viên tại Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
05/2003 – 09/2011	Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
09/2011 – 09/2021	Trưởng phòng Kỹ thuật và Đầu tư Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
04/2019 đến nay	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ Khí An Giang
03/2022 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty TNHH Liên doanh Antraco
05/2022 đến nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ Khí An Giang

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- » Sở hữu: 53.198 cổ phần, chiếm 1,62% vốn điều lệ
- » Đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Lý lịch Ban Điều hành

BÀ PHAN THỊ NGỌC LAN THANH

Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Kế toán trưởng
kiêm Người phụ trách quản trị Công ty

Quá trình công tác:

08/2005 – 08/2011	Nhân viên Kế toán CTCP Giấy Tân Việt Phát
05/2012 – 06/2021	Phụ trách Kế toán Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên
05/2016 đến nay	Kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang (hiện nay là Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang)
06/2017 – 06/2025	Chủ hộ kinh doanh tại HKD CH Kinh Doanh Đồng trùng hạ thảo
09/2020 đến nay	Kiểm soát viên tại Công ty TNHH Liên Doanh Antraco
06/2021 – 05/2024	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
05/2024 đến nay	Kế toán trưởng kiêm Người phụ trách Quản trị Công ty, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- » Sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- » Đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- » Kiểm soát viên tại Công ty TNHH Liên Doanh Antraco
- » Kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu Đường An Giang

Những thay đổi trong Ban Điều hành trong năm 2025 Không có

Số lượng cán bộ, nhân viên

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ	150	100,00%
1	Trên Đại học, Đại học, Cao đẳng	60	40,00%
2	Trình độ trung cấp chuyên nghiệp	22	14,67%
3	Công nhân kỹ thuật	59	39,33%
4	Lao động phổ thông	9	6,00%
II	Theo giới tính	150	100,00%
1	Nam	142	94,67%
2	Nữ	8	5,33%
III	Theo tính chất hợp đồng lao động	150	100,00%
1	Lao động vụ việc	1	0,67%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	10	6,67%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	139	92,66%

Mức thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng lao động bình quân	188	184	178	150
Tiền lương bình quân (đồng/người/năm)	99.600.000	100.800.000	89.400.000	94.080.000

Tính tại ngày 31/12/2025

TỔNG SỐ LƯỢNG CÁN BỘ - CÔNG NHÂN VIÊN LÀ:

150 người



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chính sách nhân sự

Tại Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang, con người được xác định là lực lượng nòng cốt, quyết định sự thành công và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Công ty tập trung xây dựng môi trường làm việc tối ưu, nơi mỗi cá nhân đều được trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị hiện đại để phát huy tối đa năng suất. Văn hóa doanh nghiệp được xây dựng dựa trên sự minh bạch, cởi mở và tôn trọng lẫn nhau, tạo điều kiện để thu hút và giữ chân nhân tài lâu dài.



Về đào tạo

Công ty đặc biệt chú trọng đến công tác bồi dưỡng nghiệp vụ thông qua việc cử người lao động tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn theo nhu cầu công việc và hỗ trợ toàn bộ chi phí đào tạo. Song song với nâng cao chuyên môn, an toàn lao động là ưu tiên hàng đầu. Công ty thực hiện cấp phát đầy đủ bảo hộ lao động cá nhân, trang bị giày và kính an toàn, đồng thời tổ chức huấn luyện bài bản để đảm bảo môi trường làm việc an toàn nhất cho nhân viên.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty thiết lập quy chế tiền lương, tiền thưởng rõ ràng, đảm bảo tính công bằng và sức cạnh tranh trên thị trường lao động. Các cam kết trong hợp đồng lao động và quy định pháp luật về Bảo hiểm xã hội luôn được tuân thủ nghiêm ngặt, đảm bảo chi trả đầy đủ và đúng hạn. Hệ thống phúc lợi của Công ty được thiết kế đa dạng nhằm chăm sóc toàn diện cho người lao động, bao gồm:

- **Thưởng và động viên:** Khen thưởng sáng kiến và thưởng đột xuất theo hiệu quả công việc để thúc đẩy tinh thần sáng tạo.
- **Phụ cấp và hỗ trợ:** Duy trì phụ cấp điện thoại cho cán bộ chủ chốt và hỗ trợ tiền ăn giữa ca cho người lao động.
- **Chăm sóc sức khỏe:** Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, tầm soát bệnh nghề nghiệp và trang bị gói bảo hiểm con người 24/24.
- **Gắn kết tinh thần:** Tổ chức các hoạt động thể dục thể thao định kỳ và tặng quà cho nhân viên cùng gia đình vào các dịp Lễ, Tết (Trung thu, Quốc tế Thiếu nhi, Tết Nguyên đán...).

Thông qua việc kết hợp hài hòa giữa lợi ích vật chất và giá trị tinh thần, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang không chỉ tạo động lực làm việc mạnh mẽ mà còn xây dựng được một tập thể đoàn kết, cùng hướng tới mục tiêu phát triển chung của doanh nghiệp.



Về tuyển dụng

Công tác tuyển dụng tại Công ty được thực hiện theo nguyên tắc công khai và trình tự quy chuẩn. Thông tin tuyển dụng được đăng tải rộng rãi trên website và thông báo nội bộ để đảm bảo tính minh bạch. Công ty ưu tiên thu hút những ứng viên có nền tảng chuyên môn xuất sắc, kinh nghiệm dày dặn, đồng thời đề cao các phẩm chất về sự cẩn trọng, tinh thần trách nhiệm và khả năng phối hợp đội nhóm nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, sẵn sàng đối mặt với mọi biến động của thị trường.



Về môi trường công việc

Trong bối cảnh chiến lược phát triển hiện nay, yếu tố con người đóng vai trò then chốt, quyết định trực tiếp đến sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp. Nhận thức rõ tầm quan trọng này, Công ty Cổ phần Cơ Khí An Giang luôn ưu tiên đầu tư vào nhân sự, tạo dựng môi trường làm việc tối ưu để thu hút, phát triển và giữ chân nhân tài.

Về cơ sở vật chất, công ty cam kết trang bị đầy đủ máy móc, thiết bị hiện đại, đáp ứng tối đa nhu cầu công việc của mỗi nhân viên. Nhờ đó, cán bộ nhân viên có thể tập trung hoàn thành nhiệm vụ một cách hiệu quả nhất, đồng thời nâng cao năng suất và chất lượng lao động.

Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang còn chú trọng xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp minh bạch và cởi mở. Môi trường làm việc luôn được đề cao sự thân thiện, tôn trọng lẫn nhau, tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát huy tối đa tiềm năng và đóng góp cho sự phát triển chung của công ty.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang không thực hiện đầu tư dự án.

Các công ty con, công ty liên kết

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ LONG XUYỀN

- Địa chỉ: Số 1785, Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất các cấu kiện kim loại
- Điện thoại: (0296) 383 3792 – (0296) 221 1314 – (0296) 834 365
- Fax: (0296) 383 5770
- Vốn điều lệ thực góp: 4.584.859.059 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 100%

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	%2025/2024
Tổng tài sản	Triệu đồng	8.174	5.799	70,94%
Doanh thu	Triệu đồng	14.241	11.379	79,90%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(669)	(240)	
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	(669)	(240)	



Các công ty con, công ty liên kết

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG CẦU ĐƯỜNG AN GIANG

- Địa chỉ: Số 839, Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Tỉnh An Giang
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Điện thoại: (0296) 398 9753
- Fax: (0296) 398 9755
- Vốn điều lệ thực góp: 10.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 100%

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	%2025/2024
Tổng tài sản	Triệu đồng	19.855	13.295	66,96%
Doanh thu	Triệu đồng	32.296	12.771	39,54%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	(1.370)	(2.386)	
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	(1.370)	(2.386)	

CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ANTRACO

- Địa chỉ: Ấp Rò Leng, Xã Tri Tôn Tỉnh An Giang
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Điện thoại: (0296) 387 4616
- Fax: (0296) 377 2249
- Vốn điều lệ thực góp: 7.956.213.357 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 49%

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025	%2025/2024
Tổng tài sản	Triệu đồng	146.146	296.401	202,81%
Doanh thu	Triệu đồng	570.349	885.090	155,18%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	101.899	214.197	210,21%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	78.630	170.119	216,35%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/Giảm	
			Giá trị	Tỷ lệ
Tổng giá trị tài sản	179.691	206.230	26.539	14,77%
Doanh thu thuần	182.953	162.422	(20.532)	(11,22%)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	24.292	67.010	42.718	175,85%
Lợi nhuận khác	(211)	25	237	
Lợi nhuận trước thuế	24.081	67.036	42.954	178,37%
Lợi nhuận sau thuế	23.784	65.204	41.421	174,16%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

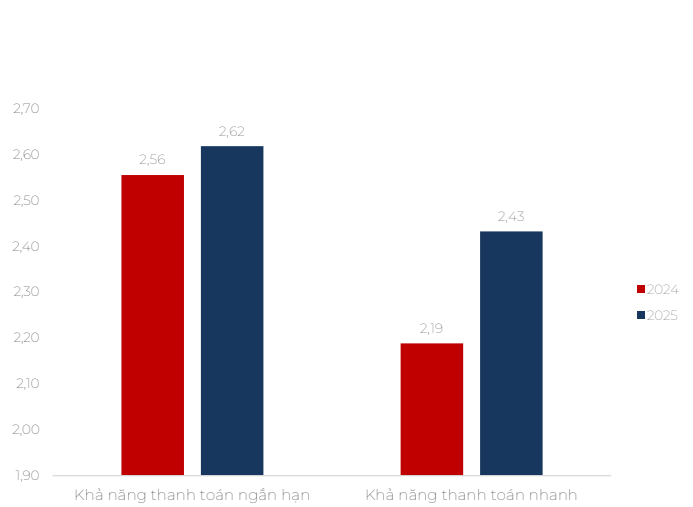
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,56	2,62
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,19	2,43
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	32,06	32,27
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	47,20	47,64
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,56	8,74
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,00	0,84
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	13,00	40,14
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	19,33	49,82
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	13,02	33,79
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	13,28	41,26



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

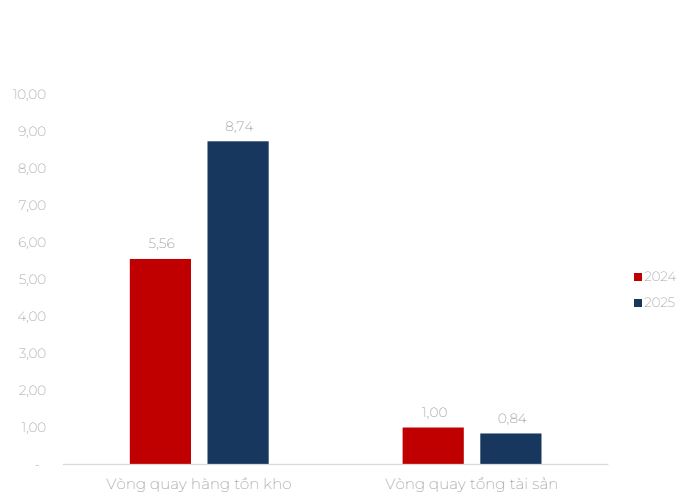
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Công ty tiếp tục duy trì vị thế tài chính vững chắc với các chỉ số thanh toán vượt xa ngưỡng tiêu chuẩn, khẳng định năng lực quản trị dòng tiền hiệu quả:

- Hệ số thanh toán ngắn hạn:** Duy trì ở mức 2,62 lần, cho thấy cứ mỗi đồng nợ đến hạn, Công ty có đến 2,6 đồng tài sản sẵn sàng đối ứng.
- Hệ số thanh toán nhanh:** Tăng từ 2,19 lần lên 2,43 lần. Việc chỉ số này duy ở mức cao và có xu hướng tăng là minh chứng cho thấy dòng tiền tại Cơ khí An Giang rất dồi dào, các khoản tài sản có tính thanh khoản cao (tiền mặt và khoản phải thu) chiếm tỷ trọng lớn, giúp Công ty đủ sức chỉ trả mọi nghĩa vụ nợ tức thì mà không phụ thuộc vào việc giải phóng hàng tồn kho.

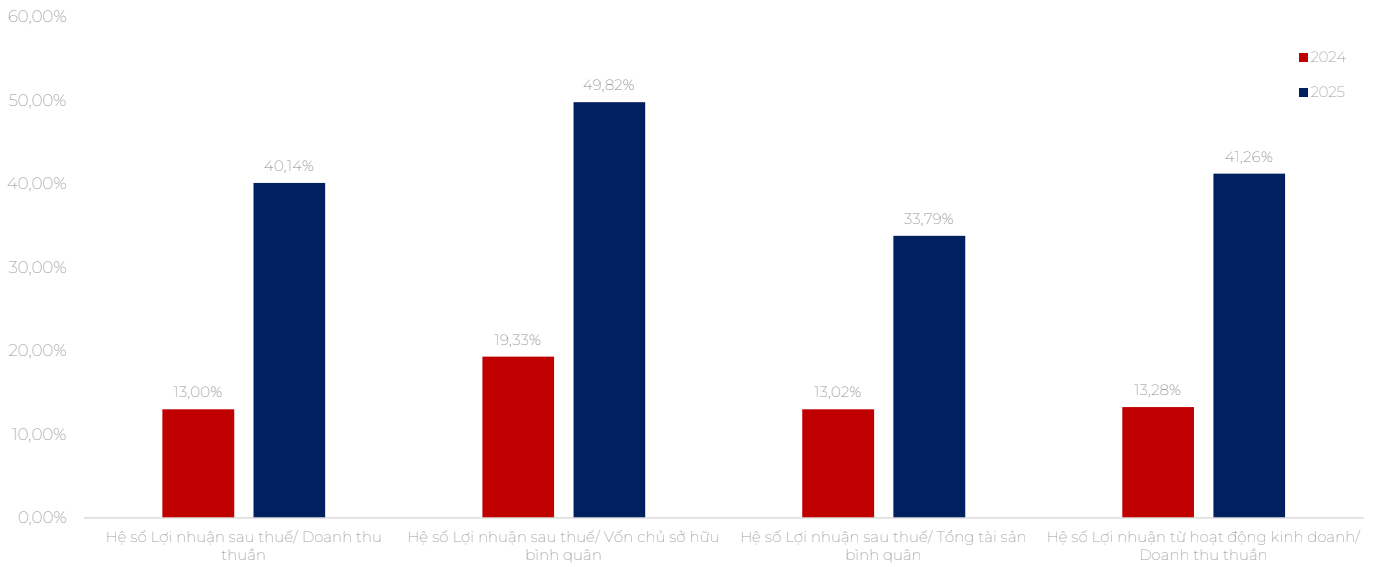
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Hiệu quả vận hành bộ máy của Công ty ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ nhờ sự phối hợp nhịp nhàng giữa khâu sản xuất cơ khí và đáp ứng nhu cầu thị trường:

- Vòng quay hàng tồn kho:** Tăng trưởng đột phá từ 5,56 vòng lên 8,74 vòng/kỳ. Chỉ số này phản ánh tốc độ luân chuyển hàng hóa cực nhanh, quy trình sản xuất- cung ứng được tối ưu hóa triệt để, giúp dòng vốn không bị ứ đọng và được tái đầu tư liên tục vào các đơn hàng mới.
- Vòng quay tổng tài sản:** Đạt mức 0,84 lần. Mặc dù có sự sụt giảm nhẹ so với mức 1,00 của năm 2024 do quy mô tổng tài sản tăng nhanh, nhưng nhìn chung hiệu suất sử dụng tài sản để tạo ra doanh thu vẫn đang ở mức ổn định và an toàn.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

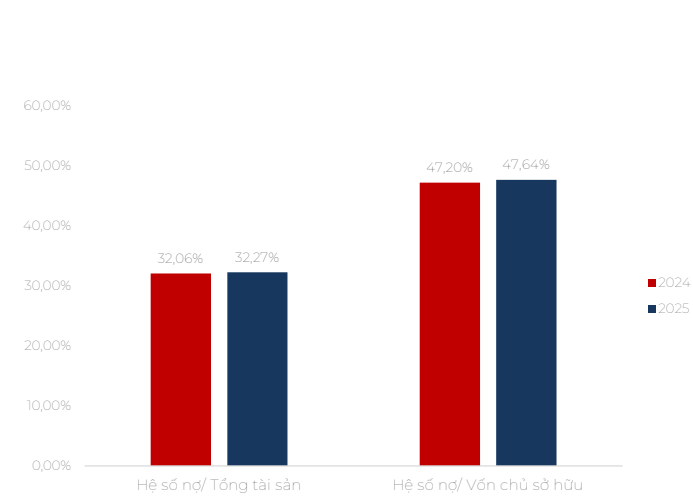


Qua số của liệu thống kê cho thấy, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty trong năm 2025 tăng so với năm 2024. Trong đó đáng chú ý là chỉ số ROS (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần), chỉ số ROE (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân), chỉ số ROA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân) và biên lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh (Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần). Cụ thể:

- Chỉ số ROS đạt mức 40,14% tăng 27,14% so với năm 2024.
- Chỉ số ROE đạt mức 49,85% tăng 30,51% so với năm 2024.
- Chỉ số ROA đạt mức 33,79% tăng 20,77% so với năm 2024.
- Biên lợi nhuận từ HĐSXKD đạt mức 41,26% tăng 27,98% so với năm 2024.

Qua các chỉ số tài chính trên cho thấy tình hình tài chính của Công ty được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, Công ty thực hiện tốt việc bảo toàn và phát triển vốn.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Cơ cấu vốn của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang trong năm 2025 tiếp tục duy trì trạng thái ổn định và an toàn cao, khẳng định năng lực tự chủ tài chính vững mạnh của doanh nghiệp. Hệ số Nợ/Tổng tài sản được kiểm soát chặt chẽ ở mức 32,27%, chỉ biến động nhẹ so với mức 32,06% của năm trước, cho thấy hơn 2/3 tài sản của Công ty đang được tài trợ bằng nguồn vốn tự có. Tương ứng, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu duy trì ở mức 47,64%, phản ánh sự thận trọng và hiệu quả trong việc sử dụng đòn bẩy tài chính. Việc duy trì các chỉ số nợ ở ngưỡng thấp không chỉ giúp doanh nghiệp giảm thiểu áp lực chi phí lãi vay mà còn tạo ra dư địa tài chính dồi dào, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án xây dựng hạ tầng quy mô lớn trong tương lai.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU (Căn cứ theo Danh sách chốt cổ đông gần nhất tại ngày 27/03/2026)



Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 3.286.404 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 3.286.404 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Đối tượng	Số lượng cổ phiếu (CP)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Cổ đông trong nước	3.280.404	32.804.040.000	99,82%
Cổ đông Nhà nước	1.558.072	15.580.720.000	47,41%
Cá nhân	1.595.458	15.954.580.000	48,55%
Tổ chức	126.874	1.268.740.000	3,86%
Cổ đông nước ngoài	6.000	60.000.000	0,18%
Cá nhân	6.000	60.000.000	0,18%
Tổ chức	-	-	-
Tổng cộng	3.286.404	32.864.040.000	100%

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA: 0%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Không có.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN (Căn cứ theo Danh sách chốt cổ đông gần nhất tại ngày 27/03/2026)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	1.558.072	15.580.720.000	47,41%
Tổng cộng		1.558.072	15.580.720.000	47,41%

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có.

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tác động lên môi trường

Trong chiến lược phát triển bền vững, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang xác định việc kiểm soát và giảm thiểu phát thải khí nhà kính là yếu tố then chốt nhằm thực hiện trách nhiệm đối với môi trường. Đối với các hoạt động phát thải trực tiếp từ lĩnh vực thi công xây lắp và sản xuất máy móc, Công ty chủ động chuyển đổi lộ trình năng lượng bằng cách từng bước thay thế các thiết bị sử dụng dầu diesel sang các thiết bị vận hành bằng điện và năng lượng tái tạo. Việc kiểm soát chặt chẽ các nguồn phát thải tại chỗ không chỉ giúp doanh nghiệp tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật mà còn trực tiếp giảm thiểu tác động tiêu cực lên hệ sinh thái trong quá trình vận hành kinh doanh chủ lực.

Song song đó, Công ty cũng đặc biệt quan tâm đến các nguồn phát thải gián tiếp phát sinh từ chuỗi cung ứng vật liệu xây dựng như bê tông, nhựa đường, xi măng và sắt thép. Nhận thức rõ quá trình khai thác và vận chuyển các nguyên liệu này đóng góp đáng kể vào hiệu ứng nhà kính, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp giảm thiểu mang tính thực tiễn cao. Cụ thể, Công ty ưu tiên rút ngắn khoảng cách vận chuyển, tăng cường sử dụng nguyên vật liệu tái chế và thiết lập mối quan hệ hợp tác chiến lược với các nhà cung cấp “xanh” có cam kết bền vững. Đồng thời, doanh nghiệp luôn khuyến khích đội ngũ nhân viên đóng góp các sáng kiến đổi mới nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài nguyên, góp phần cùng cộng đồng đẩy lùi thách thức biến đổi khí hậu.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn, việc quản lý nguyên vật liệu đầu vào và tìm kiếm nhà cung cấp phù hợp trở thành thách thức quan trọng đối với Công ty. Ban Điều hành của Công ty đã nhận thức rõ vấn đề này nên đã triển khai các biện pháp quản lý rủi ro nguyên vật liệu. Cụ thể, Công ty ký hợp đồng dài hạn với nhà cung cấp, theo dõi thị trường để dự báo biến động giá và điều chỉnh kế hoạch mua nguyên liệu; Tối ưu quy trình sản xuất để giảm lãng phí nguyên vật liệu, tìm kiếm nguồn cung thay thế có giá hợp lý hơn; Đa dạng hóa nhà cung cấp, dự trữ nguyên vật liệu hợp lý để tránh gián đoạn sản xuất; Theo dõi chặt chẽ chính sách thương mại và tìm kiếm các ưu đãi về thuế suất để giảm tác động chi phí. Công ty chủ động hơn trong việc thích ứng với môi trường kinh doanh biến động, đảm bảo sự ổn định và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Tiêu thụ nước

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang luôn chú trọng việc sử dụng nước hợp lý và hiệu quả trong mọi hoạt động. Tại đơn vị, nguồn nước được tiêu thụ chủ yếu phục vụ cho hệ thống làm mát máy móc thiết bị và nhu cầu sinh hoạt của cán bộ nhân viên. Để tối ưu hóa việc sử dụng, Công ty đã lắp đặt các thiết bị tiết kiệm nước hiện đại như đầu vòi sen dòng chảy chậm và hệ thống vòi rửa có cơ chế ngắt tự động, giúp giảm thiểu đáng kể lượng nước lãng phí.

Song song với việc nâng cấp thiết bị, Công ty ban hành các quy định nghiêm ngặt về sử dụng nước và xử lý nước thải, đồng thời thực hiện kiểm tra định kỳ lượng nước tiêu thụ để kịp thời đưa ra các giải pháp điều chỉnh khi có dấu hiệu vượt định mức. Công tác tuyên truyền, nhắc nhở nhân viên ý thức tiết kiệm nước được duy trì thường xuyên, tạo thành nét văn hóa trong sản xuất. Đặc biệt, Công ty cam kết toàn bộ nước thải phát sinh đều được xử lý đúng quy trình, đạt tiêu chuẩn kỹ thuật trước khi xả thải ra môi trường. Những nỗ lực này khẳng định trách nhiệm của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang trong việc bảo vệ nguồn nước và hệ sinh thái cộng đồng.

Tiêu thụ năng lượng

Trong bối cảnh thị trường thế giới biến động, việc quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào và thiết lập mạng lưới nhà cung cấp là thách thức trọng yếu đối với hoạt động của doanh nghiệp. Để duy trì sự ổn định, Ban Điều hành Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang đã triển khai hệ thống các biện pháp kiểm soát rủi ro toàn diện. Công ty thực hiện ký kết các hợp đồng cung ứng dài hạn, đồng thời theo dõi sát diễn biến thị trường để dự báo biến động giá, giúp chủ động điều chỉnh kế hoạch thu mua nguyên liệu một cách tối ưu.

Bên cạnh đó, Công ty tập trung đa dạng hóa danh mục nhà cung cấp và duy trì mức dự trữ vật tư hợp lý nhằm ngăn ngừa nguy cơ gián đoạn sản xuất. Quy trình sản xuất cũng liên tục được cải tiến để giảm định mức tiêu hao, lãng phí và tìm kiếm các nguồn cung thay thế có chi phí phù hợp hơn. Đồng thời, việc theo dõi chặt chẽ các chính sách thương mại và tận dụng ưu đãi về thuế suất giúp doanh nghiệp giảm thiểu áp lực chi phí đầu vào. Những giải pháp đồng bộ này giúp Công ty thích ứng linh hoạt với môi trường kinh doanh thay đổi, đảm bảo tính liên tục và hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Đối với một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cơ khí và xây dựng hạ tầng, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang luôn đặt trách nhiệm bảo vệ môi trường làm ưu tiên hàng đầu trong quá trình vận hành. Nhận thức rõ các nguy cơ ô nhiễm tiềm ẩn từ việc tiêu thụ năng lượng và phát sinh chất thải công nghiệp, Công ty đã thiết lập một hệ thống quản lý môi trường đồng bộ và chặt chẽ. Nền tảng của hệ thống này là việc cập nhật liên tục và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật của Nhà nước về xả thải, xử lý chất thải và bảo vệ nguồn nước.

Bên cạnh việc đáp ứng các tiêu chuẩn chung, Công ty còn ban hành các quy định nội bộ khắt khe hơn nhằm kiểm soát nguồn phát thải ngay tại các bộ phận sản xuất. Quy trình thu gom và xử lý chất thải được thực hiện bài bản, đảm bảo tuyệt đối không xả thải trực tiếp ra môi trường tự nhiên. Song song

với công tác kỹ thuật, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang đặc biệt chú trọng đến việc cải thiện cảnh quan tại nơi làm việc thông qua hoạt động trồng cây xanh và duy trì vệ sinh công nghiệp thường xuyên, hướng tới mục tiêu xây dựng một môi trường sản xuất chuyên nghiệp, xanh và sạch.

Đồng thời, công tác nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ nhân viên được thực hiện định kỳ thông qua các buổi tuyên truyền, giáo dục về trách nhiệm bảo vệ hệ sinh thái. Nhờ sự chủ động và nhất quán trong hành động, Công ty luôn duy trì thành tích tuân thủ tốt các quy định về môi trường trong suốt quá trình hoạt động. Những nỗ lực này không chỉ góp phần bảo vệ môi trường sống cho cộng đồng mà còn là minh chứng cho cam kết phát triển bền vững, giúp nâng cao hình ảnh và uy tín của doanh nghiệp trên thị trường.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

● Chính sách liên quan đến người lao động

Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang duy trì đội ngũ nhân sự ổn định với quy mô 150 lao động, mức thu nhập bình quân đạt 7.840.000 đồng/người/tháng. Công ty cam kết xây dựng một môi trường làm việc bền vững, nơi người lao động được đảm bảo quyền lợi thông qua hệ thống quy chế tiền lương và phúc lợi minh bạch. Các chính sách này được thiết kế dựa trên cấp bậc và hiệu suất công việc thực tế, đảm bảo tính công bằng và tương xứng với đóng góp của từng cá nhân. Toàn bộ các chế độ bảo hiểm bắt buộc như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và Bảo hiểm tai nạn đều được Công ty thực hiện đầy đủ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động.

Công tác đào tạo và nâng cao năng lực đội ngũ là trọng tâm trong chiến lược quản trị nhân sự năm qua. Công ty đã tổ chức định kỳ các chương trình bồi dưỡng kỹ năng mềm và kiến thức chuyên môn cho cán bộ công nhân viên ở mọi cấp độ. Đặc biệt, Ban Lãnh đạo đã triển khai hệ thống đánh giá năng lực và kết quả làm việc theo từng phòng, ban, làm cơ sở cho các chính sách khen thưởng và khuyến khích sáng kiến cải tiến trong sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đào tạo nghiệp vụ, nhân viên còn được cập nhật kiến thức pháp luật về Thuế, Lao động, Xây dựng... nhằm đảm bảo sự nhạy bén trước những thay đổi của môi trường pháp lý. Nhờ những chính sách nhất quán và nhân văn, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang đã xây dựng được mối quan hệ gắn kết bền chặt với người lao động, giữ chân được đội ngũ nhân sự nòng cốt và khẳng định vị thế là một nhà tuyển dụng uy tín trên thị trường.



● Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Song hành với hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang luôn đề cao trách nhiệm đối với cộng đồng và an sinh xã hội. Công ty thường xuyên duy trì các hoạt động nhân đạo, kịp thời hỗ trợ đồng bào tại các khu vực chịu ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lụt nhằm giúp người dân sớm ổn định cuộc sống. Trong lĩnh vực giáo dục, doanh nghiệp chủ động đóng góp xây dựng các quỹ khuyến học và hỗ trợ kinh phí xây dựng trường học tại các địa phương khó khăn, vùng sâu vùng xa, góp phần cải thiện điều kiện học tập cho thế hệ trẻ.

Bên cạnh đó, Công ty tích cực tham gia các phong trào vì người nghèo, hỗ trợ kinh phí xây dựng “Mái ấm Công đoàn” và triển khai các chương trình thăm hỏi, giúp đỡ thiết thực cho cán bộ nhân viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Đối với môi trường vận hành, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang cam kết thiết lập và duy trì không gian làm việc an toàn tuyệt đối. Việc kiểm soát chặt chẽ các rủi ro nghề nghiệp không chỉ nhằm bảo vệ sức khỏe và tính mạng của người lao động mà còn đảm bảo an toàn cho đối tác, khách hàng và cộng đồng xung quanh, khẳng định giá trị nhân văn trong chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp.



● Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh

Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang chưa triển khai các hoạt động trực tiếp liên quan đến thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, nhận thức được xu thế tất yếu của tài chính bền vững trong tương lai, Công ty luôn chủ động theo dõi sát sao các diễn biến và quy định pháp lý liên quan đến lĩnh vực này.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết sẽ nghiên cứu và tích cực tham gia các hoạt động trên thị trường vốn xanh ngay khi có các văn bản hướng dẫn cụ thể và lộ trình triển khai từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất
kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính
sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với
ý kiến kiểm toán



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty

Năm 2025, nền kinh tế Việt Nam và thế giới dần có những dấu hiệu phục hồi tích cực, tuy nhiên vẫn còn tiềm ẩn nhiều thách thức về chi phí đầu vào. Trong bối cảnh đó, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang đã thực hiện bước chuyển mình chiến lược khi tái cơ cấu danh mục kinh doanh, tập trung trọng tâm vào lĩnh vực thi công xây dựng cầu các loại. Kết thúc năm tài chính, mặc dù doanh thu đạt 162.422 triệu đồng (tương ứng 82,45% kế hoạch), nhưng các chỉ tiêu lợi nhuận lại có sự bất phá ngoạn mục với lợi nhuận sau thuế đạt 65.204 triệu đồng, vượt hơn 300% so với kế hoạch đề ra. Kết quả này không chỉ khẳng định tính đúng đắn của chiến lược chuyển dịch cơ cấu mà còn tạo nền tảng tài chính vững chắc cho các hoạt động của Công ty trong thời gian tới.

Phân tích tổng quan về hoạt động của Công ty

- Những thuận lợi trong hoạt động kinh doanh sản xuất**
 - Nền kinh tế có dấu hiệu khởi sắc tạo điều kiện thuận lợi cho các lĩnh vực đầu tư công, đặc biệt là các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm.
 - Chính sách đẩy mạnh phát triển hạ tầng giao thông tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục mở ra nhiều cơ hội dự án lớn cho mảng xây dựng cầu của Công ty.
 - Việc tập trung nguồn lực vào mảng kinh doanh máy nông nghiệp (tăng trưởng 130,69% so với cùng kỳ) đã giúp tối ưu hóa năng lực sản xuất và khai thác phân khúc có biên lợi nhuận cao.
 - Năng lực quản lý chi phí và vận hành của Ban Lãnh đạo được khẳng định qua việc lợi nhuận thực tế vượt xa kế hoạch và cùng kỳ năm trước.
- Một số khó khăn Công ty phải đối mặt**
 - Sự bất ổn của chuỗi cung ứng toàn cầu và biến động giá nguyên liệu đầu vào như sắt, thép, xi măng vẫn gây áp lực trực tiếp lên giá thành thi công.
 - Sự gia tăng đối thủ cạnh tranh trong mảng xây lắp hạ tầng yêu cầu Công ty phải liên tục cải tiến kỹ thuật và nâng cao năng suất để duy trì ưu thế về chất lượng lẫn giá thành.
 - Toàn bộ hoạt động của Công ty chịu sự chi phối chặt chẽ của hệ thống văn bản pháp luật đa dạng (Luật Doanh nghiệp, Chứng khoán, Thuế, Xây dựng...). Mọi thay đổi trong các quy định này đều đòi hỏi doanh nghiệp phải thích ứng kịp thời để đảm bảo tính tuân thủ và hiệu quả.
 - Việc thay đổi trọng tâm từ mảng xây lắp hạ tầng sang bán thành phẩm đặt ra yêu cầu cao về việc tái cấu trúc quy trình vận hành và đào tạo lại nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu kinh doanh thực tế của doanh nghiệp.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

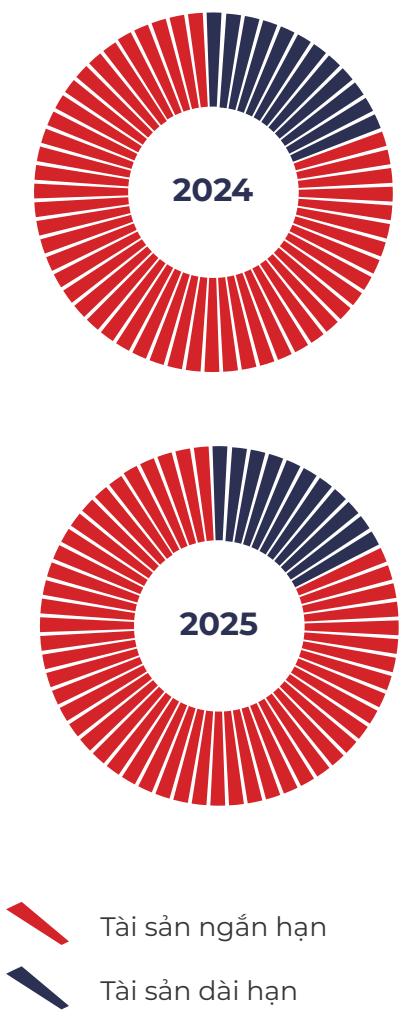
Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Tài sản ngắn hạn	146.931	81,77%	170.211	82,53%	23.280	15,84%
Tài sản dài hạn	32.759	18,23%	36.019	17,47%	3.259	9,95%
Tổng tài sản	179.691	100%	206.230	100%	26.539	14,77%

Nhận xét

Năm 2025, quy mô tài sản của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang ghi nhận sự tăng trưởng ổn định, phản ánh năng lực tài chính được củng cố mạnh mẽ. Tổng tài sản tại thời điểm cuối năm đạt 206.230 triệu đồng, tăng 26.539 triệu đồng (tương ứng mức tăng 14,77%) so với năm 2024. Sự mở rộng về quy mô này cho thấy lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đã được chuyển hóa hiệu quả vào cấu trúc tài sản, tạo nền tảng vững chắc cho các kế hoạch phát triển dài hạn.

Trong cơ cấu tài sản, tài sản ngắn hạn tiếp tục đóng vai trò chủ đạo và là động lực tăng trưởng chính với giá trị đạt 170.211 triệu đồng, tăng 15,84% so với cùng kỳ. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn dịch chuyển nhẹ từ 81,77% lên mức 82,53%, cho thấy doanh nghiệp đang duy trì tính thanh khoản cao và nguồn vốn lưu động dồi dào. Điều này đặc biệt phù hợp với đặc thù của mảng thi công xây lắp hạ tầng - lĩnh vực đòi hỏi khả năng ứng ứng vốn nhanh để triển khai các dự án cầu giao thông trọng điểm. Song song đó, tài sản dài hạn cũng ghi nhận mức tăng trưởng 9,95%, đạt 36.019 triệu đồng. Nhìn chung, Công ty đang sở hữu một cơ cấu tài sản an toàn và linh hoạt, đảm bảo khả năng phản ứng nhanh trước các cơ hội thị trường và rủi ro biến động kinh tế.



Tình hình nợ phải trả

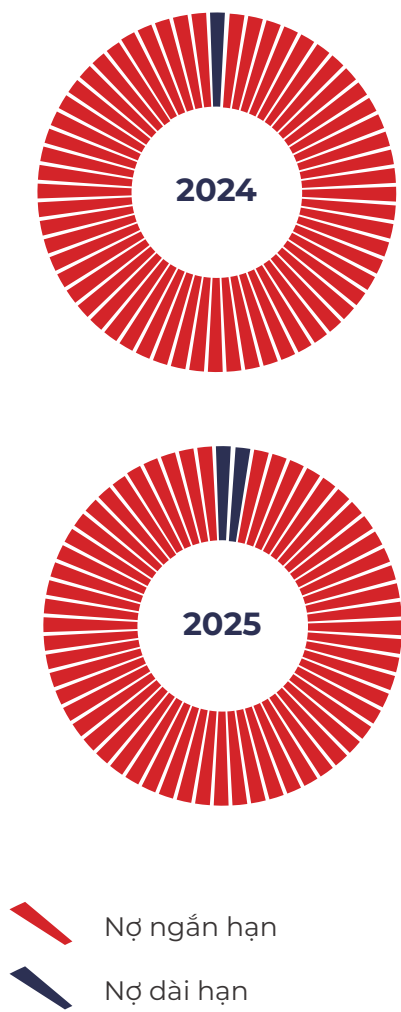
Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Nợ ngắn hạn	57.487	99,78%	65.001	97,68%	7.514	13,07%
Nợ dài hạn	129	0,22%	1.543	2,32%	1.415	1098,22%
Tổng nợ phải trả	57.615	100%	66.544	100%	8.929	15,50%

Nhận xét

Năm 2025, cùng với sự mở rộng quy mô tài sản, tình hình nợ phải trả của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang cũng có sự biến động tương ứng để phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng nợ phải trả tại thời điểm cuối năm đạt 66.544 triệu đồng, tăng 8.929 triệu đồng (tương đương mức tăng 15,50%) so với năm 2024. Trong cơ cấu nợ, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng chính yếu với 97,68%, đạt giá trị 65.001 triệu đồng. Việc nợ ngắn hạn chiếm phần lớn là đặc điểm chung của các doanh nghiệp xây lắp và cơ khí nhằm đáp ứng các khoản phải trả người bán và chi phí vận hành theo tiến độ dự án. Đáng chú ý, nợ dài hạn dù chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ (2,32%) nhưng đã có sự tăng trưởng mạnh về giá trị tuyệt đối, cho thấy doanh nghiệp bắt đầu tiếp cận các nguồn vốn dài hạn hơn để hỗ trợ cho các dự án xây dựng hạ tầng và đầu tư thiết bị trong tương lai.

Nhìn chung, tình hình tài chính của Công ty vẫn duy trì ở mức an toàn. Sự cân bằng giữa việc sử dụng đòn bẩy tài chính để thúc đẩy kinh doanh và bảo đảm an toàn vốn đã giúp doanh nghiệp tạo dựng niềm tin vững chắc đối với các đối tác và tổ chức tín dụng.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang đã chủ động rà soát và phân khúc thị trường, tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực trọng điểm có tiềm năng tăng trưởng cao. Công ty đã hiện đại hóa công tác quản trị khách hàng thông qua việc áp dụng công nghệ số, giúp dự báo chính xác xu hướng và ra quyết định kinh doanh kịp thời.

Về hệ thống phân phối, bên cạnh việc duy trì kênh truyền thống qua các Trung tâm Khuyến nông và mạng lưới đại lý thân thiết, Công ty đang tích cực đa dạng hóa sang các kênh bán hàng trực tuyến. Chiến lược giá cạnh tranh và linh hoạt được áp dụng đồng bộ nhằm mở rộng phạm vi tiếp cận và củng cố vị thế thương hiệu trên thị trường mục tiêu.

Nghiên cứu và Phát triển

Hoạt động R&D được xác định là động lực tăng trưởng cốt lõi. Công ty không ngừng đầu tư vào thiết kế sản phẩm mới và cải tiến quy trình sản xuất để tạo ra các giải pháp sáng tạo, đáp ứng nhanh chóng yêu cầu khắt khe của khách hàng. Thông qua việc hợp tác chiến lược với các viện nghiên cứu và trường đại học, Công ty đã thực hiện chuyển giao công nghệ thành công, đưa các ứng dụng tiên tiến vào thực tiễn sản xuất.

Đặc biệt, tinh thần đổi mới được lan tỏa mạnh mẽ trong nội bộ thông qua các chính sách khen thưởng vật chất và tinh thần cho những sáng kiến xuất sắc. Mọi sản phẩm mới trước khi thương mại hóa đều trải qua quy trình chạy thử nghiệm và đánh giá thực địa nghiêm ngặt để đảm bảo hiệu quả vận hành tối ưu.

Tối ưu hóa bộ máy tổ chức và điều hành

Công tác quản trị điều hành được Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là nhiệm vụ trọng tâm. Cơ cấu tổ chức đã được tinh gọn, giảm bớt các tầng nấc trung gian nhằm tăng tính linh hoạt, rút ngắn thời gian ra quyết định và nâng cao hiệu quả phối hợp liên phòng ban.

Việc chuyển đổi số trong quản lý đã giúp chuẩn hóa các quy trình làm việc, từ đó nâng cao khả năng giám sát, đo lường và giảm thiểu sai sót vận hành. Song song đó, Công ty chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, tập trung phát triển năng lực lãnh đạo và kỹ năng chuyên môn, tạo dựng một môi trường làm việc năng động và gắn kết.

Những cải tiến toàn diện này không chỉ giúp Công ty thích ứng nhanh với các biến động của môi trường kinh doanh hiện đại mà còn tạo lập nền tảng vững chắc cho lộ trình phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh trong dài hạn.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2026	Thực hiện 2025	KH 2026/ TH 2025
1	Tổng doanh thu	trđ	228.000	238.115	95,75%
-	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	trđ	178.000	162.421	109,59%
-	Doanh thu bán hàng nội bộ	trđ	10.000	8.047	124,27%
-	Doanh thu hoạt động tài chính và lãi trong Công ty liên doanh, liên kết	trđ	40.000	67.647	59,13
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	trđ	44.940	67.035	67,04%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	trđ	44.000	65.204	67,48%
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	10.589	15.751	15.751%
5	Phải nộp ngân sách	trđ	9.600	9.125	105,21%
6	Tổng quỹ lương	trđ	17.700	16.091	110,00%
7	Lao động bình quân 1 tháng	người	191	171	111,70%
8	Tiền lương bình quân 1 tháng	trđ/ng	7,72	7,84	98,48%

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 sẽ được trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025, đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo của Công ty. Do đó, Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

○ Những thuận lợi trong hoạt động kinh doanh sản xuất

- Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang cam kết thực hiện trách nhiệm môi trường thông qua việc tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài nguyên trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Bằng việc kết hợp đồng bộ các biện pháp tiết kiệm và đầu tư vào công nghệ hiện đại, Công ty đã ghi nhận những kết quả khả quan với mức tiêu thụ nước và năng lượng giảm đáng kể so với các giai đoạn trước. Những nỗ lực này không chỉ giúp tiết giảm chi phí vận hành mà còn trực tiếp giảm thiểu các tác động tiêu cực lên hệ sinh thái tự nhiên.
- Nhận thức rõ tiềm năng phát triển xanh, Công ty xác định vẫn còn dư địa để nâng cao hiệu quả hơn nữa trong tương lai. Theo đó, Ban Lãnh đạo định hướng sẽ tiếp tục nghiên cứu và tăng cường áp dụng các công nghệ tái chế tiên tiến, đồng thời mở rộng lộ trình sử dụng nguồn năng lượng tái tạo vào quy trình sản xuất. Chiến lược này nhằm mục tiêu xây dựng một chuỗi vận hành tuần hoàn, khẳng định vị thế của doanh nghiệp trong việc tiên phong thực hiện các tiêu chuẩn môi trường và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững toàn diện.

○ Kiểm soát phát thải

- Trong nỗ lực thực hiện các sáng kiến xanh, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang đã triển khai đồng bộ các biện pháp kiểm soát phát thải, tập trung giảm thiểu khí CO₂ và các tác nhân gây ô nhiễm khác từ quá trình sản xuất kinh doanh. Kết quả thực tế cho thấy mức phát thải đã được tiết giảm đáng kể, khẳng định tính hiệu quả của lộ trình chuyển đổi công nghệ mà Công ty đang theo đuổi. Tuy nhiên, nhận thức được các yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường toàn cầu, Công ty xác định việc duy trì giám sát và liên tục điều chỉnh quy trình sản xuất là nhiệm vụ trọng tâm nhằm đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn môi trường quốc tế.
- Với sự đồng lòng từ Ban Lãnh đạo đến từng cán bộ công nhân viên, cùng sự phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang cam kết thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường. Những hành động cụ thể và thiết thực này không chỉ giúp doanh nghiệp tối ưu hóa hiệu quả vận hành mà còn góp phần xây dựng một môi trường sống xanh, sạch, đẹp và bền vững cho cộng đồng.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang luôn đặt con người làm trọng tâm trong chiến lược phát triển bền vững. Để xây dựng đội ngũ nhân sự gắn kết và tâm huyết, Công ty duy trì hệ thống quản trị tiền lương và phúc lợi minh bạch, bám sát năng lực thực tế và hiệu suất công việc của từng cá nhân. Các chính sách khen thưởng định kỳ dành cho nhân viên có thành tích xuất sắc không chỉ là sự ghi nhận về mặt vật chất mà còn là nguồn động lực tinh thần to lớn. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm tai nạn) theo đúng quy định của Bộ luật Lao động, đảm bảo quyền lợi tối ưu cho người lao động.
- Đặc biệt, công tác an toàn vệ sinh lao động được xem là ưu tiên hàng đầu trong mọi hoạt động sản xuất. Công ty không ngừng đầu tư vào trang thiết bị bảo hộ hiện đại, thiết lập quy trình kiểm soát rủi ro nghiêm ngặt và tổ chức các khóa đào tạo an toàn định kỳ. Song song đó, các chương trình bồi dưỡng chuyên môn và kỹ năng được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao năng lực thực thi và mở ra cơ hội phát triển nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên. Sự kết hợp giữa môi trường làm việc an toàn và lộ trình thăng tiến rõ ràng đã giúp Công ty duy trì được đội ngũ nhân sự ổn định, chuyên nghiệp, sẵn sàng đáp ứng mọi thách thức của thị trường.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang luôn xác định việc gắn kết quyền lợi doanh nghiệp với sự thịnh vượng của xã hội là mục tiêu cốt lõi. Trong những năm qua, Công ty đã và đang tham gia tích cực vào các chương trình hỗ trợ cộng đồng, trọng tâm là việc đóng góp nguồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn và triển khai các hoạt động từ thiện thiết thực. Những dự án này không chỉ tập trung vào việc cải thiện điều kiện sống cho người dân tại các vùng địa phương còn khó khăn mà còn hướng tới các giá trị phát triển bền vững trong dài hạn.
- Việc thực hiện trách nhiệm xã hội một cách nhất quán không chỉ giúp lan tỏa tác động tích cực đến cộng đồng mà còn là minh chứng cho cam kết nhân văn của doanh nghiệp. Qua đó, hình ảnh và uy tín của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang ngày càng được củng cố, tạo dựng niềm tin vững chắc đối với chính quyền, các đối tác và xã hội.

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

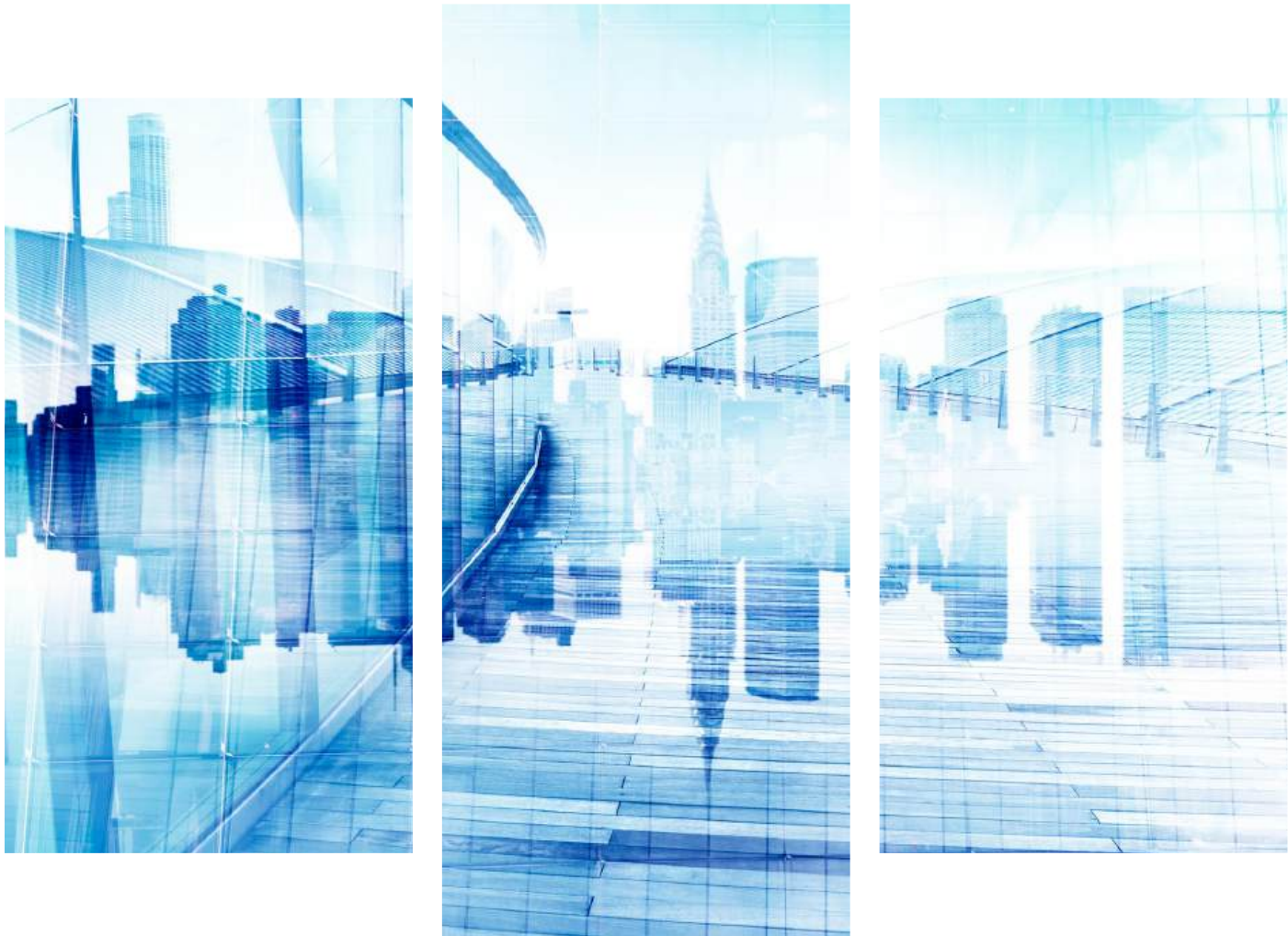


ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực của Ban điều hành trong việc thiết lập một môi trường làm việc an toàn và chuyên nghiệp. Việc đầu tư trọng tâm vào trang thiết bị bảo hộ hiện đại cùng các chương trình đào tạo an toàn lao động định kỳ đã mang lại kết quả thực tiễn trong việc giảm thiểu rủi ro và đảm bảo sức khỏe cho đội ngũ nhân sự. Song song đó, các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn được tổ chức thường xuyên đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao năng lực thực thi và chất lượng nguồn nhân lực của Công ty. Nhằm tối ưu hóa hiệu quả quản trị nhân sự trong giai đoạn tới, Hội đồng quản trị đề ra các mục tiêu sau:

- **Cải thiện môi trường làm việc:** Tiếp tục rà soát và nâng cấp điều kiện làm việc tại các bộ phận sản xuất trực tiếp để đảm bảo tiêu chuẩn an toàn cao nhất.
- **Nâng cao chính sách đãi ngộ:** Nghiên cứu và xây dựng hệ thống phúc lợi có tính cạnh tranh cao so với thị trường nhằm thu hút và giữ chân nhân tài.
- **Xây dựng lộ trình nghề nghiệp:** Thiết lập hệ thống thăng tiến và phát triển cá nhân rõ ràng, giúp nhân viên xác định được tương lai dài hạn tại Công ty.



Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực của Ban Điều hành trong việc tối ưu hóa hiệu quả sử dụng tài nguyên nước và năng lượng thông qua các giải pháp tiết kiệm và ứng dụng công nghệ hiện đại. Những cải tiến này không chỉ giúp giảm chi phí vận hành mà còn mang lại kết quả thực tế trong việc cắt giảm đáng kể lượng phát thải khí CO2 và các tác nhân gây ô nhiễm khác, minh chứng cho sự tuân thủ nghiêm túc các quy chuẩn về môi trường của Công ty. Tuy nhiên, để đáp ứng các yêu cầu ngày càng khắt khe về phát triển bền vững toàn cầu, Hội đồng quản trị khuyến nghị Ban điều hành duy trì cơ chế giám sát chặt chẽ, chủ động cập nhật và áp dụng các tiêu chuẩn môi trường quốc tế tiên tiến vào quy trình sản xuất. Việc không ngừng hoàn thiện hệ thống kiểm soát phát thải sẽ là chìa khóa để nâng cao năng lực cạnh tranh xanh và khẳng định uy tín của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang trên thị trường.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm qua, Công ty đã nỗ lực trong việc triển khai các hoạt động vì cộng đồng, như tham gia các chương trình từ thiện, hỗ trợ phát triển hạ tầng và thúc đẩy các sáng kiến phát triển bền vững tại địa phương. Các hoạt động này không chỉ góp phần củng cố hình ảnh doanh nghiệp mà còn mang lại những giá trị thiết thực cho xã hội. Tuy vậy, Hội đồng quản trị nhận định rằng công ty cần chủ động mở rộng các kênh trao đổi thông tin và tăng cường phối hợp với cộng đồng địa phương, nhằm kịp thời nắm bắt nhu cầu, xử lý hiệu quả các vấn đề phát sinh và xây dựng mối quan hệ hợp tác bền chặt, lâu dài. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị ghi nhận công ty đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong quản lý môi trường, chăm lo đời sống người lao động và thực hiện trách nhiệm xã hội. Tuy nhiên, để duy trì và nâng cao hiệu quả phát triển bền vững, công ty cần tiếp tục đẩy mạnh đổi mới, tăng cường đầu tư vào công nghệ xanh, hoàn thiện các chính sách phúc lợi và mở rộng hợp tác với cộng đồng. Những định hướng này sẽ góp phần tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài của doanh nghiệp, đồng thời mang lại lợi ích bền vững cho xã hội.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Năm 2025, HĐQT ghi nhận những cố gắng của Ban điều hành Công ty bao gồm Giám đốc và những người quản lý khác, một số kết quả đạt được như sau:
- Ban điều hành đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn.
 - Điều hành hoạt động của Công ty tương đối đồng bộ; Sắp xếp bộ máy và phân công người làm công tác quản trị tương đối hợp lý; Đầu tư máy móc thiết bị từng bước được cải thiện, nâng cao năng lực sản xuất, tăng năng suất lao động, góp phần tiết giảm chi phí và bảo đảm an toàn cho người lao động.
 - Tổ chức thực hiện tốt công tác An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, không xảy ra vụ tai nạn lao động và cháy nổ nghiêm trọng nào; Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho công nhân, các thiết bị được kiểm định về an toàn theo đúng quy định. Tổ chức tập huấn an toàn vệ sinh lao động và khám sức khỏe cho cán bộ, nhân viên và người lao động trong Công ty.
 - Công ty duy trì thực hiện tốt Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, công tác 5S trong toàn Công ty và đang triển khai thực hiện Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2010.
 - Tiếp tục thực hiện các giải pháp như nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất lao động; Tiết kiệm, tiết giảm chi phí để hạ giá bán nhằm tăng tính cạnh tranh, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Trong năm 2025, Công ty phát động phong trào đề xuất sáng kiến cải tiến liên tục, kết quả có 218 sáng kiến cải tiến từ đó đã làm tiết giảm chi phí tăng thêm lợi nhuận cho Công ty.
 - Về công tác thị trường, Công ty đã tích cực giới thiệu các sản phẩm bằng nhiều hình thức như: Lập kế hoạch chủ động tiếp cận các chủ đầu tư, các Công ty tư vấn thiết kế, người tiêu dùng để tiếp thị và tiêu thụ sản phẩm. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức quảng bá sản phẩm trên các trang Web, tham gia các hội chợ triển lãm, ...
 - Về công tác nghiên cứu, thiết kế sản phẩm mới tiếp tục được Công ty quan tâm thực hiện. Trong năm 2025, Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện nghiên cứu, thiết kế các sản phẩm mới phục vụ trong sản xuất nông nghiệp, xây dựng giao thông và cải tiến các phẩm hiện có góp phần tăng tính cạnh tranh các sản phẩm của Công ty.
 - Ban Giám đốc đã chỉ đạo lập báo cáo quyết toán và thực hiện Kiểm toán độc lập đúng quy định của luật pháp.
 - Quỹ tiền lương, thù lao năm 2025 của HĐQT, Ban kiểm soát được thực hiện đúng theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ phê duyệt; đảm bảo các quy định pháp luật về lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng.

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị sẽ phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành trong việc xây dựng và triển khai các giải pháp, sáng kiến nhằm thúc đẩy tăng trưởng và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trong thời gian tới, Hội đồng quản trị định hướng ưu tiên nguồn lực cho một số lĩnh vực trọng tâm như sau:

- **Về hoạt động kinh doanh**
Định hướng tập trung vào tái cơ cấu hoạt động và đa dạng hóa nguồn thu, ưu tiên phát triển các lĩnh vực có giá trị gia tăng cao và tiềm năng dài hạn. Doanh nghiệp sẽ đẩy mạnh mở rộng thị trường thông qua việc tìm kiếm đối tác chiến lược, tiếp cận các phân khúc mới, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh bằng việc ứng dụng công nghệ số trong quản trị và vận hành. Chuyển đổi số và các giải pháp kinh doanh thông minh được xác định là yếu tố then chốt nhằm nâng cao hiệu quả, kiểm soát chi phí và tối ưu hóa lợi nhuận.
- **Về sản xuất, nghiên cứu và chất lượng**
Hội đồng quản trị định hướng đầu tư vào máy móc, thiết bị và công nghệ thi công hiện đại, bao gồm tự động hóa trong sản xuất và ứng dụng công nghệ trong thiết kế, quản lý dự án. Đồng thời, doanh nghiệp chú trọng nghiên cứu và áp dụng các giải pháp kỹ thuật tiên tiến, đặc biệt là vật liệu bền vững và công nghệ giúp rút ngắn thời gian thi công, giảm chi phí. Song song đó, hệ thống kiểm soát chất lượng sẽ tiếp tục được hoàn thiện theo các tiêu chuẩn quốc tế nhằm đảm bảo các công trình đạt yêu cầu cao về độ bền, an toàn và tính thẩm mỹ.
- **Về hoạt động marketing**
Doanh nghiệp hướng tới xây dựng hình ảnh thương hiệu chuyên nghiệp và uy tín thông qua việc triển khai các dự án chất lượng, từ đó thu hút khách hàng lớn và thiết lập quan hệ hợp tác lâu dài. Hoạt động marketing sẽ được triển khai đồng bộ giữa các kênh truyền thống như hội chợ, triển lãm ngành và các nền tảng số như website, mạng xã hội, quảng cáo trực tuyến nhằm nâng cao độ nhận diện thương hiệu trên thị trường.
- **Về quản trị hàng tồn kho và nguyên liệu**
Công ty sẽ tăng cường hợp tác với các nhà cung cấp để đảm bảo nguồn nguyên vật liệu ổn định, chất lượng và giá cả hợp lý. Đồng thời, áp dụng phương pháp quản lý tồn kho hợp lý theo hướng tối ưu hóa, giúp giảm chi phí lưu kho, đảm bảo cung ứng kịp thời và hạn chế rủi ro gián đoạn trong quá trình sản xuất.
- **Về chính sách nhân sự**
Doanh nghiệp tập trung xây dựng đội ngũ nhân lực chất lượng cao, ưu tiên thu hút các chuyên gia và kỹ sư có kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng cầu. Bên cạnh đó, công ty chú trọng đào tạo, phát triển năng lực chuyên môn thông qua các chương trình đào tạo bài bản và liên tục. Chính sách đãi ngộ, khen thưởng và phúc lợi sẽ được hoàn thiện theo hướng cạnh tranh, nhằm giữ chân nhân sự chủ chốt và thúc đẩy tinh thần sáng tạo, đổi mới trong công việc.

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Thành phần và cơ cấu Hội đồng quản trị

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu/ đại diện	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Quân Anh	Chủ tịch HĐQT	690.140 cổ phiếu (*)	21%
2	Đổng Trọng Nghĩa	Thành viên HĐQT không điều hành	427.231 cổ phiếu (*)	13%
3	Trần Văn Thái	Thành viên HĐQT không điều hành	58.275 cổ phiếu	1,77%
4	Lê Thanh Vân	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	103.143 cổ phiếu	3,14%
			440.701 cổ phiếu (*)	13,41%
5	Huỳnh Văn An	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	53.198 cổ phiếu	1,62%

(*) Số cổ phần đại diện sở hữu của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Sự thay đổi thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2025

Không có



Lý lịch Hội đồng quản trị

ÔNG TRẦN QUÂN ANH

Chủ tịch HĐQT

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Quá trình công tác:

09/1993 – 02/1995	Trợ lý kỹ thuật phòng Kinh doanh Công ty Việt Hà, Tổng cục CNQP
03/1995 – 05/1999	Kỹ sư thiết kế, Xí nghiệp TK, Công ty Chiếu sáng Thiết bị Đô thị Hà Nội
06/1999 – 02/2002	Giám đốc Xí nghiệp Gia công nóng, Công ty Chiếu sáng Thiết bị Đô thị Hà Nội
03/2002 – 08/2003	Giám đốc Xí nghiệp kết cấu thép, Công ty Chiếu sáng Thiết bị Đô thị Hà Nội
09/2003 – 09/2004	Giám đốc Xí nghiệp ô tô, Công ty Chiếu sáng Thiết bị Đô thị Hà Nội
10/2004 – 04/2005	Phó Giám đốc, Nhà máy tủ lạnh, Công ty Nhựa và Điện lạnh Hoà Phát
10/2005– 01/2017	Kỹ sư, Phó phòng TKĐT Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam
01/2017 - 03/2019	Phó phòng ĐTXDCB Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP
03/2019 – 06/2021	Trưởng phòng Kế hoạch Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP
04/2021 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
06/2021 đến nay	Trưởng ban Kinh tế Kế hoạch Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- » Sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- » Đại diện: 690.140 cổ phần, chiếm 21% vốn điều lệ

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- » Trưởng ban Kinh tế Kế hoạch Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam – CTCP
- » Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Lý lịch Hội đồng quản trị

ÔNG ĐỒNG TRỌNG NGHĨA

Thành viên HĐQT không điều hành

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chế tạo máy

Quá trình công tác:

03/1982 – 05/1984	Được kết nạp vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và sinh hoạt tại trường cấp III Long Thành
09/1984 – 06/1987	Tiếp tục sinh hoạt Đoàn tại trường Trung học Kỹ thuật Cao Thắng
1987 – 1999	Công tác và sinh hoạt Đoàn tại Công ty Vikyno – Khu Công nghiệp I, Biên Hoà, Đồng Nai
1999 – 2003	Trưởng thành Đoàn và tiếp tục công tác tại Vikyno Phó phòng kế hoạch vật tư Công ty Vikyno
05/2003 – 02/2004	Phụ trách Phòng điều độ sản xuất Công ty Vikyno
03/2004 – 2008	Trưởng phòng điều độ sản xuất Công ty Vikyno
2008 – 10/2015	Giám đốc sản xuất Công ty SVEAM
11/2015 – 07/2016	Phó Giám đốc sản xuất Công ty SVEAM
08/2016 – 01/2017	Phó Giám đốc Chi nhánh Nhà máy đúc VEAM
2017 đến nay	Giám đốc Chi nhánh Tổng Công ty máy Động lực và máy Nông nghiệp Việt Nam CTCP – Nhà Máy Đúc
05/2020 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- » Sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- » Đại diện: 427.231 cổ phần, chiếm 13% vốn điều lệ

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- » Giám đốc Chi nhánh Tổng Công ty máy Động lực và máy Nông nghiệp Việt Nam CTCP – Nhà Máy Đúc
- » Thành viên HĐQT CTCP NAKYKO

ÔNG TRẦN VĂN THÁI

Thành viên HĐQT không điều hành

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Quá trình công tác:

02/1985 – 07/1985	Cán bộ kỹ thuật Bộ phận Kỹ thuật, Ban Điều phối sản xuất, Xí nghiệp Cơ Khí Tỉnh An Giang; Kỹ thuật viên Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ Khí Tỉnh An Giang
07/1986 – 05/1993	Cán bộ kỹ thuật Ban nghiên cứu chế tạo thử, Xí nghiệp Cơ Khí An Giang
05/1993 – 02/1994	Phó Quản đốc Phân Xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
02/1994 – 03/1995	Phó trưởng Phân xưởng sản xuất thuộc Ban Quản trị sản xuất Cơ Khí An Giang
03/1995 – 08/1995	Phó Quản đốc Phân xưởng Sản xuất, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
08/1995 – 03/1996	Quản đốc Phân xưởng Cơ khí, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
03/1996 – 06/1997	Trưởng phòng Tiếp thị, Xí nghiệp Cơ khí An Giang
06/1997 – 11/1998	Trợ lý Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí An Giang – Phụ trách Xí nghiệp Cơ khí An Giang 2
11/1998 – 05/1999	Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí An Giang
05/1999 – 10/2023	Phó Giám đốc Công ty Cơ Khí An Giang
07/2015 – 12/2023	Thành viên HĐQT Công ty TNHH Liên doanh Antraco
11/2007 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- » Sở hữu: 58.198 cổ phần, chiếm 1,77% vốn điều lệ
- » Đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lý lịch Hội đồng quản trị

ÔNG LÊ THANH VÂN

Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Xem thông tin tại Chương II mục 2 – Tổ chức và nhân sự

ÔNG HUỲNH VĂN AN

Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí

Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
Xem thông tin tại Chương II mục 2 – Tổ chức và nhân sự

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Trần Quân Anh	Chủ tịch HĐQT	13/13	100%	100%
2	Đổng Trọng Nghĩa	Thành viên HĐQT không điều hành	13/13	100%	100%
3	Trần Văn Thái	Thành viên HĐQT không điều hành	13/13	100%	100%
4	Lê Thanh Vân	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	13/13	100%	100%
5	Huỳnh Văn An	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	13/13	100%	100%

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị Không có



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ biểu quyết
1	Số: 01/NQ-CK	17/01/2025	Điều 1. Thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty CP Cơ khí An Giang với các doanh nghiệp và người có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 164 và khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020, cụ thể như sau: - Các Doanh nghiệp mà Công ty thực hiện ký kết hợp đồng giao dịch: Có danh sách kèm theo. - Đối tượng của hợp đồng, giao dịch mua bán: Xây lắp và thi công; Lắp đặt thiết bị; Cầu thép; Gia công sản phẩm cơ khí; Mạ kẽm; Tài sản, hàng hóa phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD). - Giá trị của từng hợp đồng, giao dịch: + Đối với các Doanh nghiệp là Công ty con: Giá trị của từng Hợp đồng giao dịch nhỏ hơn hoặc bằng 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng) + Đối với các Doanh nghiệp là Công ty liên kết, Cổ đông lớn và Doanh nghiệp của cổ đông lớn: Giá trị của từng Hợp đồng giao dịch nhỏ hơn hoặc bằng 2.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ đồng) - Thời hạn có hiệu lực thực hiện các hợp đồng giao dịch: Từ ngày 17/01/2025 đến ngày 31/12/2025. - Tổng giá trị các hợp đồng giao dịch (kể từ ngày phát sinh giao dịch đầu tiên): Có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng), chưa bao gồm thuế VAT. Nếu tổng giá trị các hợp đồng, giao dịch trong thời hạn có hiệu lực nêu trên vượt quá hạn mức 35.000.000.000 đồng thì Ban Giám đốc Công ty phải trình lên Hội đồng quản trị xem xét phù hợp với Luật định. Điều 2. Giao/ủy quyền cho Giám đốc Công ty thực hiện: - Ký kết và thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo các nội dung nêu tại Điều 1 đảm bảo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, phù hợp với kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty CP Cơ khí An Giang đã được thống nhất trong Nghị quyết HĐQT số 312/NQ-CK ngày 24/10/2024. - Định kỳ hàng quý báo cáo Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về tình hình và kết quả thực hiện các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan. Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, các Phòng/Ban chuyên môn có liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./	100%
2	Số: 02/NQ-CK	07/3/2025	Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2024 của Công ty CP Cơ khí An Giang theo BCTC riêng và hợp nhất tự lập. Điều 2. Hội đồng quản trị thống nhất giao Ban điều hành phải có định hướng cụ thể cho hoạt động SXKD hai công ty con, báo cáo về Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong kỳ họp tiếp theo. Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị Công ty CP Cơ khí An Giang giao cho ông Giám đốc Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết này. Điều 1. Thống nhất thông qua việc gia hạn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Điều 2. Hội đồng quản trị thống nhất tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty với các nội dung như sau: 1. Thời gian, địa điểm Đại hội: - Thời gian: ngày 09 tháng 5 năm 2025. - Địa điểm: tại An Giang (địa điểm cụ thể sẽ được nêu trong Thư mời họp gửi đến các Cổ đông). 2. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông: ngày 11 tháng 4 năm 2025. 3. Nội dung họp Nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, bao gồm một số nội dung cơ bản sau:	100%
3	Số: 03/NQ-CK	07/3/2025		100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ biểu quyết
3	Số: 03/NQ-CK	07/3/2025	3.1. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2024 và kế hoạch năm 2025; 3.2. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024; 3.3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024; 3.4. Báo cáo tóm tắt BCTC năm 2024 đã được kiểm toán; 3.5. Phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức năm 2024 và kế hoạch năm 2025; 3.6. Báo cáo kết quả chi trả thù lao, tiền thưởng năm 2024 của HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành và kế hoạch năm 2025; 3.7. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025; 3.8. Nội dung khác có liên quan. Điều 3. Giao Ban tổ chức Đại hội chỉ đạo các tiểu ban có liên quan triển khai việc chuẩn bị và tổ chức Đại hội theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 07 tháng 3 năm 2025. Các Ông/Bà Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và Trưởng ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Cơ khí An Giang chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./	100%
4	Số: 04/NQ-CK	10/4/2025	Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua số liệu Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất 2024 đã được kiểm toán của các đơn vị. Điều 2. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua số liệu kế hoạch hoạt động SXKD năm 2025 với Tổng doanh thu gồm doanh thu hoạt động SXKD hợp nhất, doanh thu nội bộ và doanh thu tài chính là 230.000 trđ; lợi nhuận trước thuế: 22.400 trđ. Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ khí An Giang giao cho ông Giám đốc Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết này	100%
5	Số: 05/NQ-CK	10/4/2025	Điều 1. Thống nhất thông qua các nội dung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty (đính kèm) Điều 2. Hội đồng quản trị giao Ban tổ chức Đại hội chuẩn bị in ấn tài liệu, gửi thư mời, scan các báo cáo lên Website Công ty và công bố thông tin theo đúng quy định. Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông/Bà Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và Trưởng ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang thi hành Nghị quyết này./	100%
6	Số: 06/NQ-CK	29/4/2025	Điều 1. Thống nhất thông qua sửa đổi nội dung tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty với các nội dung như sau: - Nội dung 1: Bỏ Tờ trình v/v thông qua chủ trương thanh lý hàng tồn kho chậm luân chuyển và xóa nợ khó đòi tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên. - Nội dung 2: sửa nội dung Chương trình Đại hội và Nghị quyết Đại hội. Điều 2. Thống nhất thông qua ủy quyền Chủ tịch Hội đồng quản trị điều chỉnh bổ sung chương trình, tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 tùy theo tình hình thực tế và quy định của Pháp luật. Nội dung tại Điều 1 cập nhật vào tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông/Bà Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và Trưởng ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ biểu quyết												
7	Số: 07/NQ-CK	8/5/2025	Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua kết quả hoạt động SXKD quý I năm 2025 của công ty CP Cơ khí An Giang theo BCTC tự lập và giao Ban điều hành tiếp tục thực hiện hoạt động SXKD đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch SXKD sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua.	100%												
			Điều 2. Hội đồng quản trị thống nhất giao Ban điều hành tăng cường giám sát tài chính hai công ty con, từng đơn vị có phương án thu hồi công nợ phải thu khách hàng, định kì họp báo cáo về Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.													
			Điều 3. Hội đồng quản trị thống nhất giao Ban điều hành tiếp tục làm việc với thanh tra Sở Nông nghiệp&Môi trường về việc sử dụng đất đai tại Công ty. Báo cáo ngay về Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát khi có kết luận của Sở Nông nghiệp&Môi trường.													
			Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị Công ty CP Cơ khí An Giang giao cho ông Giám đốc Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết này.													
8	Số: 08/NQ-CK	8/5/2025	Điều 1. Đồng ý, chấp thuận cho phép các nội dung sau: 1. Đồng ý giao cho ông Lê Thanh Vân – Giám đốc Công ty thực hiện các giao dịch tín dụng giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam – Chi nhánh An Giang cụ thể như sau: <table><tr><td>Loại hạn mức</td><td>Giá trị (VNĐ)</td><td>Bằng chữ</td></tr><tr><td>Hạn mức cho vay</td><td>15.000.000.000</td><td>Mười lăm tỉ Việt nam đồng</td></tr><tr><td>Hạn mức Bảo lãnh</td><td>15.000.000.000</td><td>Mười lăm tỉ Việt nam đồng</td></tr><tr><td>Xác nhận cung cấp tín dụng</td><td>15.000.000.000</td><td>Mười lăm tỉ Việt nam đồng</td></tr></table>	Loại hạn mức	Giá trị (VNĐ)	Bằng chữ	Hạn mức cho vay	15.000.000.000	Mười lăm tỉ Việt nam đồng	Hạn mức Bảo lãnh	15.000.000.000	Mười lăm tỉ Việt nam đồng	Xác nhận cung cấp tín dụng	15.000.000.000	Mười lăm tỉ Việt nam đồng	100%
			Loại hạn mức	Giá trị (VNĐ)	Bằng chữ											
			Hạn mức cho vay	15.000.000.000	Mười lăm tỉ Việt nam đồng											
			Hạn mức Bảo lãnh	15.000.000.000	Mười lăm tỉ Việt nam đồng											
Xác nhận cung cấp tín dụng	15.000.000.000	Mười lăm tỉ Việt nam đồng														
2. Dừng các tài sản sau để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán, trả nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội – CN An Giang cụ thể: - Loại tài sản đảm bảo: Hàng hóa, Khoản phải thu & quyền đòi nợ hình thành từ phương án sản xuất kinh doanh do MB tài trợ.																
Điều 2. Tổ chức thực hiện: - Giao cho Giám đốc Công ty, Người đại diện theo pháp luật của Công ty đại diện cho Công ty hoặc uỷ quyền cho Phó Giám đốc Công ty đại diện cho Công ty ký kết các Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng bảo đảm và/hoặc mọi giấy tờ cần thiết, có liên quan giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Quân đội – CN An Giang đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, phù hợp với kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty CP Cơ khí An Giang đã được Hội đồng quản trị thông qua. - Khi vay vốn, bảo lãnh, mở thư tín dụng và bảo đảm cấp tín dụng Giám đốc Công ty phải xây dựng phương án kinh doanh chi tiết, cụ thể, trong đó phải bảo đảm: Thu hồi vốn, khả năng thanh toán đầy đủ, đúng hạn; hạch toán chi phí đầy đủ và có hiệu quả kinh tế. - Định kỳ hàng quý, Ban điều hành phải có báo cáo gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về tình hình và kết quả thực hiện các nội dung nêu trên.																
Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, các Phòng/Ban chuyên môn có liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./																
9	Số: 09/NQ-CK	16/7/2025	Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm của Công ty CP Cơ khí An Giang theo BCTC tự lập và giao Ban điều hành tiếp tục thực hiện hoạt động SXKD đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua.													
			Điều 2. Hội đồng quản trị thống nhất giao Ban điều hành tăng cường giám sát tài chính hai công ty con nhất là Cty TNHH MTV Xây Dựng Cầu Đường An Giang, từng đơn vị có phương án thu hồi công nợ phải thu khách hàng hiệu quả, định kì họp báo cáo về Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.													
			Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị Công ty CP Cơ khí An Giang giao cho ông Giám đốc Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết này.													

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ biểu quyết
			Điều 1. Đồng ý, chấp thuận cho phép các nội dung sau: 1. Đồng ý giao cho ông Lê Thanh Vân – Giám đốc Công ty thực hiện các giao dịch tín dụng (theo một hoặc nhiều hoặc đồng thời các hình thức cấp tín dụng: cho vay, bảo lãnh, mở L/C...) và thông qua các Hợp đồng có liên quan giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang với số tiền tối đa là 35.000.000.000 đồng, trong đó: a) Hạn mức vay vốn, số tiền: 35.000.000.000 đồng. b) Giới hạn bảo lãnh, số tiền: 35.000.000.000 đồng. c) Giới hạn L/C, số tiền: 35.000.000.000 đồng. 2. Đồng ý việc sử dụng các tài sản là: a) Văn phòng làm việc + hệ thống phân xưởng + nhà kho tại số 839 Trần Hưng Đạo, Tổ 13, Khóm Bình Thới 1, Phường Bình Đức, tỉnh An Giang b) Xe ô tô con KIA Carnival, sản xuất năm 2021, tại Việt Nam, Biển đăng ký: 67A-186.07 c) Xe ô tô con Ford ESCAPE, sản xuất năm 2011, tại Việt Nam, Biển đăng ký: 67A-000.79 d) Xe ô tô tải HINO FG8JPSB-TL9,4, sản xuất năm 2010, tại Việt Nam, Biển đăng ký: 67A-31633 e) Các máy móc thiết bị trực tiếp sản xuất đã hình thành tại địa chỉ số 839 Trần Hưng Đạo, Tổ 13, Khóm Bình Thới 1, Phường Bình Đức, tỉnh An Giang, bao gồm:	
10	Số: 10/NQ-CK	16/7/2025	1. 01 Máy chấn gấp thủy lực CNC nhãn hiệu Yawei PBH-300/3100-4C 2. 02 Máy phay CNC Model: VF-2-SE, Model VF-4-SE 3. Máy cắt plasma Bruco BHC 4000-X2 4. 02 Robot MotoMan EA 1400N và 02 Robot MotoMan HP20 5. 02 Máy tiện CNC FCL 300, nhập: 3/12/2020 6. 01 Máy nén khí 75 kw(100hp) Hiệu Kobelco Lion Inverter, SX: Nhật Bản nhập: 3/11/2022 7. 01 Hệ thống máy cán hộ lan, SX N2022 do VN sx nhập: 31/12/2022 8. 01 Khuôn ép hộp số 9. 02 máy tiện CNC - xưởng 1 10. 01 Máy cắt kim loại AMADA đã qua sử dụng mua ngày 10/4/2014 11. 01 Máy khoan OOYA-1600 đã qua sử dụng, nhập: 12/01/2022 12. 01 Máy hàn cắt plassma cut 160 380V, nhập: 05/03/2022 13. 01 Máy hàn bấm, nhập: 23/07/2022 14. 01 Máy hàn cắt plassma cut 200 380V, nhập: 14/11/2023	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ biểu quyết
10	Số: 10/NQ-CK	16/7/2025	15. 01 Máy hàn LASER 1500W Trung Quốc, nhập: 23/01/2024	100%
			16. 01 Máy hàn MZ1000-380V Trung Quốc, nhập: 2/1/2025	
			17. 01 Máy nén khí tổ hợp cao Trung Quốc, nhập: 30/5/2025	
			18. 01 Máy cắt kim loại bằng tia laser Trung Quốc, nhập: T6/2025	
			f) Ngoài các tài sản đã nêu trên, Công ty đồng ý sử dụng và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của CÔNG TY CP CƠ KHÍ AN GIANG để đảm bảo cho các nghĩa vụ trả nợ của Công ty đối với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang phát sinh từ các giao dịch cấp tín dụng nêu tại Mục 1 và các giao dịch khác giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang.	
			3. Trong suốt quá trình quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang, Công ty bảo đảm, cam kết:	
			a) Thừa nhận nghĩa vụ trả nợ đối với mọi khoản tín dụng (khoản vay, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu, bao thanh toán, ...) phát sinh và hiện chưa thanh toán giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang trước thời điểm cuộc họp này. Số tiền được bảo lãnh đến thời điểm cuộc họp ngày 16/7/2025 như sau:	
			- Số tiền bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước và bảo lãnh dự thầu: 2.463.354.911 đồng.	
			b) Đồng ý rằng, nếu Công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại các Hợp đồng cấp tín dụng, Ngân hàng được toàn quyền đề nghị và thực hiện việc trích tiền từ tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán của Công ty tại bất kỳ Tổ chức tín dụng nào để thanh toán các khoản nợ tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang.	
			Điều 2. Tổ chức thực hiện:	
11	Số: 11/NQ-CK	20/8/2025	- Giao cho Giám đốc Công ty, Người đại diện theo pháp luật của Công ty đại diện cho Công ty hoặc uỷ quyền cho Phó Giám đốc Công ty đại diện cho Công ty ký kết các Hợp đồng cấp tín dụng, Hợp đồng bảo đảm và/hoặc mọi giấy tờ cần thiết, có liên quan giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, phù hợp với kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty CP Cơ khí An Giang đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	
			- Khi vay vốn, bảo lãnh, mở thư tín dụng và bảo đảm cấp tín dụng phải xây dựng phương án kinh doanh chi tiết, cụ thể. Trong đó, phải bảo đảm: Thu hồi vốn, khả năng thanh toán đầy đủ, đúng hạn; hạch toán chi phí đầy đủ và có hiệu quả kinh tế.	
			- Định kỳ hàng quý báo cáo Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về tình hình và kết quả thực hiện các nội dung nêu trên.	
			Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, các Phòng/Ban chuyên môn có liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./	
			Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất về việc chi trả cổ tức năm 2024 như sau:	
			Nội dung: Chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt	
			- Tỷ lệ chi trả: 100%/mệnh giá cổ phiếu (một cổ phiếu được nhận 10.000 đồng).	
			- Ngày chốt danh sách (ngày đăng ký cuối cùng): ngày 17/9/2025	
			- Ngày chi trả cổ tức: ngày 03/10/2025	
			Điều 2. Nghị quyết này đã được Hội đồng quản trị biểu quyết thống nhất thông qua với số phiếu tán thành: 5/5; đạt tỷ lệ 100%.	
			Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị Công ty CP Cơ khí An Giang giao cho ông Giám đốc Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết này.	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ biểu quyết
12	Số: 12/NQ-CK	26/9/2025	Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, chi tiết như sau: 1. Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham gia lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: 10/10/2025. 2. Ngày kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: 4/11/2025. 3. Nội dung: miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kì 2022-2027. Điều 2. Nghị quyết này đã được Hội đồng quản trị biểu quyết thống nhất thông qua với số phiếu tán thành: 5/5; đạt tỷ lệ 100%. Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang giao cho ông Giám đốc Công ty triển khai đến các Phòng/Ban chuyên môn liên quan chuẩn bị và tổ chức thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đúng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.	100%
13	Số: 13/NQ-CK	26/9/2025	Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua Đơn xin từ nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát Công ty của Ông Quách Kim Long. Điều 2. Hội đồng quản trị thống nhất tiến hành tổ chức lấy ý kiến cổ đông về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kì 2022-2027 bằng văn bản. Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng quản trị biểu quyết thống nhất thông qua với số phiếu tán thành: 5/5; đạt tỷ lệ 100%. Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang giao cho ông Giám đốc Công ty chỉ đạo các Phòng/Ban chuyên môn liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này.	
14	Số: 14/NQ-CK	17/10/2025	Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản (tài liệu đính kèm). Điều 2. Hội đồng quản trị giao Ban tổ chức ĐHĐCĐ chuẩn bị in ấn tài liệu và gửi thư đến các cổ đông, công bố các tài liệu lên Website Công ty và công bố thông tin theo đúng quy định. Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng quản trị biểu quyết thống nhất thông qua với số phiếu tán thành: 5/5; đạt tỷ lệ 100%. Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang giao cho ông Giám đốc Công ty chỉ đạo các Phòng/Ban chuyên môn liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này.	
15	Số: 15/NQ-CK	04/11/2025	Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua kết quả hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm của Công ty CP Cơ khí An Giang và hai công ty con theo BCTC tự lập và giao Ban Giám đốc tiếp tục thực hiện hoạt động SXKD đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua. Điều 2. Hội đồng quản trị thống nhất giao Ban Giám đốc xem xét phương án cho Cty TNHH MTV Xây Dựng Cầu Đường An Giang, phải thu hồi công nợ phải thu khách hàng đạt được hiệu quả hơn và báo cáo với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong kỳ họp tới. Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị Công ty CP Cơ khí An Giang giao cho ông Giám đốc Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết này.	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ biểu quyết
16	Số: 16/NQ-CK	19/11/2025	Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua việc thay đổi con dấu Công ty CP Cơ khí An Giang, với thông tin như sau: - Hình thức: Con dấu tròn. - Màu mực: Màu đỏ. - Nội dung: Tên công ty, mã số thuế, địa chỉ. - Lý do thay đổi: Do thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo địa chỉ hành chính mới.	100%
			Điều 2. Hội đồng quản trị giao cho Giám đốc Công ty tiến hành các thủ tục thay đổi con dấu theo quy định của pháp luật. Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị Công ty CP Cơ khí An Giang giao cho Giám đốc Công ty triển khai thực hiện Nghị quyết này.	
17	Số: 17/NQ-CK	21/11/2025	Điều 1. Thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty CP Cơ khí An Giang với các doanh nghiệp và người có liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 164 và khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020, cụ thể như sau: - Các Doanh nghiệp mà Công ty thực hiện ký kết hợp đồng giao dịch: Có danh sách kèm theo. - Đối tượng của hợp đồng, giao dịch mua bán: Xây lắp và thi công; Lắp đặt thiết bị; Cầu thép; Gia công sản phẩm cơ khí; Mạ kẽm; Tài sản, hàng hóa phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD). - Giá trị của từng hợp đồng, giao dịch: + Đối với các Doanh nghiệp là Công ty con: Giá trị của từng Hợp đồng giao dịch nhỏ hơn hoặc bằng 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng) + Đối với các Doanh nghiệp là Công ty liên kết, Cổ đông lớn và Doanh nghiệp của cổ đông lớn cụ thể là Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) và các Doanh nghiệp là Người có liên quan cùng chịu chung sự kiểm soát của VEAM: Giá trị của từng Hợp đồng giao dịch nhỏ hơn hoặc bằng 5.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ đồng)	
			Thời hạn có hiệu lực thực hiện các hợp đồng giao dịch: Từ ngày 21/11/2025 đến ngày 31/12/2025. - Tổng giá trị các hợp đồng giao dịch: Có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 25.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng), chưa bao gồm thuế VAT. Nếu tổng giá trị các hợp đồng, giao dịch trong thời hạn có hiệu lực nêu trên vượt quá hạn mức 25.000.000.000 đồng thì Ban Giám đốc Công ty phải trình lên Hội đồng quản trị xem xét phù hợp với Luật định. Điều 2. Giao/ủy quyền cho Giám đốc Công ty thực hiện: - Ký kết và thực hiện hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo các nội dung nêu tại Điều 1 đảm bảo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, phù hợp với kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty CP Cơ khí An Giang đã được thống nhất thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. - Định kỳ hàng quý báo cáo Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về tình hình và kết quả thực hiện các hợp đồng, giao dịch với người có liên quan. Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty, các Phòng/Ban chuyên môn có liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Nghị quyết HĐQT số 01/NQ-CK ngày 17/01/2025 của Công ty cổ phần Cơ khí An Giang./.	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ biểu quyết																												
Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua việc bổ sung thêm 10 ngành nghề cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cơ khí Long Xuyên, các ngành, nghề được bổ sung thêm như sau:																																
<table><tr><th>STT</th><th>Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung</th><th>Mã ngành</th><th>Ghi chú</th></tr><tr><td>1</td><td>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc Chi tiết: Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối Chi tiết: Uốn cốt thép tại công trình xây dựng Chi tiết: Lát khối, xây gạch, đặt đá và các công việc xây dựng tương tự khác... Chi tiết: Các hoạt động lợp mái, như lợp các công trình nhà để ở Chi tiết: Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo Chi tiết: Lắp đặt rào chắn va chạm, biển báo giao thông..., Chi tiết: Sơn vạch kẻ đường và các dấu hiệu khác, Chi tiết: Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp Chi tiết: Xây dựng bể bơi ngoài trời Chi tiết: Cho thuê cần trục có người điều khiển</td><td>4390</td><td></td></tr><tr><td>2</td><td>Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất bê tông đúc sẵn, xi măng, ống, cột, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép Chi tiết: Sản xuất dầm cầu liên hợp bê tông cốt thép</td><td>2359</td><td></td></tr><tr><td>3</td><td>Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa</td><td>5022</td><td></td></tr><tr><td>4</td><td>Phá dỡ Chi tiết: Phá hủy, tháo dỡ hoặc đập các tòa nhà và các công trình khác.</td><td>4311</td><td></td></tr><tr><td>5</td><td>Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi</td><td>4322</td><td></td></tr><tr><td>6</td><td>Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng công trình công ích khác chưa được phân vào đâu</td><td>4229</td><td></td></tr></table>					STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú	1	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc Chi tiết: Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối Chi tiết: Uốn cốt thép tại công trình xây dựng Chi tiết: Lát khối, xây gạch, đặt đá và các công việc xây dựng tương tự khác... Chi tiết: Các hoạt động lợp mái, như lợp các công trình nhà để ở Chi tiết: Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo Chi tiết: Lắp đặt rào chắn va chạm, biển báo giao thông..., Chi tiết: Sơn vạch kẻ đường và các dấu hiệu khác, Chi tiết: Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp Chi tiết: Xây dựng bể bơi ngoài trời Chi tiết: Cho thuê cần trục có người điều khiển	4390		2	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất bê tông đúc sẵn, xi măng, ống, cột, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép Chi tiết: Sản xuất dầm cầu liên hợp bê tông cốt thép	2359		3	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022		4	Phá dỡ Chi tiết: Phá hủy, tháo dỡ hoặc đập các tòa nhà và các công trình khác.	4311		5	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi	4322		6	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng công trình công ích khác chưa được phân vào đâu	4229	
STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú																													
1	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc Chi tiết: Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối Chi tiết: Uốn cốt thép tại công trình xây dựng Chi tiết: Lát khối, xây gạch, đặt đá và các công việc xây dựng tương tự khác... Chi tiết: Các hoạt động lợp mái, như lợp các công trình nhà để ở Chi tiết: Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo Chi tiết: Lắp đặt rào chắn va chạm, biển báo giao thông..., Chi tiết: Sơn vạch kẻ đường và các dấu hiệu khác, Chi tiết: Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp Chi tiết: Xây dựng bể bơi ngoài trời Chi tiết: Cho thuê cần trục có người điều khiển	4390																														
2	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất bê tông đúc sẵn, xi măng, ống, cột, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép Chi tiết: Sản xuất dầm cầu liên hợp bê tông cốt thép	2359																														
3	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022																														
4	Phá dỡ Chi tiết: Phá hủy, tháo dỡ hoặc đập các tòa nhà và các công trình khác.	4311																														
5	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi	4322																														
6	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng công trình công ích khác chưa được phân vào đâu	4229																														
18	Số: 18/NQ-CK	04/12/2025		100%																												

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung				Tỷ lệ tham dự họp
18	Số: 18/NQ-CK	04/12/2025	STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành	Ghi chú	100%
			7	Xây dựng công trình đường bộ	4212		
			Chi tiết: Xây dựng đường cao tốc, đường ô tô, đường phố, các loại đường khác và đường cho người đi bộ;				
			Chi tiết: Thi công mặt đường: rải nhựa đường, rải bê tông...;				
			Chi tiết: Sơn đường và các hoạt động sơn khác,				
			Chi tiết: Lắp đặt đường chắn, biển báo giao thông và các loại tương tự.				
			Chi tiết: Xây dựng cầu, cống,...				
			8	Chuẩn bị mặt bằng	4312		
			Chi tiết: Làm sạch mặt bằng xây dựng;				
			Chi tiết: Vận chuyển đất: đào, lấp, san và ủi tại các mặt bằng xây dựng, đào móng, vận chuyển đá				
Chi tiết: Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự;							
Chi tiết: Hệ thống cấp thoát nước tại mặt bằng xây dựng							
9	Lắp đặt hệ thống điện	4321					
Chi tiết: Hoạt động lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống điện cho công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng							
10	Xây dựng công trình thủy	4291					
Chi tiết: Đường thủy, cảng và các công trình trên sông, cảng du lịch (bến tàu), cửa cống, ...							
Chi tiết: Đập và đê							
Chi tiết: Hoạt động nạo vét đường thủy							

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung				Tỷ lệ tham dự họp	
18	Số: 18/NQ-CK	04/12/2025	Điều 2. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua việc cập nhật lại 10 ngành nghề hiện có của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cơ khí Long Xuyên theo quyết định số 36/2025/QĐ/TTG ngày 29/09/2025, các ngành, nghề được cập nhật lại như sau:					100%
			STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính		
			1	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính)	2817	cập nhật lại tên ngành của mã ngành 2817		
			2	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rờ mooc	2910	cập nhật lại tên ngành của mã ngành 2910		
			3	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật và xây dựng kết cấu công trình	4299	cập nhật lại MN 4290		
			4	Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy	9532	cập nhật lại MN 4542		
			5	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4661	cập nhật lại MN 4541		
			6	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4662	cập nhật lại MN 4530		
			7	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4663	cập nhật lại MN 4543		
			8	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác	9531	cập nhật lại MN 4520		
			9	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn nhớt, mỡ bò	4671	cập nhật lại MN 4661		
10	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4672	cập nhật lại MN 4662					
Điều 3. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua các ngành, nghề kinh doanh sau khi bổ sung, cập nhật lại và sửa lại Bản Điều lệ Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Long Xuyên mục ngành, chi tiết các ngành nghề như sau:								
STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính					
1	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ kim loại	2511	X					
2	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp và mua bán mô tô điện, xe đạp điện các loại	3099						
3	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng	4329						

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung				Tỷ lệ tham dự họp
18	Số: 18/NQ-CK	04/12/2025	STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính	100%
			4	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410		
				Chi tiết: Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình			
				Chi tiết: Thiết kế công trình kết cấu thép			
				Chi tiết: Thiết kế kết cấu máy và hệ thống truyền lực của xe có động cơ			
			5	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính)	2817		
			6	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910		
				Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơ mooc			
			7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299		
				Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật và xây dựng kết cấu công trình			
			8	Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy	9532		
			9	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4661		
			10	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4662		
			11	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4663		
			12	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác	9531		
			13	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4671		
				Chi tiết: Bán buôn nhớt, mỡ bôi trơn			
			14	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4672		
			15	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390		
				Chi tiết: Xây dựng nền móng, bao gồm cả ép cọc			
				Chi tiết: Lắp dựng các kết cấu thép không thể sản xuất nguyên khối			
				Chi tiết: Uốn cốt thép tại công trình xây dựng			
				Chi tiết: Lát khối, xây gạch, đặt đá và các công việc xây dựng tương tự khác...			
				Chi tiết: Các hoạt động lợp mái, như lợp các công trình nhà để ô tô			
				Chi tiết: Lắp dựng và dỡ bỏ cốp pha, giàn giáo, loại trừ hoạt động thuê cốp pha, giàn giáo			
				Chi tiết: Lắp đặt rào chắn va chạm, biển báo giao thông...,			

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung				Tỷ lệ tham dự họp
18	Số: 18/NQ-CK	04/12/2025	STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính	100%
			15	Chi tiết: Sơn vạch kẻ đường và các dấu hiệu khác, Chi tiết: Lắp dựng ống khói và lò sấy công nghiệp Chi tiết: Xây dựng bể bơi ngoài trời Chi tiết: Cho thuê căn trực có người điều khiển	4390		
			16	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất bê tông đúc sẵn, xi măng, ống, cột, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép Chi tiết: Sản xuất dầm cầu liên hợp bê tông cốt thép	2359		
			17	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022		
			18	Phá dỡ Chi tiết: Phá hủy, tháo dỡ hoặc đập các tòa nhà và các công trình khác.	4311		
			19	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi	4322		
			20	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng công trình công ích khác chưa được phân vào đâu	4229		
			21	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng đường cao tốc, đường ô tô, đường phố, các loại đường khác và đường cho người đi bộ; Chi tiết: Thi công mặt đường: rải nhựa đường, rải bê tông...; Chi tiết: Sơn đường và các hoạt động sơn khác, Chi tiết: Lắp đặt đường chắn, biển báo giao thông và các loại tương tự. Chi tiết: Xây dựng cầu, cống,...	4212		
			22	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Làm sạch mặt bằng xây dựng;	4312		

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung				Tỷ lệ tham dự họp
18	Số: 18/NQ-CK	04/12/2025	STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính	100%
			22	Chi tiết: Vận chuyển đất: đào, lấp, san và ủi tại các mặt bằng xây dựng, đào móng, vận chuyển đá	4312		
				Chi tiết: Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự;			
				Chi tiết: Hệ thống cấp thoát nước tại mặt bằng xây dựng			
			23	Lắp đặt hệ thống điện	4321		
				Chi tiết: Hoạt động lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống điện cho công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng			
			24	Xây dựng công trình thủy	4291		
				Chi tiết: Đường thủy, cảng và các công trình trên sông, cảng du lịch (bến tàu), cửa cống, ...			
				Chi tiết: Đập và đê			
				Chi tiết: Hoạt động nạo vét đường thủy			
Điều 4. Hội đồng quản trị giao cho Giám đốc Công ty cổ phần Cơ khí An Giang triển khai đến Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cơ khí Long Xuyên tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật.							
Điều 5. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, các phòng ban liên quan thuộc Công ty cổ phần Cơ khí An Giang; Giám đốc Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.							

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty Không có

BAN KIỂM SOÁT



Thành phần và cơ cấu Ban Kiểm soát

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu/ đại diện	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Thành Nghề	Trưởng BKS	0 cổ phiếu	0%
2	Nguyễn Đức Hiền	Thành viên BKS	160 cổ phiếu	0,005%
3	Nguyễn Văn Tính	Thành viên BKS	0 cổ phiếu	0%

Sự thay đổi thành viên Ban Kiểm soát trong năm 2025

- Miễn nhiệm Ông Quách Kim Long đối với chức danh Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 04/11/2025
- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Thành Nghề đối với chức danh Trưởng Ban Kiểm soát từ ngày 04/11/2025
- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Tính đối với chức danh Thành viên Ban Kiểm soát từ ngày 04/11/2025



Lý lịch Ban Kiểm soát

ÔNG NGUYỄN THÀNH NGHỀ

Trưởng Ban Kiểm soát

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành
Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

04/2014 – 06/2014	Nhân viên Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty TNHH Liên doanh Antraco
07/2014 – 12/2014	Phó trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty TNHH Liên doanh Antraco
01/2015 – 05/2017	Trưởng Phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty TNHH Liên doanh Antraco
05/2017 – 06/2025	Phó Giám đốc Công ty TNHH Liên doanh Antraco
10/2020 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
07/2025 đến nay	Giám đốc Công ty TNHH Liên doanh Antraco

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Giám đốc Công ty TNHH Liên doanh Antraco

BAN KIỂM SOÁT

Lý lịch Ban Kiểm soát

ÔNG NGUYỄN ĐỨC HIỀN

Thành viên Ban Kiểm soát

Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

12/1996 – 04/1999	Nhân viên phòng Kế toán Xí nghiệp Cơ khí An Giang
04/1999 – 12/2007	Nhân viên phòng Kế toán Công ty Cơ khí An Giang
12/2007 – 03/2022	Nhân viên phòng Kế toán Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
04/2022 - 04/2025	Nhân viên phòng Kinh doanh và Thị trường Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
05/2022 đến nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
05/2025 đến nay	Nhân viên phòng Kế hoạch Kinh doanh Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- » Sở hữu: 160 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ
- » Đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

ÔNG NGUYỄN VĂN TÍNH

Thành viên Ban Kiểm soát

Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kknh doanh

Quá trình công tác:

10/2011 – 11/2022	Nhân viên tiếp thị phòng KD&TT, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
12/2022 – 04/2025	Phó Trưởng phòng KD&TT, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang
05/2025 đến nay	Phó Trưởng phòng KH-KD, Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- » Sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- » Đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2025 Ban Kiểm soát đã họp 5 lần, Ban Kiểm soát luôn kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật. Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Giám đốc, cụ thể như sau:

- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, bán niên và năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các chính sách, quy định pháp luật có liên quan.
- Tham gia các cuộc họp định kỳ với HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.
- Giám sát tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- Giám sát thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và các Nghị quyết của HĐQT trong năm 2025.
- Giám sát tình hình tuân thủ pháp luật, Điều lệ, các quy chế, quy trình nội bộ của Công ty cũng như tính hợp lý trong việc điều hành kinh doanh của Công ty.Giám sát các giao dịch giữa Công ty với người liên quan của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ.
- Giám sát việc chi trả thù lao và các khoản lợi ích của những người quản lý Công ty phù hợp với kế hoạch đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025..

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Quách Kim Long	Trưởng BKS	5/5	100%	Miễn nhiệm ngày 04/11/2025
2	Nguyễn Thành Nghê	Thành viên BKS	6/6	100%	
3	Nguyễn Đức Hiền	Thành viên BKS	6/6	100%	
4	Nguyễn Văn Tính	Thành viên BKS	1/1	100%	Bổ nhiệm ngày 04/11/2025

Hoạt động khác của Ban Kiểm soát

Không có



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
1	Trần Quân Anh	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	48.000.000
2	Đồng Trọng Nghĩa	Thành viên HĐQT không điều hành	48.000.000	36.000.000
3	Trần Văn Thái	Thành viên HĐQT không điều hành	48.000.000	36.000.000
4	Lê Thanh Vân	Thành viên HĐQT Giám đốc	48.000.000	36.000.000
5	Huỳnh Văn An	Thành viên HĐQT Phó Giám đốc	48.000.000	36.000.000
6	Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Người phụ trách quản trị Công ty	30.000.000	18.000.000
BAN KIỂM SOÁT				
1	Quách Kim Long	Trưởng BKS	33.000.000	18.000.000
2	Nguyễn Thành Nghê	Thành viên BKS	40.000.000	36.000.000
3	Nguyễn Đức Hiền	Thành viên BKS	30.000.000	18.000.000
4	Nguyễn Văn Tính	Thành viên BKS	5.000.000	-
BAN ĐIỀU HÀNH				
1	Lê Thanh Vân	Giám đốc	806.097.636	723.745.091
2	Huỳnh Văn An	Phó Giám đốc	514.965.000	452.737.182
3	Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Kế toán trưởng	360.851.454	302.166.455

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ Không có

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát Không có

Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác Không có

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Ngô Thị Kiều Dung	Vợ thành viên BKS	5.000	0,152%	1.500	0,045%
2	Tạ Hán Beo		9	0,000%	6.725	0,204%



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch chưa bao gồm thuế GTGT	Ghi chú
1	Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	Công ty con	1602014273	1785 Trần Hưng Đạo, P. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Năm 2025	Số: 01/NQ-CK ngày 17/01/2025 &Số: 17/NQ-CK ngày 21/11/2025	2.036.817.993	CKAG mua hàng
2	Công ty TNHH MTV Xây Dựng Cầu đường An Giang	Công ty con	1602011321	839 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, tỉnh An Giang	Năm 2025	Số: 01/NQ-CK ngày 17/01/2025 &Số: 17/NQ-CK ngày 21/11/2025	3.118.620.370	CKAG mua hàng
3	Cty TNHH MTV Động Cơ & Máy nông Nghiệp Miền Nam	Tổ chức cùng chịu chung sự kiểm soát của VEAM	3601330939	Khu phố 1, P. Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai	Năm 2025	Số: 01/NQ-CK ngày 17/01/2025 &Số: 17/NQ-CK ngày 21/11/2025	883.085.000	CKAG mua hàng
4	Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	Tổ chức cùng chịu chung sự kiểm soát của VEAM	0500236405	Số 4 Chu Văn An, Hà Đông, Hà Nội	Năm 2025	Số: 01/NQ-CK ngày 17/01/2025 &Số: 17/NQ-CK ngày 21/11/2025	234.203.224	CKAG mua hàng
5	Công ty CP Vật tư và Thiết bị Toàn bộ	Tổ chức cùng chịu chung sự kiểm soát của VEAM	0100100336	Km số 3, Đường Phạm Văn Đồng, P. Nghĩa Đô, Tp.Hà Nội	Năm 2025	Số: 01/NQ-CK ngày 17/01/2025 &Số: 17/NQ-CK ngày 21/11/2025	4.001.626.670	CKAG mua hàng
6	Công ty TNHH Liên doanh ANTRACO	Công ty liên kết	1600175162	Ấp Rò Leng, xã Tri Tôn, tỉnh An Giang	Năm 2025	Số: 01/NQ-CK ngày 17/01/2025 &Số: 17/NQ-CK ngày 21/11/2025	2.500.000.000	CKAG ứng tiền
7	Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	Công ty con	1602014273	1785 Trần Hưng Đạo, P. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Năm 2025	Số: 01/NQ-CK ngày 17/01/2025 &Số: 17/NQ-CK ngày 21/11/2025	483.069.889	CKAG bán hàng
8	Công ty TNHH MTV Xây Dựng Cầu đường An Giang	Công ty con	1602011321	839 Trần Hưng Đạo, P. Bình Đức, tỉnh An Giang	Năm 2025	Số: 01/NQ-CK ngày 17/01/2025 &Số: 17/NQ-CK ngày 21/11/2025	1.982.780.000	CKAG bán hàng

Tổng giá trị giao dịch chưa bao gồm thuế GTGT trong năm 2025: 15.240.203.146 đồng

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2025 của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang đã được công bố thông tin đúng quy định và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo website: www.cokhiangiang.com



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

An Giang, ngày 13 tháng 4 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 40

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quân Anh	Chủ tịch
Ông Đồng Trọng Nghĩa	Thành viên
Ông Lê Thanh Vân	Thành viên
Ông Trần Văn Thái	Thành viên
Ông Huỳnh Văn An	Thành viên
Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Phụ trách quản trị Công ty

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thành Nghè	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025)
Ông Quách Kim Long	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025)
Ông Nguyễn Đức Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tính	Thành viên (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025)

Ban Giám đốc

Ông Lê Thanh Vân	Giám đốc
Ông Huỳnh Văn An	Phó Giám đốc
Ông Bùi Thế Hiền	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2026)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Thanh Vân - Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Lê Thanh Vân
Giám đốc

Tỉnh An Giang, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Số: 2370/2026/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2026, từ trang 5 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.11 của bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện rằng trong năm 2024, báo cáo tài chính của Công ty TNHH Liên doanh Antraco đã ghi nhận khoản lợi nhuận từ việc định giá lại giá trị đất tăng phủ mỏ đá dùng làm vật liệu san lấp từ việc khai thác mỏ với giá trị là 21.395.203.200 đồng. Hội đồng Thành viên của Công ty liên doanh quyết định chưa chia lợi nhuận này cho nhà đầu tư trong năm trước cho đến khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ khối lượng đất này. Trong năm 2025, sau khi đã thực hiện tiêu thụ được một phần và có đủ cơ sở xác định khả năng thu được lợi ích kinh tế, Công ty liên doanh đã quyết định phân phối toàn bộ phần lợi nhuận nêu trên cho các nhà đầu tư (sau khi đã trích các quỹ theo quy định). Theo đó, Công ty đã ghi nhận phần lợi nhuận được chia tương ứng vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2025. Ban Giám đốc đánh giá việc ghi nhận khoản lợi nhuận này trong năm 2025 đã phản ánh phù hợp bản chất kinh tế của giao dịch và đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị đất tăng phủ mỏ đá vẫn chưa được tiêu thụ theo giá trị định giá của công ty liên doanh là 23.478.538.993 đồng (đã bao gồm các khoản thuế, phí phải nộp). Việc lợi nhuận đã được phân chia trong khi phần lớn khối lượng phụ phẩm liên quan vẫn chưa được tiêu thụ có thể dẫn đến yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng hiện thực hóa lợi ích kinh tế từ khối lượng đất này trong các năm tiếp theo.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.



Lương Xuân Trường
Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2023-072-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
CHI NHÁNH SÀI GÒN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Trần Thị Xuân Tước
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số N.4184-2022-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

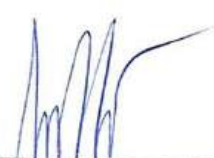
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		170.211.135.754	146.931.474.725
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	17.198.734.582	12.044.409.494
1. Tiền	111		5.198.734.582	4.744.409.494
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	7.300.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.334.088.774	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	25.334.088.774	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		115.413.412.862	112.799.261.491
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	97.924.173.152	99.188.084.920
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.078.621.442	803.030.994
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	25.639.002.817	19.684.008.627
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(10.306.915.573)	(6.966.394.074)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		78.531.024	90.531.024
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	12.095.003.709	21.135.259.101
1. Hàng tồn kho	141		18.066.954.689	26.308.647.720
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.971.950.980)	(5.173.388.619)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		169.895.827	952.544.639
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	37.545.000	30.340.482
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	132.350.827	922.204.157
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.018.806.390	32.759.429.955
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		858.633.000	858.633.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	858.633.000	858.633.000
II. Tài sản cố định	220		21.027.967.862	18.685.656.081
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	21.027.967.862	18.685.656.081
- Nguyên giá	222		63.212.962.447	57.845.406.635
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.184.994.585)	(39.159.750.554)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		65.000.000	65.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65.000.000)	(65.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		925.591.988	581.615.179
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	925.591.988	581.615.179
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		7.956.213.357	7.956.213.357
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11	7.956.213.357	7.956.213.357
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.250.400.183	4.677.312.338
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.688.441.875	1.991.276.509
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	3.561.958.308	2.686.035.829
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		206.229.942.144	179.690.904.680

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		66.544.412.963	57.615.487.189
I. Nợ ngắn hạn	310		65.001.105.108	57.486.687.567
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	18.521.045.858	19.332.584.069
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	1.072.563.254	3.831.603.945
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	4.504.978.134	3.935.172.524
4. Phải trả người lao động	314		2.406.645.744	1.514.213.003
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	6.033.811.928	4.427.354.289
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	10.083.838.130	10.019.679.010
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	1.151.675.526	565.048.645
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	1.722.496.418	2.173.891.756
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	19.504.050.116	11.687.140.326
II. Nợ dài hạn	330		1.543.307.855	128.799.622
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.13	1.543.307.855	128.799.622
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		139.685.529.181	122.075.417.491
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	139.612.993.278	122.002.881.588
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.864.040.000	32.864.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.864.040.000	32.864.040.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.848.061.799	18.848.061.799
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.418.232.123	3.418.232.123
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		84.482.659.356	66.872.547.666
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		32.719.328.419	48.145.679.716
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		51.763.330.937	18.726.867.950
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		72.535.903	72.535.903
1. Nguồn kinh phí	431		72.535.903	72.535.903
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		206.229.942.144	179.690.904.680


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng


Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	162.421.815.235	182.953.363.033
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		162.421.815.235	182.953.363.033
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	145.240.803.895	162.940.686.354
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		17.181.011.340	20.012.676.679
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	67.647.579.654	23.393.836.890
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	304.953.644	362.935.316
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		111.843.564	357.519.506
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.11	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.130.655.384	794.394.054
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	16.382.901.305	17.956.909.463
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		67.010.080.661	24.292.274.736
12. Thu nhập khác	31		457.898.566	2.872
13. Chi phí khác	32		432.452.042	211.141.998
14. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		25.446.524	(211.139.126)
15. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		67.035.527.185	24.081.135.610
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	1.292.777.760	878.937.507
17. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52	V.13	538.585.754	(581.386.835)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		65.204.163.671	23.783.584.938
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		65.204.163.671	23.783.584.938
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	15.751	5.306
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	15.751	5.306


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng


Lê Thanh Vân
Giám đốc



Ngày 23 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	67.035.527.185	24.081.135.610
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.446.450.864	2.743.483.465
Các khoản dự phòng	03	3.687.688.522	1.364.157.707
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	54.520	(2.307.241)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(67.612.394.219)	(23.349.498.246)
Chi phí lãi vay	06	111.843.564	357.519.506
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.669.170.436	5.194.490.801
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	1.457.141.925	(36.942.228.414)
Giảm hàng tồn kho	10	8.241.693.031	15.506.817.382
Giảm các khoản phải trả (không kể Giảm vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(833.287.337)	(3.422.663.438)
Giảm chi phí trả trước	12	295.630.116	674.028.915
Tiền lãi vay đã trả	14	(109.534.206)	(363.479.055)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(899.523.573)	(1.891.102.411)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	7.020.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.920.122.191)	(4.664.321.724)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.908.188.201	(25.908.457.944)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.132.739.454)	(1.108.317.211)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(25.334.088.774)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	34.300.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	60.990.432.754	11.971.778.045
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	29.523.604.526	45.163.460.834
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	12.324.792.665	29.724.409.755
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.738.165.784)	(34.005.383.885)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(32.864.040.000)	(16.432.020.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(32.277.413.119)	(20.712.994.130)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	5.154.379.608	(1.457.991.240)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	12.044.409.494	13.500.093.493
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(54.520)	2.307.241
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	17.198.734.582	12.044.409.494


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng


Lê Thanh Vân
Giám đốc



Ngày 23 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Cơ khí An Giang, là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo nghị định số 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 11 năm 2004. Công ty bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600111049 do Sở Tài chính (tiền thân là Sở Kế hoạch và Đầu tư) tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 7 tháng 12 năm 2007 và qua các lần điều chỉnh trong đó lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc cập nhật địa chỉ của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 32.864.040.000 đồng, được chia thành 3.286.404 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang (trước đây là phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là An Giang Mechanical Joint Stock Company, tên viết tắt là: Angimeco (AMC).

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu là CKA.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày cuối năm và tại ngày đầu năm lần lượt là 154 người và 171 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa; sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; đúc sắt thép và các ngành nghề khác theo hồ sơ đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty hiện đang đầu tư vào hai (02) công ty con và một (01) công ty liên doanh. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang	Tỉnh An Giang	100%	100%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	Tỉnh An Giang	100%	100%	Sản xuất các cấu kiện kim loại

Công ty liên doanh

Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang (tên công ty viết tắt là "Công ty TNHH Liên doanh Antraco") (i)	Tỉnh An Giang	50%	49%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
---	---------------	-----	-----	---------------------------------

(i) Công ty TNHH Liên doanh Antraco đã được gia hạn quyền khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng đến ngày 26 tháng 6 năm 2027 theo Quyết định số 411/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang ngày 28 tháng 3 năm 2025.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Công ty đã áp dụng nhất quán các chính sách kế toán cũng như các quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán đang áp dụng

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hướng dẫn kế toán mới đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và được áp dụng cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày này. Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các văn bản có liên quan. Các nội dung liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước như hướng dẫn tại Thông tư 200 vẫn tiếp tục được thực hiện. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đối với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho các kỳ kế toán sau.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Góp vốn liên doanh (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của các công ty liên doanh được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước gồm khoản sửa chữa tài sản, giải phóng mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa được xác định bằng 5% trên doanh thu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, căn cứ theo giá trị bảo hành quy định trong hợp đồng với khách hàng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn trong năm.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành công trình xây dựng được xác định bằng 5% trên doanh thu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, căn cứ theo giá trị bảo hành quy định trong hợp đồng với khách hàng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào giá vốn trong năm.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi

Doanh thu đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng là phần hoa hồng bán hàng mà Công ty được hưởng.

Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lợi nhuận từ công ty liên doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phần sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh trong năm của công ty liên doanh.

Lợi nhuận từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lợi nhuận đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ngoại tệ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	330.073.605	210.359.288
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.868.660.977	4.534.050.206
Các khoản tương đương tiền	12.000.000.000	7.300.000.000
Cộng	17.198.734.582	12.044.409.494

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

2.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	Tiền gửi có kỳ hạn	25.334.088.774	-
	Số dư cuối kỳ của tiền gửi có kỳ hạn bao gồm số tiền 1.334.088.774 đồng được dùng để cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay và nợ của Công ty (chi tiết xem thêm tại Thuyết minh V.19).		
3.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	Công ty TNHH Thành Luân 68	19.119.141.700	-
	Công ty Cổ phần Kiến Thành Phú Quốc	3.235.437.290	11.419.097.874
	Các đối tượng khác	75.569.594.162	87.768.987.046
	Cộng	97.924.173.152	99.188.084.920
4.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn Bộ	1.172.568.672	-
	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Nông thôn 620	319.560.000	-
	Công ty TNHH Xây dựng Thiên Phúc AP	-	362.076.603
	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng TMDV Hồng Nhung	-	120.000.000
	Công ty TNHH Công trình Giao thông Tây Nam Á	-	103.000.000
	Các đối tượng khác	586.492.770	217.954.391
	Cộng	2.078.621.442	803.030.994
5.	Phải thu khác	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
	a. Ngắn hạn		
	Lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh	23.560.306.803	17.004.459.590
	Các khoản tiền đặt cọc, cầm cố và ký quỹ	1.209.813.289	1.765.475.371
	Tạm ứng cho nhân viên	173.000.000	387.376.706
	Phải thu lãi tiền gửi	182.563.223	116.448.971
	Các khoản phải thu khác	513.319.502	410.247.989
	Cộng	25.639.002.817	19.684.008.627
	b. Dài hạn		
	Các khoản tiền đặt cọc, cầm cố và ký quỹ	858.633.000	858.633.000
	Tổng cộng	26.497.635.817	20.542.641.627
	Trong đó, phải thu từ bên liên quan (xem thuyết minh VII.1)	23.560.306.803	17.004.459.590

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

6.	Nợ xấu	Số cuối năm	Số đầu năm	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Dự phòng VND
		Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Dự phòng VND
		23.973.166.109	13.666.250.536	(10.306.915.573)	10.382.834.350	3.416.440.276	(6.966.394.074)
	Phải thu ngắn hạn của khách hàng						
	Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm						
		Năm nay VND	Năm trước VND				
	Số dư đầu năm	(6.966.394.074)	(6.438.258.118)				
	Trích lập dự phòng trong năm	(3.340.521.499)	(528.135.956)				
	Số dư cuối năm	(10.306.915.573)	(6.966.394.074)				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.858.669.820	(1.305.481.933)	8.804.676.381	(1.258.599.909)
Công cụ, dụng cụ	132.061.226	(132.061.226)	132.061.226	(132.061.226)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.215.177.641	(577.912.857)	13.153.280.010	(577.912.857)
Thành phẩm	1.529.983.798	(1.665.656.116)	1.773.161.079	(1.623.827.190)
Hàng hóa	2.331.062.204	(2.290.838.848)	2.445.469.024	(1.580.987.437)
Cộng	18.066.954.689	(5.971.950.980)	26.308.647.720	(5.173.388.619)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	(5.173.388.619)	(4.337.366.868)
Trích lập dự phòng bổ sung	(798.562.361)	(836.021.751)
Số dư cuối năm	(5.971.950.980)	(5.173.388.619)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	20.487.544.356	29.522.188.885	7.701.247.030	134.426.364	57.845.406.635
Mua tài sản trong năm	-	1.448.634.889	-	-	1.448.634.889
Xây dựng cơ bản hoàn thành	3.821.978.040	602.391.082	-	-	4.424.369.122
Thanh lý nhượng bán	-	(505.448.199)	-	-	(505.448.199)
Số dư cuối năm	24.309.522.396	31.067.766.657	7.701.247.030	134.426.364	63.212.962.447
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	13.311.262.736	19.605.017.165	6.135.910.956	107.559.697	39.159.750.554
Khấu hao trong năm	1.498.119.374	1.662.642.450	269.569.040	16.120.000	3.446.450.864
Thanh lý nhượng bán	-	(421.206.833)	-	-	(421.206.833)
Số dư cuối năm	14.809.382.110	20.846.452.782	6.405.479.996	123.679.697	42.184.994.585
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	7.176.281.620	9.917.171.720	1.565.336.074	26.866.667	18.685.656.081
Số dư cuối năm	9.500.140.286	10.221.313.875	1.295.767.034	10.746.667	21.027.967.862

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối năm và tại ngày đầu năm lần lượt là 16.017.032.027 đồng và 14.264.078.539 đồng.

Tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày cuối năm và tại ngày đầu năm bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết, không sử dụng và đang chờ thanh lý với nguyên giá lần lượt là 1.112.483.045 đồng và 977.483.045 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty tại ngày đầu năm và cuối năm là giá trị của phần mềm kế toán với nguyên giá là 65.000.000 đồng, đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí mua đất tại khu dân cư Bình Đức	520.600.000	520.600.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	404.991.988	61.015.179
Cộng	925.591.988	581.615.179

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Đầu tư vào công ty liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá gốc VND	Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	7.956.213.357	-	7.956.213.357	-
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu		7.956.213.357		7.956.213.357

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty liên doanh không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của khoản đầu tư này.

Giá trị của khoản đầu tư vào công ty liên doanh thay đổi trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	7.956.213.357	7.956.213.357
Thay đổi trong năm		
Lợi nhuận trong năm của Công ty liên doanh	170.118.678.329	78.630.134.259
Thu nhập khác (i)	21.395.203.200	(21.395.203.200)
Trừ: Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác	(57.663.122.019)	(13.226.011.879)
Lợi nhuận thuộc phần sở hữu của nhà đầu tư	133.850.759.510	44.008.919.180
Tỷ lệ được chia	50%	50%
Trừ: Lợi nhuận đã chia trong năm cho Công ty (xem thuyết minh VI.3)	66.925.379.755	22.004.459.590
Số dư cuối năm	7.956.213.357	7.956.213.357

(i) Trong năm 2024, báo cáo tài chính của Công ty TNHH Liên doanh Antraco đã ghi nhận khoản lợi nhuận từ việc định giá lại giá trị đất tăng phù mô đã dùng làm vật liệu san lấp từ việc khai thác mỏ với giá trị là 21.395.203.200 đồng. Hội đồng Thành viên của Công ty liên doanh quyết định chưa chia lợi nhuận này cho nhà đầu tư trong năm trước cho đến khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ khối lượng đất này. Trong năm 2025, sau khi đã thực hiện tiêu thụ được một phần và có đủ cơ sở xác định khả năng thu được lợi ích kinh tế, Công ty liên doanh đã quyết định phân phối toàn bộ phần lợi nhuận nêu trên cho các nhà đầu tư (sau khi đã trích các quỹ theo quy định). Theo đó, Công ty đã ghi nhận phần lợi nhuận được chia tương ứng vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2025. Ban Giám đốc đánh giá việc ghi nhận khoản lợi nhuận này trong năm 2025 đã phản ánh phù hợp bản chất kinh tế của giao dịch và đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị đất tăng phù mô đã vẫn chưa được tiêu thụ theo giá trị định giá của công ty liên doanh là 23.478.538.993 đồng (đã bao gồm các khoản thuế, phí phải nộp).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. Chi phí trả trước	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	37.545.000	30.340.482
b. Dài hạn		
Chi phí giải phóng mặt bằng chờ phân bổ (i)	1.041.666.666	1.250.000.000
Chi phí sửa chữa tài sản	451.310.408	550.191.396
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	195.464.801	191.085.113
Cộng	1.688.441.875	1.991.276.509
Tổng cộng	1.725.986.875	2.021.616.991

(i) Số dư thể hiện chi phí đầu tư xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô (không bao gồm chi phí thuê đất) được sử dụng để góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (TCTC) (xem chi tiết tại Thuyết minh số VII.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. Thuế thu nhập hoãn lại	Các khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND	Dự phòng tổn thất đầu tư trong công ty con VND	Các khoản dự phòng VND	Cộng VND
a. Tài sản thuế hoãn lại				
Số dư đầu năm trước	942.948.694	-	1.400.969.057	2.343.917.751
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	65.701.393	-	(407.819.471)	(342.118.078)
Số dư đầu năm nay	877.247.301	-	1.808.788.528	2.686.035.829
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	4.883.299	-	(880.805.778)	(875.922.479)
Số dư cuối năm nay	872.364.002	-	2.689.594.306	3.561.958.308
b. Thuế hoãn lại phải trả				
Số dư đầu năm trước	72.000.000	296.068.379	-	368.068.379
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	(55.103.754)	(184.165.003)	-	(239.268.757)
Số dư đầu năm nay	16.896.246	111.903.376	-	128.799.622
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	297.232.163	1.117.276.070	-	1.414.508.233
Số dư cuối năm nay	314.128.409	1.229.179.446	-	1.543.307.855
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất				538.585.754

Thuế suất được sử dụng để tính thuế hoãn lại là thuế suất dự tính của kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hoặc thanh lý hoặc khi các khoản nợ phải trả được thanh toán, hiện được ước tính ở mức 20%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. Phải trả cho người bán ngắn hạn

Tại ngày kết thúc năm tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản nợ phải trả người bán đồng thời cũng là giá trị có khả năng thanh toán. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Thép Nam Phát	4.403.733.293	2.140.661.321
Công ty Cổ phần Kim khí Bình Dương	3.499.601.215	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thiên Lộc Phát	-	4.937.904.455
Các đối tượng khác	10.617.711.350	12.254.018.293
Cộng	18.521.045.858	19.332.584.069
Trong đó, phải trả cho bên liên quan (xem thuyết minh VII.1)	205.603.994	405.603.994

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Tam Long	211.680.000	-
Ông Nguyễn Văn Duẩn	200.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Phương Thanh	126.800.000	-
Ông Lê Đức Hùng	130.000.000	130.000.000
Công ty TNHH Vietsun Pacific	-	660.000.000
Japan Insulation Co., Ltd.	-	633.792.150
Công ty TNHH Sao Vàng	-	486.552.000
Các đối tượng khác	404.083.254	1.921.259.795
Cộng	1.072.563.254	3.831.603.945

16. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.818.903	-	-	8.818.903
Thuế thu nhập cá nhân	21.179.313	1.232.534.170	1.268.959.261	57.604.404
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	892.205.941	1.785.596.427	959.318.006	65.927.520
Cộng	922.204.157	3.018.130.597	2.228.277.267	132.350.827
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.835.648.951	4.679.448.221	4.502.896.798	4.012.200.374
Thuế thu nhập doanh nghiệp	99.523.573	1.292.777.760	899.523.573	492.777.760
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7.501.409	7.501.409	-
Cộng	3.935.172.524	5.979.727.390	5.409.921.780	4.504.978.134

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sản xuất, thi công công trình	5.962.502.570	4.363.254.289
Chi phí phải trả khác	71.309.358	64.100.000
Cộng	6.033.811.928	4.427.354.289

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả về cổ phần hoá	7.134.811.183	7.134.811.183
Tiền sử dụng đất phải nộp lại Nhà nước	2.370.727.402	2.370.727.402
Các khoản khác	578.299.545	514.140.425
Cộng	10.083.838.130	10.019.679.010

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Vay trong năm VND	Thanh toán trong năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang (i)	1.048.205.774	3.047.995.175	1.999.789.401	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang (ii)	103.469.752	9.276.797.490	9.738.376.383	565.048.645
Cộng	1.151.675.526	12.324.792.665	11.738.165.784	565.048.645

(i) Số dư thể hiện các khoản vay có kỳ hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 12 tháng 9 năm 2026 với lãi suất từ 7,5% đến 8%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh. Tài sản đảm bảo là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 13 tháng với tổng giá trị là 1.334.088.774 đồng.

(ii) Số dư thể hiện các khoản vay có kỳ hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 07 tháng 7 năm 2026 với lãi suất 9%/năm. Mục đích vay để bổ sung vốn hoạt động kinh doanh. Tài sản đảm bảo là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với tổng giá trị là 1 tỷ đồng.

20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Dự phòng bảo hành sản phẩm, công trình VND
Số dư đầu năm	2.173.891.756
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	912.190.115
Hoàn nhập dự phòng	(457.896.366)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(905.689.087)
Số dư cuối năm	1.722.496.418

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Quỹ khen thưởng	19.101.905.635	11.384.495.845
Quỹ phúc lợi	2.144.481	2.644.481
Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty	400.000.000	300.000.000
Cộng	19.504.050.116	11.687.140.326
Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:		
	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	11.687.140.326	9.134.885.641
Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm trước	1.289.179.247	2.159.859.421
Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm nay	13.440.832.734	5.056.716.938
Quỹ thưởng từ Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh An Giang	7.020.000	-
Quỹ thưởng từ Tổng Công ty	-	95.400.000
Sử dụng quỹ trong năm	(6.920.122.191)	(4.759.721.724)
Số dư cuối năm	19.504.050.116	11.687.140.326

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	32.864.040.000	18.848.061.799	3.418.232.123	68.794.250.176	123.924.584.098
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	23.783.584.938	23.783.584.938
Chia cổ tức	-	-	-	(16.432.020.000)	(16.432.020.000)
Trích thưởng Ban điều hành	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.816.576.409)	(6.816.576.409)
Trích lập tiền sử dụng đất phải nộp lại	-	-	-	(2.056.691.039)	(2.056.691.039)
Số dư đầu năm nay	32.864.040.000	18.848.061.799	3.418.232.123	66.872.547.666	122.002.881.588
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	65.204.163.671	65.204.163.671
Chia cổ tức	-	-	-	(32.864.040.000)	(32.864.040.000)
Trích thưởng Ban điều hành (i)	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(14.230.011.981)	(14.230.011.981)
Số dư cuối năm nay	32.864.040.000	18.848.061.799	3.418.232.123	84.482.659.356	139.612.993.278

(i) Quỹ khen thưởng, phúc lợi bao gồm 1.189.179.247 đồng được trích từ lợi nhuận năm 2024 và 13.040.832.734 đồng được tạm trích từ lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 với tỷ lệ là 20%. Quỹ khen thưởng Ban điều hành bao gồm 100 triệu đồng được trích từ lợi nhuận năm 2024 và 400 triệu đồng tạm trích theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 09 tháng 5 năm 2025. Số liệu cuối cùng về việc trích lập các quỹ sẽ được điều chỉnh theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thường niên sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.286.404	3.286.404
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu phổ thông	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu phổ thông	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 09 tháng 5 năm 2025 đã thông qua việc chia cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 100% trên mệnh giá, tương đương với số tiền là 32.864.040.000 đồng. Toàn bộ giá trị cổ tức này đã được thanh toán cho các cổ đông.

Cổ tức năm 2025 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ từ 50% vốn điều lệ trở lên. Mức chi trả và hình thức trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên sắp tới.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm	103.149.627.761	44.712.922.465
Doanh thu xây dựng các loại cầu	43.194.109.197	125.405.725.025
Doanh thu bán hàng hóa	10.325.963.049	10.136.194.174
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.752.115.228	2.698.521.369
Cộng	162.421.815.235	182.953.363.033

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với bên liên quan (xem thuyết minh VII.1)

	-	327.083.400
--	---	-------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán thành phẩm	89.508.049.651	38.007.427.066
Giá vốn của hoạt động xây dựng cầu	42.171.572.973	114.468.644.011
Giá vốn bán hàng hóa	11.137.511.431	9.313.806.659
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.625.107.479	314.786.867
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	798.562.361	836.021.751
Cộng	145.240.803.895	162.940.686.354

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận từ Công ty TNHH Liên Doanh Antraco	66.925.379.755	22.004.459.590
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	687.014.464	1.345.038.656
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	35.185.435	42.031.403
Lãi chênh lệch tỷ giá từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	2.307.241
Cộng	67.647.579.654	23.393.836.890

Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ giao dịch với bên liên quan (xem thuyết minh VII.1)

	66.925.379.755	22.004.459.590
--	----------------	----------------

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	193.055.560	5.415.810
Chi phí lãi vay	111.843.564	357.519.506
Lỗ chênh lệch tỷ giá từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	54.520	-
Cộng	304.953.644	362.935.316

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí hoa hồng bán hàng	313.500.000	120.580.000
Chi phí nhân viên	98.034.300	92.623.231
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.791.480	7.791.480
Chi phí vận chuyển, thuê tải	180.232.403	528.539.979
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	531.097.201	44.859.364
Cộng	1.130.655.384	794.394.054

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.648.774.865	9.389.157.538
Chi phí đồ dùng văn phòng	52.889.952	313.923.509
Chi phí khấu hao tài sản cố định	507.637.040	515.752.072
Thuế, phí và lệ phí	7.000.000	7.000.000
Tiền thuê đất	1.105.516.084	4.342.596.903
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.340.521.499	528.135.956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.922.376.027	2.359.281.795
Chi phí bằng tiền khác	798.185.838	501.061.690
Cộng	16.382.901.305	17.956.909.463

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	67.035.527.185	24.081.135.610
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	6.527.643.478	3.515.060.926
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(66.925.379.755)	(22.004.459.590)
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế khác	562.967.604	-
Hoàn nhập lỗ chịu thuế của các công ty bị bù trừ khi hợp nhất	2.280.370.407	2.014.831.320
Lỗ/(lãi) chưa thực hiện do điều chỉnh hợp nhất	(3.017.240.119)	(3.211.880.730)
Thu nhập chịu thuế	6.463.888.800	4.394.687.536
Chuyển lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	6.463.888.800	4.394.687.536
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.292.777.760	878.937.507

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	65.204.163.671	23.783.584.938
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành	(13.440.832.734)	(6.345.896.235)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	51.763.330.937	17.437.688.703
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	3.286.404	3.286.404
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.751	5.306

Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành năm nay giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ghi nhận theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 do Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 phê duyệt. Số trích lập của năm 2025 sẽ được Công ty ghi nhận chính thức căn cứ vào quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong cuộc họp thường niên sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 nhằm phản ánh ảnh hưởng của quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế chính thức của năm 2024 theo Nghị Quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 09 tháng 5 năm 2025. Ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế đến lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh như sau:

	Số đã báo cáo VND	Điều chỉnh VND	Số trình bày lại VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	23.783.584.938	-	23.783.584.938
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng Ban điều hành	(7.216.576.409)	870.680.174	(6.345.896.235)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.567.008.529	870.680.174	17.437.688.703
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	3.286.404	-	3.286.404
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.041	265	5.306

Lãi suy giảm trên cổ phiếu: Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng chính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	115.032.857.241	115.420.873.668
Chi phí nhân công	21.578.211.284	25.101.209.254
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.351.451.634	2.634.878.505
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.661.305.121	10.594.747.884
Chi phí khác bằng tiền	2.011.599.107	3.549.647.554
Cộng	154.635.424.387	157.301.356.865

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	Công ty liên doanh
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã phát sinh các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty TNHH Liên doanh Antraco		
Lợi nhuận được chia	66.925.379.755	22.004.459.590
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	-	327.083.400
Mua hàng hóa, dịch vụ	-	250.796.800

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP		
Chia cổ tức	15.580.720.000	7.790.360.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khác		
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	23.560.306.803	17.004.459.590
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	205.603.994	405.603.994

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Trần Quân Anh	Chủ tịch	60.000.000	48.000.000
Ông Đồng Trọng Nghĩa	Thành viên	48.000.000	36.000.000
Ông Lê Thanh Vân	Thành viên	48.000.000	36.000.000
Ông Trần Văn Thái	Thành viên	48.000.000	36.000.000
Ông Huỳnh Văn An	Thành viên	48.000.000	36.000.000
Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Phụ trách quản trị Công ty	30.000.000	18.000.000
Cộng		282.000.000	210.000.000

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thành Nghè	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025)	33.000.000	18.000.000
Ông Quách Kim Long	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025)	40.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Đức Hiền	Thành viên	30.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Văn Tính	Thành viên (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025)	5.000.000	-
Cộng		108.000.000	72.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

Tiền lương, phụ cấp, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Giám đốc được hưởng trong năm:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Lê Thanh Vân	Giám đốc	806.097.636	759.745.091
Ông Huỳnh Văn An	Phó Giám đốc	514.965.000	488.737.182
Cộng		1.321.062.636	1.248.482.273

2. Các cam kết

Cam kết thuê hoạt động - Công ty là bên đi thuê

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm	1.769.276.853	6.400.654.743

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	4.423.194.064	1.769.276.853
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	23.686.514.961	21.675.471.997
Sau năm năm	1.504.472.308	6.446.933.333
Cộng	29.614.181.332	29.891.682.183

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 8.052,2 m2 đất tại phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 3.776,6 m2 đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 21 tháng 5 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 18.577,4 m2 đất tại phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 89,8 m2 đất tại phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 11 tháng 4 năm 2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Các cam kết** (tiếp theo)**Cam kết không hủy ngang**

Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2018/BCC-TCTC-CKAG ngày 8 tháng 4 năm 2018 và phụ lục hợp đồng ngày 3 tháng 10 năm 2018 (gọi chung là Hợp đồng BCC) với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (TCTC) để thực hiện dự án đầu tư Xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô. Theo hợp đồng BCC và giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 5414883082 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 18 tháng 4 năm 2017 và sửa đổi lần 2 ngày 22 tháng 10 năm 2018, dự án được thực hiện bởi hai nhà đầu tư là Công ty và TCTC, trong đó Công ty góp bằng tài sản trên đất trị giá 2,5 tỷ đồng và TCTC góp tiền mặt để thực hiện xây dựng và cải tạo hoặc trang bị cho công trình tại mặt bằng để thực hiện dự án. Thời hạn hoạt động của dự án là từ ngày 22 tháng 10 năm 2018 đến ngày 05 tháng 01 năm 2031 (ngày kết thúc thời hạn thuê đất). Sau khi tài sản trên đất được xây dựng, cải tạo hoặc trang bị xong sẽ được chuyển giao cho TCTC và do TCTC toàn quyền quản lý và sử dụng cho các mục tiêu của dự án cho đến khi chấm dứt thời hạn.

Không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án, Công ty được hưởng một khoản doanh thu được chia cố định (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) là 2 tỷ đồng/năm trong vòng 5 năm đầu tiên của thời hạn và kể từ năm thứ 6 trở đi, định kỳ 3 năm một lần, hai bên sẽ thỏa thuận lại giá trị khoản doanh thu cố định chia cho Công ty nhưng mức tăng không vượt quá 10% giá trị của khoản doanh thu cố định được hưởng của giai đoạn liền kề trước đó.

3. Các khoản công nợ tiềm tàng

Công ty hiện đang trong quá trình làm việc với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND Tỉnh An Giang về cơ sở tính số tiền bị truy thu với giá trị ước tính 2,2 tỷ đồng từ sử dụng một phần diện tích đất thuê của Nhà Nước chưa đúng mục đích. Tuy nhiên đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty chưa có quyết định chính thức từ cơ quan quản lý Nhà nước. Để đảm bảo việc thanh toán cho nghĩa vụ này, Công ty đã tiến hành trích lập quỹ dự phòng từ lợi nhuận sau thuế với số tiền 2.056.691.039 đồng trong năm 2024 và đã được cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 ngày 10 tháng 5 năm 2024.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt, máy sấy các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt, máy sấy. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh nói trên. Theo đó, không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cần phải trình bày. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số VI.1 và VI.2.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam và các hoạt động kinh doanh diễn ra tại các tỉnh thành trên cả nước không có sự tương đồng khi phân tích theo khu vực địa lý. Do vậy, Công ty không có báo cáo theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**5. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính và đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng


Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2026

T.ỈNH
H
T.ỈNH
H
T.ỈNH
H

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC	
<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quân Anh	Chủ tịch
Ông Đồng Trọng Nghĩa	Thành viên
Ông Lê Thanh Văn	Thành viên
Ông Trần Văn Thái	Thành viên
Ông Huỳnh Văn An	Thành viên
Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Phụ trách quản trị Công ty

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thành Nghè	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025)
Ông Quách Kim Long	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025)
Ông Nguyễn Đức Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tính	Thành viên (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025)

Ban Giám đốc

Ông Lê Thanh Văn	Giám đốc
Ông Huỳnh Văn An	Phó Giám đốc
Ông Bùi Thế Hiền	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2026)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Thanh Văn - Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Lê Thanh Vân
Giám đốc

Tỉnh An Giang, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Số: 2369/2026/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2026, từ trang 5 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh VI.3 của bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng thể hiện rằng trong năm 2024, báo cáo tài chính của Công ty TNHH Liên doanh Antraco đã ghi nhận khoản lợi nhuận từ việc định giá lại giá trị đất tăng phủ mỏ đá dùng làm vật liệu san lấp từ việc khai thác mỏ với giá trị là 21.395.203.200 đồng. Hội đồng Thành viên của Công ty liên doanh quyết định chưa chia lợi nhuận này cho nhà đầu tư trong năm trước cho đến khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ khối lượng đất này. Trong năm 2025, sau khi đã thực hiện tiêu thụ được một phần và có đủ cơ sở xác định khả năng thu được lợi ích kinh tế, Công ty liên doanh đã quyết định phân phối toàn bộ phần lợi nhuận nêu trên cho các nhà đầu tư (sau khi đã trích các quỹ theo quy định). Theo đó, Công ty đã ghi nhận phần lợi nhuận được chia tương ứng vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng năm 2025. Ban Giám đốc đánh giá việc ghi nhận khoản lợi nhuận này trong năm 2025 đã phản ánh phù hợp bản chất kinh tế của giao dịch. Tuy nhiên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị đất tăng phủ mỏ đá vẫn chưa được tiêu thụ theo giá trị định giá của công ty liên doanh là 23.478.538.993 đồng (đã bao gồm các khoản thuế, phí phải nộp). Việc lợi nhuận đã được phân chia trong khi phần lớn khối lượng phụ phẩm liên quan vẫn chưa được tiêu thụ có thể dẫn đến yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng hiện thực hóa lợi ích kinh tế từ khối lượng đất này trong các năm tiếp theo.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nhấn mạnh này.



Lương Xuân Trường
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2023-072-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
CHI NHÁNH SÀI GÒN

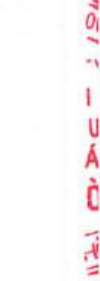
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2026

Trần Thị Xuân Tước
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số N.4184-2022-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		165.006.761.087	139.636.446.528
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.269.066.655	10.235.290.174
1. Tiền	111		4.269.066.655	4.235.290.174
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	6.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.11	24.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		113.208.037.579	111.219.082.780
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	94.700.979.762	96.280.776.546
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.954.854.537	280.354.391
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	1.200.000.000	1.200.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	25.383.304.594	19.836.704.602
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(10.031.101.314)	(6.378.752.759)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	11.382.079.929	17.268.688.320
1. Hàng tồn kho	141		14.798.950.145	19.933.878.199
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.416.870.216)	(2.665.189.879)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		147.576.924	913.385.254
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		24.045.000	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		123.531.924	913.385.254
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.470.137.204	38.368.988.028
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		858.633.000	858.633.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	858.633.000	858.633.000
II. Tài sản cố định	220		17.416.917.923	14.570.217.150
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	17.416.917.923	14.570.217.150
- Nguyên giá	222		49.351.754.638	43.984.198.826
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.934.836.715)	(29.413.981.676)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		65.000.000	65.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65.000.000)	(65.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		735.582.042	520.600.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	735.582.042	520.600.000
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	16.395.175.182	19.020.871.749
1. Đầu tư vào công ty con	251		14.584.859.059	14.584.859.059
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		7.956.213.357	7.956.213.357
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.145.897.234)	(3.520.200.667)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.063.829.057	3.398.666.129
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1.374.234.751	1.589.877.601
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	2.689.594.306	1.808.788.528
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		204.476.898.291	178.005.434.556



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		61.329.247.295	53.495.743.230
I. Nợ ngắn hạn	310		61.329.247.295	53.495.743.230
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	17.515.280.839	18.377.216.801
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	716.234.254	3.200.483.380
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	4.280.916.592	3.663.834.532
4. Phải trả người lao động	314		2.182.488.263	1.215.678.750
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	5.441.688.467	3.241.508.289
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	9.971.143.023	9.965.930.073
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19	1.722.496.418	2.173.891.756
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	19.498.999.439	11.657.199.649
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		143.147.650.996	124.509.691.326
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	143.075.115.093	124.437.155.423
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.864.040.000	32.864.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.864.040.000	32.864.040.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.148.085.349	18.148.085.349
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.345.401.587	3.345.401.587
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		88.717.588.157	70.079.628.487
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		35.926.409.240	52.698.349.857
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		52.791.178.917	17.381.278.630
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		72.535.903	72.535.903
1. Nguồn kinh phí	431		72.535.903	72.535.903
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		204.476.898.291	178.005.434.556


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng


Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		146.317.654.766	150.026.733.498
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	VI.1	146.317.654.766	150.026.733.498
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	130.009.134.023	132.714.257.248
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		16.308.520.743	17.312.476.250
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	67.570.969.664	23.265.786.254
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.828.061.415	2.272.816.015
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.254.768	227.541.431
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	920.161.268	649.119.979
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	13.817.579.739	14.561.098.317
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		66.313.687.985	23.095.228.193
11. Thu nhập khác	31		457.898.566	5
12. Chi phí khác	32		127.602.918	186.114.544
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		330.295.648	(186.114.539)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		66.643.983.633	22.909.113.654
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	1.292.777.760	878.937.507
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	(880.805.778)	(407.819.471)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		66.232.011.651	22.437.995.618


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng


Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

		Đơn vị: VND	
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	66.643.983.633	22.909.113.654
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.942.061.872	2.230.361.958
Các khoản dự phòng	03	7.029.725.459	4.078.956.127
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	54.520	(2.307.241)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(67.535.784.229)	(23.221.447.610)
Chi phí lãi vay	06	9.254.768	227.541.431
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động			
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	1.738.011.441	(28.747.387.189)
Giảm hàng tồn kho	10	5.134.928.054	5.868.175.141
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(401.549.912)	1.557.941.694
Giảm chi phí trả trước	12	287.576.070	276.870.620
Tiền lãi vay đã trả	14	(9.254.768)	(227.541.431)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(899.523.573)	(1.891.102.411)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.888.212.191)	(4.603.322.038)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.051.271.144	(21.544.147.295)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.099.722.907)	(991.533.932)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(24.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	29.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	60.946.322.764	11.768.637.342
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	30.846.599.857	39.777.103.410
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	3.564.666.655	21.998.744.705
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.564.666.655)	(21.998.744.705)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(32.864.040.000)	(16.432.020.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(32.864.040.000)	(19.432.020.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm			
(50 = 20 + 30 + 40)	50	6.033.831.001	(1.199.063.885)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	10.235.290.174	11.432.046.818
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(54.520)	2.307.241
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	16.269.066.655	10.235.290.174
(70 = 50 + 60 + 61)			


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Kế toán trưởng


Lê Thanh Vân
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty Cơ khí An Giang, là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo nghị định số 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 11 năm 2004. Công ty bắt đầu hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600111049 do Sở Tài chính (tiền thân là Sở Kế hoạch và Đầu tư) cấp lần đầu ngày 7 tháng 12 năm 2007 và qua các lần điều chỉnh trong đó lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc cập nhật địa chỉ của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 32.864.040.000 đồng, được chia thành 3.286.404 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Đức, tỉnh An Giang (trước đây là phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là An Giang Mechanical Joint Stock Company, tên viết tắt là: Angimeco (AMC).

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu là CKA.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày cuối năm và tại ngày đầu năm lần lượt là 130 người và 133 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa; sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; đúc sắt thép và các ngành nghề khác theo hồ sơ đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất cầu các loại, sản xuất máy gặt, máy sấy các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt, máy sấy.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty hiện đang đầu tư vào hai (02) công ty con và một (01) công ty liên doanh. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang	Tỉnh An Giang	100%	100%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	Tỉnh An Giang	100%	100%	Sản xuất các cấu kiện kim loại
Công ty liên doanh				
Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Vật liệu Xây dựng An Giang (tên công ty viết tắt là "Công ty TNHH Liên doanh Antraco") (i)	Tỉnh An Giang	50%	49%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

(i) Công ty TNHH Liên doanh Antraco đã được gia hạn quyền khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng đến ngày 26 tháng 6 năm 2027 theo Quyết định số 411/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang ngày 28 tháng 3 năm 2025.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Công ty đã áp dụng nhất quán các chính sách kế toán cũng như các quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Do đó thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán đang áp dụng

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hướng dẫn kế toán mới đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và được áp dụng cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày này. Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các văn bản có liên quan. Các nội dung liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước như hướng dẫn tại Thông tư 200 vẫn tiếp tục được thực hiện.

Thông tư 99 chưa được áp dụng trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đối với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho các kỳ kế toán sau.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh. Nếu công ty con, công ty liên doanh là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước gồm khoản sửa chữa tài sản, giải phóng mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính riêng các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản đồng kiểm soát (tiếp theo)

Các tài sản cố định khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính riêng dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa được xác định bằng 5% trên doanh thu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, căn cứ theo giá trị bảo hành quy định trong hợp đồng với khách hàng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn trong năm.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành công trình xây dựng được xác định bằng 5% trên doanh thu đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, căn cứ theo giá trị bảo hành quy định trong hợp đồng với khách hàng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào giá vốn trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi

Doanh thu đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng là phần hoa hồng bán hàng mà Công ty được hưởng.

Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lợi nhuận từ công ty liên doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận được chia trong năm của Công ty liên doanh.

Lợi nhuận từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lợi nhuận đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý hơn là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	74.865.074	167.639.030
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.194.201.581	4.067.651.144
Các khoản tương đương tiền	12.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	16.269.066.655	10.235.290.174

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Thành Luân 68	19.119.141.700	
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang	5.687.944.852	9.576.616.812
Công ty Cổ phần Kiến Thành Phú Quốc	3.235.437.290	11.419.097.874
Các đối tượng khác	66.658.455.920	75.285.061.860
Cộng	94.700.979.762	96.280.776.546

Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan
(Xem thuyết minh VII.1)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn Bộ	1.172.568.672	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Nông thôn 620	319.560.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng TMDV Hồng Nhung	-	120.000.000
Các đối tượng khác	462.725.865	160.354.391
Cộng	1.954.854.537	280.354.391

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	
Khoản phải thu về cho vay thể hiện khoản hỗ trợ vốn cho Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên - Công ty con của Công ty. Khoản phải thu đã quá hạn thanh toán và Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định (xem thêm tại thuyết minh V.6)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

5. Phải thu khác	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh	23.560.306.803	17.004.459.590
Các khoản tiền đặt cọc, cầm cố và ký quỹ	1.155.556.723	1.678.685.000
Phải thu ngắn hạn khác	667.441.068	1.153.560.012
Cộng	25.383.304.594	19.836.704.602

b. Dài hạn		
Các khoản tiền đặt cọc, cầm cố và ký quỹ	858.633.000	858.633.000

Tổng cộng	26.241.937.594	20.695.337.602
------------------	-----------------------	-----------------------

Trong đó, phải thu các bên liên quan (Xem thuyết minh VII.1)	23.560.306.803	17.589.611.869
---	----------------	----------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

6. Nợ xấu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	25.332.639.784	16.141.538.470	(9.191.101.314)	11.781.908.025
Phải thu về cho vay ngắn hạn	1.200.000.000	360.000.000	(840.000.000)	1.200.000.000
Cộng	26.532.639.784	16.501.538.470	(10.031.101.314)	12.981.908.025
				6.003.155.266
				600.000.000
				6.603.155.266
				(5.778.752.759)
				(600.000.000)
				(6.378.752.759)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	(6.378.752.759)	(5.098.150.413)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(3.652.348.555)	(1.280.602.346)
Số dư cuối năm	(10.031.101.314)	(6.378.752.759)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.466.157.685	(69.326.334)	7.383.912.122	(69.326.334)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.649.754.341	-	8.509.343.857	-
Thành phẩm	1.390.712.734	(1.095.441.853)	1.633.890.015	(1.053.612.927)
Hàng hóa	2.292.325.385	(2.252.102.029)	2.406.732.205	(1.542.250.618)
Cộng	14.798.950.145	(3.416.870.216)	19.933.878.199	(2.665.189.879)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	(2.665.189.879)	(1.906.694.872)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(751.680.337)	(758.495.007)
Số dư cuối năm	(3.416.870.216)	(2.665.189.879)

3. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hình đĩa khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày đầu năm lần lượt là 14.375.822.732 đồng và 12.922.869.364 đồng.

24

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm kế toán với nguyên giá là 65.000.000 đồng, đã khấu hao hết nhưng vẫn còn được sử dụng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí mua đất tại khu dân cư Bình Đức	520.600.000	520.600.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	214.982.042	-
Cộng	735.582.042	520.600.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

Đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang	10.000.000.000	(5.107.225.461)	10.000.000.000	(2.721.034.921)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	4.584.859.059	(1.038.671.773)	4.584.859.059	(799.165.746)
Cộng	14.584.859.059	(6.145.897.234)	14.584.859.059	(3.520.200.667)

Tình hình biến động dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con trong năm

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	(3.520.200.667)	(1.480.341.893)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.625.696.567)	(2.039.858.774)
Số dư cuối năm	(6.145.897.234)	(3.520.200.667)

Đầu tư vào công ty liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	7.956.213.357	-	7.956.213.357	-

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính (tiếp theo)

c. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi có kỳ hạn	24.000.000.000	-

12. Chi phí trả trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	24.045.000	-
b. Dài hạn		
Chi phí giải phóng mặt bằng chờ phân bổ (i)	1.041.666.666	1.250.000.000
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	191.518.586	173.639.898
Chi phí sửa chữa tài sản	141.049.499	166.237.703
Cộng	1.374.234.751	1.589.877.601
Tổng cộng	1.398.279.751	1.589.877.601

(i) Số dư thể hiện chi phí đầu tư xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô (không bao gồm chi phí thuê đất) được sử dụng để góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (TCTC) (xem chi tiết tại Thuyết minh số VII.2)

13. Thuế thu nhập hoãn lại

	Các khoản dự phòng VND
Số dư đầu năm trước	1.400.969.057
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(407.819.471)
Số dư đầu năm nay	1.808.788.528
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(880.805.778)
Số dư cuối năm nay	2.689.594.306

Thuế suất được sử dụng để tính thuế hoãn lại là thuế suất dự tính của kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hoặc thanh lý, hiện được ước tính ở mức 20%.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

14. Phải trả cho người bán ngắn hạn

Tại ngày kết thúc năm tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản nợ phải trả người bán đồng thời cũng là giá trị có khả năng thanh toán. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Thép Nam Phát	4.403.733.293	2.140.661.321
Công ty Cổ phần Kim khí Bình Dương	3.499.601.215	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Sản xuất Thiên Lộc Phát	-	4.858.555.955
Các đối tượng khác	9.611.946.331	11.377.999.525
Cộng	17.515.280.839	18.377.216.801
Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thuyết minh VII.1)	-	1.061.859.575

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ông Nguyễn Văn Duẩn	200.000.000	-
Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Phương Thanh	126.800.000	67.000.000
Công ty TNHH Xây xát Sản xuất Thanh Phong	100.000.000	-
Công ty CP Công trình Cầu Phà TPHCM	98.365.770	104.424.240
Công ty TNHH Vietsun Pacific	-	660.000.000
Japan Insulation Co., Ltd.	-	633.792.150
Công ty TNHH Sao Vàng	-	486.552.000
Các đối tượng khác	191.068.484	1.353.139.230
Cộng	716.234.254	3.200.483.380

16. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	21.179.313	1.232.534.170	1.268.959.261	57.604.404
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	892.205.941	1.785.596.427	959.318.006	65.927.520
Cộng	913.385.254	3.018.130.597	2.228.277.267	123.531.924
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.564.310.959	4.154.412.978	3.930.585.105	3.788.138.832
Thuế thu nhập doanh nghiệp	99.523.573	1.292.777.760	899.523.573	492.777.760
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.501.409	5.501.409	-
Cộng	3.663.834.532	5.452.692.147	4.835.610.087	4.280.916.592

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sản xuất, thi công công trình	5.386.688.467	3.190.008.289
Chi phí phải trả khác	55.000.000	51.500.000
Cộng	5.441.688.467	3.241.508.289

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả về cổ phần hoá	7.134.811.183	7.134.811.183
Tiền sử dụng đất phải nộp lại Nhà nước	2.370.727.402	2.370.727.402
Phải trả ngắn hạn khác	465.604.438	460.391.488
Cộng	9.971.143.023	9.965.930.073
Trong đó, phải trả các bên liên quan (Xem thuyết minh VII.1)	54.000.000	54.000.000

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Dự phòng bảo hành sản phẩm, công trình VND
Số dư đầu năm	2.173.891.756
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	912.190.115
Hoàn nhập dự phòng	(457.896.366)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(905.689.087)
Số dư cuối năm	1.722.496.418

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Quỹ khen thưởng	19.098.999.439	11.357.199.649
Quỹ thưởng Ban điều hành Công ty	400.000.000	300.000.000
Cộng	19.498.999.439	11.657.199.649

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	11.657.199.649	9.043.945.278
Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm trước	1.289.179.247	2.159.859.421
Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm nay	13.440.832.734	5.056.716.988
Quỹ thưởng từ Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh An Giang	7.020.000	-
Quỹ thưởng từ Tổng Công ty	-	95.400.000
Sử dụng quỹ trong năm	(6.895.232.191)	(4.698.722.038)
Số dư cuối năm	19.498.999.439	11.657.199.649

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu					
a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	32.864.040.000	18.148.085.349	3.345.401.587	73.346.920.317	127.704.447.253
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	22.437.995.618	22.437.995.618
Chia cổ tức	-	-	-	(16.432.020.000)	(16.432.020.000)
Trích thường Ban điều hành	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.816.576.409)	(6.816.576.409)
Trích lập tiền sử dụng đất phải nộp lại	-	-	-	(2.056.691.039)	(2.056.691.039)
Số dư đầu năm nay	32.864.040.000	18.148.085.349	3.345.401.587	70.079.628.487	124.437.155.423
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	66.232.011.651	66.232.011.651
Chia cổ tức	-	-	-	(32.864.040.000)	(32.864.040.000)
Trích thường Ban điều hành (i)	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(14.230.011.981)	(14.230.011.981)
Số dư cuối năm nay	32.864.040.000	18.148.085.349	3.345.401.587	88.717.588.157	143.075.115.093

(i) Quỹ khen thưởng, phúc lợi bao gồm 1.189.179.247 đồng được trích từ lợi nhuận năm 2024 và 13.040.832.734 đồng được tạm trích từ lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 với tỷ lệ là 20%. Quỹ khen thưởng Ban điều hành bao gồm 100 triệu đồng được trích từ lợi nhuận năm 2024 và 400 triệu đồng tạm trích theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 09 tháng 5 năm 2025. Số liệu cuối cùng về việc trích lập các quỹ sẽ được điều chỉnh theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông thường niên sắp tới.

22/06/2025

11/11/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.286.404	3.286.404
Số lượng cổ phiếu đã phát hàng ra công chúng	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu phổ thông	3.286.404	3.286.404
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.286.404	3.286.404
+ Cổ phiếu phổ thông	3.286.404	3.286.404
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/Cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 ngày 09 tháng 5 năm 2025 đã thông qua việc chia cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 100% trên mệnh giá, tương đương với số tiền là 32.864.040.000 đồng. Toàn bộ giá trị cổ tức này đã được thanh toán cho các cổ đông.

Cổ tức năm 2025 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ từ 50% vốn điều lệ trở lên. Mức chi trả và hình thức trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên sắp tới.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm	100.834.012.314	39.762.657.657
Doanh thu xây dựng các loại cầu	33.787.627.279	102.967.058.727
Doanh thu bán hàng hóa	6.269.825.873	4.598.495.745
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.426.189.300	2.698.521.369
Cộng	146.317.654.766	150.026.733.498

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan
(xem chi tiết tại Thuyết minh VII.2)

2.465.849.889	5.974.868.628
---------------	---------------

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán thành phẩm	89.544.572.254	34.205.758.630
Giá vốn của hoạt động xây dựng cầu	32.241.945.216	93.250.639.996
Giá vốn bán hàng hóa	5.915.434.592	4.184.576.748
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.555.501.624	314.786.867
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	751.680.337	758.495.007
Cộng	130.009.134.023	132.714.257.248

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận từ Công ty TNHH Liên Doanh Antraco (i)	66.925.379.755	22.004.459.590
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	610.404.474	1.216.988.020
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	35.185.435	42.031.403
Lãi chênh lệch tỷ giá từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	-	2.307.241
Cộng	67.570.969.664	23.265.786.254
Trong đó, doanh thu phát sinh với các bên liên quan (Xem tại thuyết minh VII.1)	66.925.379.755	22.004.459.590

(i) Lợi nhuận từ Công ty TNHH Liên Doanh Antraco bao gồm 60.560.306.803 đồng được chia từ lợi nhuận năm 2025 và 6.365.072.952 đồng được chia từ lợi nhuận năm 2024. Trong năm 2024, Công ty TNHH Liên doanh Antraco đã ghi nhận khoản lợi nhuận từ việc định giá lại giá trị đất tăng phủ mỏ đá dùng làm vật liệu san lấp từ việc khai thác mỏ với giá trị là 21.395.203.200 đồng. Hội đồng Thành viên của Công ty liên doanh quyết định chưa chia lợi nhuận này cho nhà đầu tư trong năm trước cho đến khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ khối lượng đất này. Trong năm 2025, sau khi đã thực hiện tiêu thụ được một phần và có đủ cơ sở xác định khả năng thu được lợi ích kinh tế, Công ty liên doanh đã quyết định phân phối toàn bộ phần lợi nhuận nêu trên cho các nhà đầu tư (sau khi đã trích các quỹ theo quy định). Theo đó, Công ty đã ghi nhận phần lợi nhuận được chia tương ứng vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng năm 2025. Ban Giám đốc đánh giá việc ghi nhận khoản lợi nhuận này trong năm 2025 đã phản ánh phù hợp bản chất kinh tế của giao dịch. Tuy nhiên, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị đất tăng phủ mỏ đá vẫn chưa được tiêu thụ theo giá trị định giá của công ty liên doanh là 23.478.538.993 đồng (đã bao gồm các khoản thuế, phí phải nộp).

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	2.625.696.567	2.039.858.774
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	193.055.560	5.415.810
Chi phí lãi vay	9.254.768	227.541.431
Lỗ chênh lệch tỷ giá từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	54.520	-
Cộng	2.828.061.415	2.272.816.015

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí hoa hồng bán hàng	313.500.000	120.580.000
Chi phí vận chuyển, thử tải	180.232.403	528.539.979
Chi phí dịch vụ mua ngoài	426.428.865	-
Cộng	920.161.268	649.119.979

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.927.526.037	7.202.641.529
Chi phí đồ dùng văn phòng	18.805.051	240.990.596
Chi phí khấu hao tài sản cố định	443.418.836	451.533.868
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Tiền thuê đất	939.492.331	3.663.411.250
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.652.348.555	1.280.602.346
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.225.481.026	1.473.870.669
Chi phí bằng tiền khác	607.507.903	245.048.059
Cộng	13.817.579.739	14.561.098.317

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	66.643.983.633	22.909.113.654
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	6.182.317.318	3.490.033.472
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế khác	562.967.604	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(66.925.379.755)	(22.004.459.590)
Thu nhập chịu thuế	6.463.888.800	4.394.687.536
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.292.777.760	878.937.507

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	113.461.412.208	106.637.788.448
Chi phí nhân công	17.739.981.913	17.513.123.217
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.847.062.642	2.110.090.318
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.803.057.420	7.047.233.724
Chi phí khác bằng tiền	1.815.945.100	2.610.448.270
Cộng	143.667.459.283	135.918.683.977

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	Công ty con
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	Công ty liên doanh
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Trong năm, Công ty đã phát sinh các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang	1.982.780.000	5.791.597.516
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Long Xuyên	483.069.889	183.271.112
Cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ từ bên liên quan	2.465.849.889	5.974.868.628

Doanh thu hoạt động tài chính		
Công ty TNHH Liên Doanh Antraco	66.925.379.755	22.004.459.590

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở trên, trong năm Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP		
Chia cổ tức	15.580.720.000	7.790.360.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên		
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.895.247.993	3.286.475.314
Bán hàng hóa, dịch vụ	483.069.889	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang		
Mua hàng hóa, dịch vụ	3.038.990.740	3.159.848.762
Bán hàng hóa, dịch vụ	1.982.780.000	-
Công ty TNHH Liên doanh Antraco		
Mua hàng hóa	-	203.184.400

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang	5.687.944.852	9.576.616.812
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	-	470.040.000
Cộng	5.687.944.852	10.046.656.812

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán: (tiếp theo)

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	1.200.000.000	1.200.000.000
Phải thu khác		
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	23.560.306.803	17.004.459.590
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	-	585.152.279
Cộng	23.560.306.803	17.589.611.869

Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	-	535.859.575
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu đường An Giang	-	526.000.000
Cộng	-	1.061.859.575

Phải trả ngắn hạn khác		
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Long Xuyên	54.000.000	54.000.000

Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Trần Quân Anh	Chủ tịch	60.000.000	48.000.000
Ông Đồng Trọng Nghĩa	Thành viên	48.000.000	36.000.000
Ông Lê Thanh Vân	Thành viên	48.000.000	36.000.000
Ông Trần Văn Thái	Thành viên	48.000.000	36.000.000
Ông Huỳnh Văn An	Thành viên	48.000.000	36.000.000
Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Phụ trách quản trị Công ty	30.000.000	18.000.000
Cộng		282.000.000	210.000.000

Ban Kiểm soát			
Ông Nguyễn Thành Nghè	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025)	33.000.000	18.000.000
Ông Quách Kim Long	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025)	40.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Đức Hiền	Thành viên	30.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Văn Tính	Thành viên (bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2025)	5.000.000	-
Cộng		108.000.000	72.000.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Giám đốc được hưởng trong năm:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Lê Thanh Vân	Giám đốc	806.097.636	759.745.091
Ông Huỳnh Văn An	Phó Giám đốc	514.965.000	488.737.182
Cộng		1.321.062.636	1.248.482.273

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Các cam kết

Cam kết thuê hoạt động - Công ty là bên đi thuê

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm	1.769.276.853	6.400.654.743
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	4.423.194.064	1.769.276.853
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	23.686.514.961	21.675.471.997
Sau năm năm	1.504.472.308	6.446.933.333
Cộng	29.614.181.332	29.891.682.183

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 8.052,2 m2 đất tại phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 3.776,6 m2 đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 21 tháng 5 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 18.577,4 m2 đất tại phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 89,8 m2 đất tại phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 11 tháng 4 năm 2008.

Cam kết không hủy ngang khác

Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2018/BCC-TCTC-CKAG ngày 8 tháng 4 năm 2018 và phụ lục hợp đồng ngày 3 tháng 10 năm 2018 (gọi chung là Hợp đồng BCC) với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (TCTC) để thực hiện dự án đầu tư Xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô. Theo hợp đồng BCC và giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 5414883082 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 18 tháng 4 năm 2017 và sửa đổi lần 2 ngày 22 tháng 10 năm 2018, dự án được thực hiện bởi hai nhà đầu tư là Công ty và TCTC, trong đó Công ty góp bằng tài sản trên đất trị giá 2,5 tỷ đồng và TCTC góp tiền mặt để thực hiện xây dựng và cải tạo hoặc trang bị cho công trình tại mặt bằng để thực hiện dự án. Thời hạn hoạt động của dự án là từ ngày 22 tháng 10 năm 2018 đến ngày 05 tháng 01 năm 2031 (ngày kết thúc thời hạn thuê đất). Sau khi tài sản trên đất được xây dựng, cải tạo hoặc trang bị xong sẽ được chuyển giao cho TCTC và do TCTC toàn quyền quản lý và sử dụng cho các mục tiêu của dự án cho đến khi chấm dứt thời hạn.

Không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án, Công ty được hưởng một khoản doanh thu được chia cố định (chưa bao gồm VAT) là 2 tỷ đồng/năm trong vòng 5 năm đầu tiên của thời hạn và kể từ năm thứ 6 trở đi, định kỳ 3 năm một lần, hai bên sẽ thỏa thuận lại giá trị khoản doanh thu cố định chia cho Công ty nhưng mức tăng không vượt quá 10% giá trị của khoản doanh thu cố định được hưởng của giai đoạn liền kề trước đó.